



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Cao Đài Giáo Lý

ĐỒNG BÌNH THÂN
2016



NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO



CAO ĐÀI GIÁO LÝ • ĐÔNG BÌNH THÂN 2016

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, QUẬN I, TP.HCM.

CAO ĐÀI GIÁO LÝ • ĐÔNG BÌNH THÂN 2016

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ (04) 37.822.845 – Fax: (04) 37.822.841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám Đốc – Tổng Biên Tập: **NGUYỄN CÔNG OÁNH**

Biên tập: **LÊ HỒNG SƠN**

Trình bày & Kỹ thuật: **LÊ ANH THU**

Sửa bản in: **DIỆU NGUYỄN**

Đơn vị liên kết: Ông Đoàn Thiện Tâm

Địa chỉ: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP.HCM

Số lượng in: 1000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại XN in FAHASA

774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TP.HCM

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số ĐKXB: **3669-2016/CXBIPH/08-183/TG**

Mã ISBN: **978-604-61-4169-3**

QĐXB: **737/QĐ-NXBTG**, ngày 28-10-2016.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2016

BÀI VỞ, THƯ TỪ, NGÂN PHIẾU, TÀI CHÁNH

CHUNG SỨC THỰC HIỆN XIN GỬI VỀ

Giáo sĩ Huệ Ý, Đoàn Thiện Tâm

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP.HCM

☎ 0937.65.94.51 – ✉ caodai2026@gmail.com

TK: Sacombank chi nhánh Sài Gòn, PGD Cống Quỳnh

Số TK: 0601 0892 2845

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

Cao Đài Giáo Lý

ĐÔNG BÌNH THÂN 2016

Nhà xuất bản Tôn Giáo
Hà Nội – 2016



Cao Đài Giáo Lý • Đông Bính Thân 2016

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

171B CỐNG QUỲNH, P. NGUYỄN CỬ TRINH, Q.1, TP.HCM

ẢNH BÌA 1: Lễ hiến dâng trọn đời của các Tu sinh tại CQPTGLĐĐ.

mục lục

SUY NGẪM: CÔNG TRÌNH TRÊN ĐẠI THỪA THIÊN ĐẠO	6
<i>Ban Biên Soạn.</i>	
TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO:	
GỘI NHUẦN HỒNG ÂN TU THÂN HÀNH ĐẠO	10
THIÊN HÒA ĐỒNG NHÂN	15
THÁNH GIÁO SONG NGŨ	24
<i>Nhóm Dịch Thuật Văn Hóa Vụ.</i>	
ĐẠI LỄ THÁNH THẤT KHAI MINH ĐẠI ĐẠO	29
<i>Đạt Tường.</i>	
TỪ THI TIÊN LÝ BẠCH ĐẾN LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG	42
<i>Hồng Phúc.</i>	
TINH THẦN ĐẠI ĐẠO	68
<i>Chí Thật.</i>	
NHỨT NGUYỄN ĐẠI ĐẠO HOÀNG KHAI	78
<i>Giáo sĩ Diệu Như.</i>	
TIỀM LỰC SÂU THẨM	100
<i>Thiện Chí.</i>	

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI <i>Diệu Nguyên.</i>	103
CHÍ THÀNH BẤT TỨC CHỨNG KIM TIÊN <i>Chí Thật.</i>	114
TÌM HỌC ĐỨC NHÂN <i>Giáo sĩ Kim Dung.</i>	125
VẠN GIÁO ĐỒNG NGUYÊN VÀ QUY NGUYÊN <i>Diệu Nguyên.</i>	138
MỤC VỤ LIÊN TÔN VÀ Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI <i>Lý Tâm Thiên.</i>	148
CHỮ TÂM TRONG ĐỜI THƯỜNG <i>Xuân Mai.</i>	163
QUYỀN CẦU RỒI VÀ QUYỀN SIÊU RỒI <i>Cao Triều Thiên Tâm Huệ Ý.</i>	174
THÁNH THẤT TÂY THIÊN NGỌC ĐÀN <i>Triều Liên.</i>	176
VỌNG CỔ: 90 NĂM KHAI MINH ĐẠI ĐẠO <i>Chí Thật.</i>	184
VIẾT NGẮN 16: TẢN VĂN: HÈ & MƯA, XA & GẦN <i>Tử La Lan.</i>	187
NHÂN ĐỌC “NHẬP MÔN NGHIÊN CỨU DỊCH THUẬT” <i>Bác sĩ Ngô Văn Long.</i>	195
SỨC KHỎE: THỨC UỐNG NGỪA ĐỘT QUÝ MÀ NHÀ NÀO CŨNG NÊN BIẾT <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	212
GIA CHÁNH: BÁNH BAO CHỈ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	214
THEO DÒNG ĐẠO SỰ <i>Thanh Hiến.</i>	216
TRUYỆN TRANH: (KỶ 4) NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU: MÔN ĐỆ ĐẦU TIÊN CỦA CAO ĐÀI <i>Lời: Bửu Long • Vẽ: Cọ Trắng.</i>	218

SUY NGẪM

Công Trình trên **ĐẠI THỪA THIÊN ĐẠO**

■ **BAN BIÊN SOẠN**

Thánh giáo dạy:

“Về công trình trong công cuộc phổ thông giáo lý hay trên Đại thừa Thiên đạo, chư hiền đệ muội chưa phát huy được tiềm lực sâu thẳm của hàng hướng đạo chơn tu thành một thực thể đạo cứu thế bằng cách này hay cách khác. Do đó, chưa thể đúc kết lại thành công trình khả dĩ thành tựu đúng Thánh ý Thiên cơ.”

Đoạn Thánh giáo tuy ngắn ngủi nhưng hàm súc một công án thâm sâu khiến những ai trung thành sự đạo đều phải nghiền ngẫm từng câu từng chữ:

1. TIỀM LỰC SÂU THẳM CỦA HÀNG HƯỚNG ĐẠO CHƠN TU

– Tiềm lực sâu thẳm là một nguồn sức mạnh ở tận trong đáy lòng người tu, tức trong nội tâm vượt qua các tầng lớp lực trần, lực thức bên ngoài. Tiềm lực đó hoàn toàn trong sạch, thuần nhất. Nó thúc đẩy ý chí, quyết tâm thi hành đạo sự.

– Tiềm lực sâu thẳm của hàng hướng đạo chơn tu: chỉ có bậc hướng đạo chơn tu mới có thể vượt qua những lớp rào cản

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 1980.

ngoại vi đó. Người hướng đạo là người nhận lãnh sứ mạng diu dắt nhân sanh, đương nhiên phải nhắm tới mục tiêu, dứt bỏ mọi tư tâm, phàm ý, chỉ có tâm đạo canh cánh bên lòng mà thôi.

2. THỰC THỂ ĐẠO CỨU THỂ

Tổng hợp những năng lực chuyển hóa phát huy từ tiềm lực, tác động vào tất cả đối tượng mà sứ mạng đề ra.

3. ĐÚC KẾT LẠI THÀNH CÔNG TRÌNH

Thành quả cụ thể đạt được do tổng hợp các chức năng.

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH TÂM MỨC ĐẠI THỪA

1. LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT HUY TIỀM LỰC SÂU THẨM

– Thông thường người có trách nhiệm đương nhiên phải luôn luôn suy tư tìm cách thực hiện công trình, không phải lối suy nghĩ bình thường, mà là tư duy có phương pháp.

– Nghiên cứu rất ráo những yêu cầu thiết yếu nhằm đạt được mục đích.

– Nhận thức đầy đủ và chính xác về sứ mạng cứu độ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung, của từng Hội Thánh hay Cơ Quan Đạo nói riêng.

2. LÀM THẾ NÀO HÌNH THÀNH “THỰC THỂ ĐẠO CỨU THỂ”

– Vận dụng, liên kết các chức năng đồng hành thành một khối duy nhất, từ các chức năng lãnh đạo đến các bộ phận trực thuộc đối với từng Thánh sở; và đối với toàn Đạo, đạt đến sự thống nhất tinh thần, hợp tác mọi hoạt động khai đạo truyền đạo.

- Xây dựng niềm tin ảnh hưởng sâu rộng đến toàn Đạo, toàn nhân sanh thể hiện tình thương, tương thân tương ái.
- Mọi hoạt động đều dựa trên tinh thần Đại Đạo, vô kỷ vô công phát huy tâm hạnh Đại thừa.

3. THÀNH TỰU CÔNG TRÌNH

Kết quả cụ thể do sự phối hợp thành công mọi đạo sự của các bộ phận chức năng.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN TỐI ƯU ĐỂ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

Đáp ứng từ thấp đến cao theo căn cơ từng hành giả.

1. Chuyên nhất tâm, bất thoái chuyển.
2. Công trình phải song hành với công quả, công phu tích cực mới đạt hiệu quả cao.
3. Bước vào Thiên đạo Đại thừa.
4. Hiến dâng, hiến thân hành đạo.
5. Xuất gia.

TÓM LẠI

Tiềm lực sâu thẳm chính là Đạo tự thân. Đức Mẹ dạy:

*Đạo là như vậy đó con ơi,
Đạo ở lòng son, ở đất trời,
Từng nhịp hơi đưa, từng nhịp sống,
Dung hòa vũ trụ chẳng riêng nơi.²*

2. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

– Các nguồn năng lực của Đạo tự thân kết hợp, cộng hưởng nhau tạo thành quyền pháp tác động giáo hóa chúng sanh, gọi là thực thể đạo cứu thế.

Trong một tổ chức hay một Thánh sở, các phần hành cùng vận dụng quyền pháp đạo tạo thành tổng lực nhằm vào mục đích cứu độ, sẽ kết thành Thực thể đạo cứu thế của tổ chức.

Các tôn giáo đem tinh thần “Vạn giáo nhất lý” phát huy chánh pháp tự hữu, liên kết nhau giải quyết các vấn nạn nhân sinh lẫn tâm linh, sẽ trở nên Thực thể đạo cứu thế trên cục diện thế giới.

Tóm lại, một khi những hàng chơn tu, đạt đến tu chứng “tâm linh siêu việt,” đương nhiên hoàn thành được những công trình tức những thành tựu có công dụng khai minh Đại Đạo theo Thánh ý Thiên cơ.■



THÁNH GIÁO

(...)

Trong một tổ chức, một cơ quan với sứ mạng đã được đặt để từ Thượng Đế Chí Tôn, các em hãy thương yêu nhau, hãy tin cậy lẫn nhau, dầu cho đến ngày pháp nạn mà các em vẫn hòa hợp thành một khối tình thiêng liêng thì cũng đã hóa giải được rồi. Ngược lại, các em sẽ tự phá sản trước ngày pháp nạn.

■ CHƯ ĐẠI TIÊN TIỀN KHAI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 KỶ MÙI (04-12-1979).



GỘI NHUÂN HỒNG ÂN TU THÂN HÀNH ĐẠO

■ CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TUẤT THỜI, 15-10 GIÁP DẦN
(28-11-1974)

BẠCH HẠC ĐỒNG TỬ. Tiểu Thánh chào chư Thiên ân sứ mạng, chào chư liệt vị đàn tiền. Tiểu Thánh vâng lệnh Đức Từ Phụ đến trước báo đàn. Chư Thiên mạng cùng chư liệt vị chỉnh trang nghi lễ tiếp rước. Tiểu Thánh chào chung, xin xuất ngoại ứng hầu. Lui.

TIẾP ĐIỂN

NGỌC HOÀNG THUỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG. Thấy các con. Thấy mừng các con. Hôm nay các con hội hiệp cùng nhau thiết lễ Khai Minh Đại Đạo, Thấy cùng chư Phật Tiên giáng trần ban hồng ân cho các con.

THI

Chan rưới hồng ân trẻ gội nhuân,
Tu thân hành đạo độ sanh dân,

Cho nên chút phận nơi trần thế,
Trở lại Thiên cung hợp điểm thần.
Thầy ban ơn, miễn lễ các con đồng an tọa nghe Thầy dạy:
Hỡi các con!

THI BÀI

Thầy mừng thấy các con hội hiệp,
Cùng vui ngày giao tiếp Đạo khai,
Nam phương mở rộng Cao Đài,
Trường thi Đại Đạo hoằng khai hội nầy.
Cơ phục thi văn xoay diễn biến,
Luật tuần hườn luân chuyển không ngừng,
Dặn con từ lúc đầu xuân,
Hè sang, thu mãn, đông quân lại về.
Trải một cuộc giác mê nhân sự,
Đường trăm năm sanh tử luân hồi,
Tiến trình Thầy dặn khúc nôi,
Cao Đài lý Đạo con ôi học hành.
Nơi bất biến hằng sanh tâm Đạo,
Lòng đảo điên khó bảo kim thân,
Ngoài ra bốn phận vi nhân,
Trong còn sứ mạng Thiên ân Tam Kỳ.
Hãy ý thức mỗi khi thiết lễ,
Hầu kiện toàn nội thể đệ huynh,
Đỡ nâng trên bước tiến trình,
Pháp quyền sứ mạng lý tình dung thông.
Muốn sửa lòng, ngắm lòng Từ Phụ,
Tu thân nhìn vũ trụ là thân,

Thái Sơn, biển cả, vi trần,
Tình thương chứa đựng trong phần vô tư.

(...)

Lời Thầy dạy kỳ lễ Khai Minh Đại Đạo trong năm qua rồi, các con có còn nhớ, có học hiểu để vững vàng niềm tin mà hành đạo chăng? Nếu có đọc rồi và nhớ rồi thì không còn lo ngại những biến thiên thế sự làm sụp đổ tinh thần người hướng đạo trung kiên nữa. Bằng con chưa đọc kỹ, hãy đọc lại để làm phương pháp, phương châm trên đường tu thân hành đạo. (...)

Đây, Thầy ban ơn cho tất cả các con hiện diện trung đàn:

TIẾP BÀI

Ngoài thế cuộc hời còn ly loạn,
Trong đạo tâm phải ráng giữ gìn,
Tâm con là chỗ chí linh,
Là nơi hiệp nhứt nhân sinh cùng Thầy.
Những diễn biến đó đây vì bởi,
Nhơn tâm nhiều dục giới tội căn,
Gây nên oan trái xích thằng,
Phải đâu sóng dậy đất bằng hời con.
Thầy khuyên ráng giữ tròn tâm đạo,
Là phù linh phép báu hộ thân,
Để qua khỏi bước đường trần,
Quay về bến giác thoát lẩn bến mê.
Con thức tỉnh gần kề Từ Phụ,
Hãy nhớ người phong vũ truân chuyên,
Cùng con một hội một thuyền,
Hạ gương mặt kiếp nơi miền trần ai.

Cơ tái tạo sắp ngày xây tạo,
Bước tiến trình trọng bảo nguyên nhân,
Khôn ngoan tự thấp đuốc thần,
Ân hồng dành để riêng phần mỗi con.

Đây, Thầy dụng huyền linh bố phép vào vật hữu hình để ban ơn cho tất cả các con hiện diện hôm nay đồng vui ngày Khai Đạo để cứu vớt nhơn loại. Thầy không quên những đứa có công lao với Đạo đã hiến dâng, mặc dầu là sự hiến dâng bằng vật chất, mặc dầu là một trong muôn một, nhưng đối với các con là cả tinh thần, cả sinh lực ý chí để hiến dâng, từ văn phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đến Thư viện, từ tập Cao Đài Giáo Lý đến mái Tịnh đường, và sẽ còn tiếp tục trên quảng đường sứ mạng. Thầy dành một công đức mờ mờ bên trong, không bù sót lại bằng vật chất hữu hình để các con được giải hết nghiệp quá khứ, hiện tại hầu chứng quả vô sanh. Tuy nhiên luật công bình cũng đã bù sót cho cân xứng công lao của các con rồi. Giờ đây, chỉ còn tiếp tục mãi mãi trên đường đạo pháp tận độ nhơn sanh. Các con an tọa.

Thầy cũng không quên những con chưa trọn vẹn đặt mình trong cửa đạo để tu trì. Thầy nhắc nhở và kêu gọi các con hãy thật tỉnh trước thể đạo tình đời để tự cứu. Thầy cũng không quên nhắc nhở các con nữ phái Nữ Chung Hòa. Các con được ơn phước lãnh vai tuồng gieo giống hòa hiệp trong giới nữ của các con và tiếp tay trong công cuộc hoằng khai đạo lý, cứu độ nhơn sanh. Các con hãy ráng tu công lập hạnh, tạo đức gây nhân để hoàn thành sứ mạng của người con nữ phái trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Thầy cũng không quên mấy đứa nhỏ đang độ thanh xuân vào trường đạo học, phải chịu giải đáp những bài toán khó

khăn. Con ôi! Ngọc có dỗi mài mới nên giá ngọc. Muốn nên hình long phụng phải chịu uốn nắn thuở cây non. Các con hãy bình tĩnh để đáp số rồi sẽ được ơn ban. Thầy dành hồng ân cho đoàn con tiếp nối.

Đây, Thầy cũng nhắc nhở các con về khóa tịnh Đông chí sắp đến. Mặc dầu các con vẫn công phu tu luyện hằng ngày, nhưng cũng cần phải có những khóa học tập, tu tập, để kiểm điểm lại tinh thần tiến đạo của các con. Trước tiết Đông chí, Tam Giáo có cầu xin cho các con một khóa tịnh hợp đồng Cơ Quan và Minh Lý Thánh Hội tại Bắc Nhã Tịnh Đường. Khóa tịnh này các con sẽ hòa hợp tinh thần điểm đạo để hướng về cõi hư không tiếp nhận điển Thiêng Liêng để phát động cho tất cả trong nguyện lành của các con. Vậy các con mỗi đứa đều dọn mình chờ sự sắp xếp của Đông Phương Chưởng Quân sắp đến. (...)

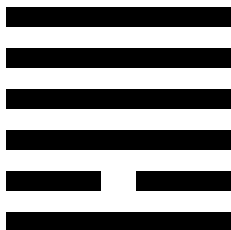
Sau đàn, các con hãy đem những quả tử hôm nay chia nhau chút ơn phước Thầy ban cho các con vững niềm tin mà tu niệm.

THI

Vững vàng tu niệm các con ôi!
Xuôi ngược rồi ra cũng chẳng rồi,
Nước lặng mình châu tìm thấy bóng,
Sóng xao chi dễ trẻ yên ngời!
Yên ngời mới thấy việc nên hư,
Phước hãy tạo thêm, họa phải từ,
Chớ mộng Thiên cơ trong ảo tưởng,
Cho lòng sáng suốt hiện chơn như.

Các con nhớ lời Thầy dạy hôm nay để lo cho ngày mai nhiều giống tổ. Thầy ban ơn các con lớn nhỏ. Thầy hồi cung. Thăng. ■

THÁNH GIÁO



THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN

■ HUỖN CUNG ĐÀN 15—11 BÌNH NGỘ (25—12—1966)

THI

Thích, Nho, GIA, Lão vẫn đồng nguyên,

Chung sức TÔ nên đạo thống truyền,

Hoằng hóa GIÁO dân tin Chánh pháp,

Tự cường CHỦ động gọi ơn Thiên.

Ta chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.

Ngày này khắp trên mặt địa cầu đều để lòng ghi nhớ ơn Ta.
Ta sẽ ban nhiều phước lành cho nhơn loại. Nơi đây cũng như
khắp trong nền Chánh pháp Cao Đài đều dâng lễ mừng Ta. Ta
sẽ làm cho nước này, dân này, được nhiều an ủi và lành mạnh
thêm mãi. Chư Thiên ân an tọa.

Này chư hướng đạo ôi! Khắp trên hoàn cầu, nơi nào cũng

bị họa đời dày xéo, người người đương rên rĩ, lầm than, pháp phỗng lo sợ từ giờ, từ phút, chưa biết ma tử thần đến lúc nào.

Ôi! Cảnh đời quá điêu linh, điên đảo, nước nước tranh giành mà đưa đến cho con người một cuộc máu xương khói lửa ngút trời. Khổ vì xác thịt, vì ăn, vì mặc, vì lợi, vì danh, vì chỗ đứng nơi ngai, vì màu da sắc tóc, loài người xô đẩy nhau. Chẳng những vậy, mà còn phe phái, xu hướng khác nhau, đã gây nên tang tóc cho đời. Thậm chí tôn giáo cũng vì tín ngưỡng không đồng mà xô sát nhau, làm cho tinh thần xáo trộn. Cái họa đời to tát, rồi đây nó sẽ xô nhơn loại vào hố gươm đao, vào nơi chiến địa. Nếu đạo Trời không ra kịp, thì cõi dinh hoàn này chắc chắn sẽ thành tro bụi.

Đạo Trời lần ba hoàng khai để cứu vãn tình trạng nguy vong của nhơn loại, mà tái lập cuộc thế giới an bình. Thượng Đế chọn đất Việt làm thánh địa, chọn dân Việt làm tiền phong khai đạo, nói lên những lời thiết tha bằng tình thương lẽ thật và sự sống đời đời.

Cái sứ mạng trọng đại này, cái quyền pháp vinh hạnh này, chư hướng đạo đã chịu ơn Trời, đảm đương công vụ, hầu thay gánh cho Chí Tôn ở dưới cõi này. Làm sao đây?

Đạo lớn lao thì trách nhiệm cũng quá chừng to tát, đâu phải một người làm xong, mà cần hiệp sức nhau, chia sót nhau, để cùng lo cùng tính. Kẻ trong người ngoài, nơi nào cũng có mặt con người hướng đạo, hầu nói lên cái tôn chỉ dung hòa bình đẳng, hầu mọi người, mọi nơi được nhận định nguồn gốc là Đạo có một không hai, để lấp bằng các hố chia rẽ bất bình, xô đổ những thành trì ngăn ngại phân ranh màu sắc, tín ngưỡng.

Chư hướng đạo nên dừng nghỉ một vài phút để kiểm điểm việc làm của quyền pháp, vì sao mà chưa cảm hóa được người? Vì sao mà mỗi ngày còn chia xẻ ra từng manh mún, làm cho Thánh Thể của Thầy mỗi nơi mỗi đoạn. Nền đạo hầu như ngưng trệ, các bộ máy đã tê liệt lắm rồi! Trông lại đảng sau bao nhiêu người đương yêu cầu, mong mỗi Thần cứu chuộc cho họ thoát khỏi đau thương.

Nền đạo hiện tình, mỗi nơi mỗi nhóm, mạnh ai nấy lo, mạnh ai nấy làm, không tương quan mật thiết. Đã đành chia ra để hoạt động, chia trong nguyên tắc quyền pháp, thì có hại gì đâu! Cũng như một cây thuốc chia thành mười tấc, mỗi tấc chia ra mười phân, mỗi phân còn chia nhỏ từ ly. Sự chia của cây thuốc là để làm công dụng cho thiên hạ rập ràng, thì sự chia đó có hại gì đâu, mà còn lợi gấp ngàn gấp trăm.

Song sự chia của nền đạo trong hiện tình, chẳng được y theo khuôn thước, nên chỗ vầy chỗ khác, như đã thiên sai vạn biệt lắm rồi! Chưa nói cứu đời, mà tự mình đã lâm vào cảnh chia ly thống khổ.

Xét ra thì tự mình đã mâu thuẫn lấy mình. Mình tự mâu thuẫn mình, thì còn ai tin mình? Nên chi người hướng đạo phải có trách nhiệm làm sao để vãn hồi, tìm các giải pháp hữu hiệu, để sớm phục hưng, đem nhau về một. Công đức đó mới xứng đáng của cái tên “hướng đạo”.

Làm được vậy thì đẹp lòng Thầy, mà mãn nguyện cho nhơn sanh, thì phước lành mới chảy đến muôn loài vạn vật. Song quyền pháp đâu phải Trời không đủ kềm chế, huyền diệu Thầy

đâu phải không đủ sửa đường, mà để cho chư hướng đạo và nhơn sanh lập lấy công, tu lấy hạnh hầu trở nên Tiên, Phật, Thánh, Thần.

Sự chia ra cũng có lợi: nhờ vậy mà mỗi Đạo được lan tràn rộng lớn, mà cũng được yên ổn cho nội bộ, ở chỗ chính quyền không lo và không cần lưu ý. Chính quyền nào cũng muốn phân ra để trị, mà ý Thầy cũng tự nhiên tùy theo hoàn cảnh và trình độ của chư hướng đạo, mà sự chia ra để giúp cho mỗi lo lớn cho những tay ưu tú vì Đạo, nên người hướng đạo mới thiết tha hoài bão, đeo đuổi mục tiêu duy nhất cho đến cùng.

Nên từ lâu đã nhiều phen lập hội này, hội nọ, để kêu gọi những người vì Đạo vì Thầy, cộng tác nhau mà xây dựng. Song lập rồi lại phế, phế rồi lập lên, hết keo này, đến keo khác, nhưng chưa đi đến đâu.

Mặc dù chưa kết quả, song đó là trường thi chọn lựa lòng công tâm hạnh của chư hiền, mà chư hiền cũng có dịp bày tỏ lòng mình với nhơn sanh, cho Thượng Đế chứng minh. Ngặt vì đường lối chưa khế đồng, chưa trúng đích.

Muốn hiệp nhứt, mà hiệp bằng một cách đơn độc, bắt buộc ai cũng làm, cũng nói cũng đi một đường, một kiểu như nhau, thì vạn đời chưa chắc kết quả.

Muôn loài vạn vật đều khác nhau. Cá thì ở nước sông. Chim thì ở non ở núi. Bắt cá thả lên rừng, bảo chim vào ở biển, thì làm sao không loạn?

Phương chi nhơn tình mỗi người mỗi ý, hóc hiểm khó khăn, mà muốn biết lòng người, đâu phải không cực tâm nghiên cứu

mà suốt tận đáy lòng của thiên hạ. Song lấy mình để xét người, ai đói cũng muốn ăn, lạnh cũng muốn mặc, nhọc cũng muốn nghỉ, thì mình với người khác chi. Dem mình mà áp dụng vào người, thì ai không theo, ai không đồng.

Ngặt phải về một chỗ, phải làm một việc, phải nói một lời thì kẻ nông phu không sao viết ra bài, người học trò làm sao canh tác nổi? Nên việc làm tuy khác nhau, mà tâm hồn vẫn được như nhau, là điều chung trong lợi người, lợi việc.

Hôm nay, Ta đến để góp một vài ý kiến về việc tương hệ với bạn đồng đức đồng tâm, hầu kết nên tràng thương yêu mà chung cùng nhiệm vụ.

Đây là một đoạn trong Hệ Từ Dịch truyện, Đức Khổng Phu Tử nhấn mạnh về việc đồng tâm, đại đồng của thiên hạ. Ta nên lấy đó để hành đạo, giữ đạo mà xây dựng quyền pháp tương lai, cứu vãn lại nội tình hiện tại.

Hệ Từ viết: “Đồng nhưn tiên hào đào nhi hậu tiểu. Tử viết: Quân tử chi đạo, hoặc xuất, hoặc xử, hoặc mặc, hoặc ngữ, nhi nhưn đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim. Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan.”

“Đồng nhưn tiên hào đào nhi hậu tiểu.” Câu này ở hào ngũ, quẻ Đồng Nhưn. Nói đến đồng nhưn thật rất khó khăn. Song thời thế đã đến, thì dầu ai không muốn đồng cũng không được. “Đồng tâm” là người này người kia, tuy không ở chung với nhau, mà tâm sự vẫn đồng như nhau.

“Tiên” là trước. “Hào đào” là kêu rêu than thở. “Hậu” là sau. “Tiểu” là cười. Nghĩa là nói đến sự đồng tâm, trước vì sao mà phải kêu rêu than thở? Kêu rêu than thở là vì hai người đồng

với nhau, mà chưa ngộ hợp cùng nhau, là vì trung gian có hào cửu tam, cửu tứ ngăn trở, nghĩa là bị người ta phá, bị người ta gièm pha giành giật.

Nhưng lẽ phải cuối cùng cũng được ngộ hợp nhau mà vui cười, sung sướng. Nói đến đồng tâm giữa người này với người kia, mà còn khó như vậy, huống chi khối này khối nọ, làm sao dễ được?

“Quân tử chi đạo” là đạo người quân tử ở chỗ đồng tâm, để mưu toan việc đạo, việc đời, mà lo cho nhơn loại. “Hoặc xuất, hoặc xử, hoặc mặc, hoặc ngữ” nghĩa là: Kẻ ra gánh vác việc đời, làm công việc nọ việc kia; kẻ thì ở yên một chỗ, ẩn dật tu hành, kẻ lại im lặng mà làm thính, còn kẻ thì khua chuông giục trống cảnh tỉnh người đời. Tuy xuất (ra làm quan) với xử (hoặc ẩn dật) khác xa, ngữ (nói), mặc (nín) trái hẳn, song cũng đều lo cùng một mục đích như nhau. Tuy hoàn cảnh địa vị khác nhau, nên mới có kẻ ẩn người hiện, kẻ nói người làm thính, vì thời và vị không giống nhau. Song đem đổi hoàn cảnh của người này cho người kia, thì họ cũng làm như nhau không khác.

Đây nói cái đồng tâm, mà cái tích (việc thấy hiện bên ngoài) bất đồng. Tâm là tinh thần. Tích là hình thức. Tích mà đồng, tâm không đồng, thì người quân tử không hề làm; mà mặc dầu tích không đồng, tâm đồng, là đạo lợi cho thiên hạ. Nên mỗi người đã đồng tâm rồi, thì chia nhau mà lo, kẻ làm việc nọ, người làm việc kia, ai cũng cùng tận tụy, các tận sở năng của mình. Dầu ở xa ngàn dặm, những việc làm giống nhau như khuôn in rập.

“Nhị nhơn đồng tâm kỳ lợi đoạn kim” nghĩa là: Người này cùng người kia mà đồng tâm nhau rồi, thì núi cũng xô ngã được, biển cũng lấp bằng được. Người người đều cảm mà hóa theo, thì khác nào một đoạn sắt chặt một cái là đứt làm đôi. Sức mạnh của đồng tâm ghê gớm, làm gì lại không được? Dầu cho Trời đất cũng vui nghe mà giúp đỡ.

“Đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan” nghĩa là: Lời nói của người đồng tâm, tuy không ngọt ngào, mà ai cũng thích, tuy không nồng nàn mà ai cũng say, cảm đến người đến vật. Lời nói thống thiết chân thành, mùi vị ngọt ngào, dầu sự thơm của hoa lan cũng chỉ đến chừng đó là cùng. Sự đồng tâm tác hợp nhau, để lo xây dựng đạo Trời.

Đạo Trời cũng mưu tính, cải tạo loài người, tái lập cuộc đời đại đồng thế giới. Mục đích ai là người có trách nhiệm trong nền Tân pháp Đại Đạo phải hướng vào đó mà tu sửa, mà mở mang. Song thế giới bước đến đại đồng, trước phải đặt móng đắp nền ở gần, rồi mới đến xa, nghĩa là phải xây dựng đại đồng trong đạo. Người nọ lấy thương yêu làm mục đích, lấy lễ thật làm nền tảng, cột chặt lấy dải đồng tâm.

Hãy xét quẻ Đồng Nhơn trong sáu hào.

Hào sơ thì “Đồng nhơn vu môn.” Nghĩa là: Đại đồng với người, không phải ở trong nhà mà nói đại đồng, cần phải ra khỏi cửa, để đồng cùng xóm giềng, làng nước, giao du chỗ nọ, chỗ kia, mà kết tình bằng hữu, để cùng nhau chung lấy nhiệm vụ đại đồng.

Đến hào lục nhị, thì “Đồng nhơn vu tông.” Nghĩa là: hào này đồng nhơn là đại đồng với trong tông tộc, phe phái hệ

thống của mình mà thôi. Đồng nhưn như thế cũng quá hẹp chật, chưa đúng với đại đồng, nên người hướng đạo coi hào này mà cần mở rộng phạm vi liên kết với bạn bè ở nhiều tôn giáo, học thuyết rải rác khắp mọi nơi.

Đến hào cửu tam, thì cũng muốn đồng với người, song đồng ấy là giành kéo về mình, làm của riêng cho mình, nên núp ở chốn bụi gò mà rình để giựt lục nhị (hào âm).

Đến hào cửu tứ cũng vậy, song muốn được lục nhị, phải cỡi lên cửu tam, nghĩa là trèo lên thành mà coi động tịnh. Hai hào này ở trong quẻ Đồng Nhưn, mà đồng bằng cách giành giựt, tham lam, thì người hướng đạo của ta không nên bắt chước.

Đến hào cửu ngũ, thì trước phải kêu rêu than thở, sau dùng đến đại binh, mới trừ được trung gian phá hoại, mà hai bên mới hội ngộ hợp nhau, vui cười sung sướng. Ôi! Đồng tâm mà khó như vậy, phải dùng toàn lực đại vũ mới đi lên thành công. Điều đó, nhà đạo chắc không làm, vì chi mạnh cho bằng đạo đức? Nên nói:

Lấy đạo đức làm nền xu hướng. Lấy cảm tình làm tướng giục binh. Song cũng nhớ rằng: Việc làm dầu nhỏ, dầu lớn, cũng bị điều trở ngại. Ta phải đề phòng, mà cũng phải gắng công bền chí.

Đến hào thượng cửu, thì “Đồng nhưn vu giao.” Vu là đi. Giao nghĩa là giao du. Giao du ở gần nhà mình, nước mình, thì cũng hẹp chật. Chỉ có lời Soán từ là “Đồng nhưn vu dã”, đồng nhưn mà vu dã (ra đồng trống) thiết rộng lớn mệnh mệnh, không bờ bến. Đâu phải ra khỏi cửa hay ở trong tông phái

mình mà thôi, còn kết thân tình huynh đệ đại đồng khắp chỗ, đồng hoang hẻo lánh, đâu còn lựa chọn so cân.

Vậy hôm nay, Ta cần đặt lại vấn đề, để rồi ngày tới đây đặt mối tương quan, để thành một mối đồng tâm, mà chia lo việc đạo, gánh vác việc đời, hầu đem lại một khối bình đẳng duy nhất, không còn ranh giới rẽ riêng.

Hôm nay, Tượng quẻ “Thái” giữa đàn gồm đủ bên dương bên âm, âm dương tương hội, đạo pháp khai thông, thì trách nhiệm ngày tới đây: Các hiền như Huỳnh Đức, Thiên Huyền Minh, Kiến Minh, cùng nhau đặt lại một chương trình, củng cố lại nền tảng cho vững chắc mà kiến trúc một lâu đài mới mẻ, để làm cơ chỉ cho muôn đời.

Hôm nay, cũng có mặt quý vị Minh Lý mà cùng nhau đặt lấy vấn đề chung theo lời của Ta thì tốt đẹp biết chừng nào! T.H., N.D., hiền đệ và hiền muội gắng sức chung tâm cộng sự với quyền pháp, tu sửa tâm thân, để hầu ngày mai đương hành trách nhiệm.

Nơi đây, gắng công một lần nữa để hoàn thành sứ mạng, mặc dầu đã trải qua nhiều trở ngại, song cuối cùng cũng được kết quả. Lòng đạo đức cứ tiến không lùi, dầu chưa làm xong, sau có người kế tiếp như Ngu Công bạt núi, chim Tinh Vệ¹ lấp biển. Được hay không là ở Trời, còn bốn phận làm nên cố gắng.■

1. Tinh Vệ là tên một giống chim nhỏ mỏ đỏ chân trắng có hình dáng giống con quạ thường sinh sống ở các vùng duyên hải Viễn Đông, giống chim này chuyên đi gắp những hạt cát nhỏ rồi bay ra biển thả xuống.

THÁNH GIÁO SONG NGŨ

■ NHÓM DỊCH THUẬT VĂN HÓA VỤ

TÂN LUẬT CHƯƠNG IV: ĐIỀU THỨ 21	NEW LAW CHAPTER IV: ARTICLE 21
Hễ nhập môn rồi phải trau dồi giữ tánh hạnh, cần giữ Ngũ Giới Cấm là:	After having entered Cao-daism, disciples must improve their conduct and observe the Five Commandments:
1. Nhứt Bất Sát Sanh , là chẳng nên sát hại sanh vật.	1. First, do not kill living beings. You should not kill living creatures.
2. Nhì Bất Du Đạo , là cấm trộm cướp; lấy ngang, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy để ý hại cho người, mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.	2. Second, do not steal. Robbery is forbidden. Do not take anything with deliberate intention. Do not swindle others out of their properties or borrow without repaying. Do not store unlawful items and pick up items accidentally found.

3. Tam Bất Tà Dâm, là cấm lấy vợ người, thả theo đàn điểm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dấy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (vợ chồng không gọi tà dâm). 4. Tứ Bất Tửu Nhục, là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho náo động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị.	Do not be driven by greed for dishonest wealth and harm others to make profits, do not gamble and defraud. 3. Third, do not perform sexual perversion. Adultery and dissipated life is forbidden. Do not induce others to break moral principles or be aroused by a beauty, or try to seduce it. (Sex between wife and husband is not illicit). 4. Fourth, do not become addicted to food and drink. To become addicted to food and drink, to eating and drinking in excess is forbidden. It causes confusion in the mind and trouble in the neighborhood. Do not wish for good drink and tasty food.
--	--

5. Ngũ Bất Vọng Ngũ, là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lối người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mãng, thô tục, chửi rủa người, hủy báng Tôn Giáo, nói ra không giữ lời hứa. ■ THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC CHÍ TÔN NÓI VỀ "BẤT SÁT SANH" (GIỚI CẤM) NĂM MẬU THÌN (1928) Thầy các con. Thầy đã nói với các con	5. Fifth, do not lie. It is forbidden to be cunning and insolent, to swindle and boast, to find fault with others, to say what is wrong to be right and vice versa, to mock and denigrate and treat others by way of rude words, to incite sulkiness, to file a lawsuit resulting in separation, to use harsh and uncouth words, to curse people and speak evil of religions, and to break promises. ■ GOD'S TEACHING ABOUT REFRAINING FROM TAKING LIFE OF LIVING BEINGS. (COMMANDMENT) THE YEAR OF MẬU THÌN (1928) Your Master. When there was not
---	--

rằng: Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật chúng sanh. Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận. Cái sống của cả chúng sanh Thầy phân phát khắp Càn	anything in this Universe, the Cosmic Vital Energy created your Master only, The Absolute (Thái Cực). I divided Thái Cực (The Absolute) into Two Elements, and then to Four Symbols developing into Eight Trigrams; The Eight Trigrams evolved infinitely to form the Universe. Then, I divided myself to create Nature: material, plants and trees, insects, animals and birds called living beings. Children, you should understand: Everything created came from the Devine Spirit of your Master. Where there is life, there is your Master. I am the Father of life, consequently, My love for all living beings its infinite. I give life to all living beings all over the universe
--	---

Khôn Thế Giới, chẳng khác nào như một nhành hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trông nũa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa ấy nũa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa. Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế nầy lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống đều chịu quả báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy. Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy. THĂNG.■	like a branch of flower in its root. It must have enough time fixed by your Master to blossom, produce fruit in order to seed itself and multiply. Whoever picks a bud, they kill an existence without letting it evolve. Every life has its origin and destiny even though it is of human origin or of animal one. They come to this world and how long a stay is predestined. If one takes a life, they will suffer the Karmic effect without doubt. It is known whether that life is an Immortal or a Buddha sunk into reincarnation and reaching such a situation. Life is your Master, taking your Master's life is not easy. Children, you must teach humans this. ASCENSION.■
---	--

Đại Lễ Thánh Thất

KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

■ ĐẠT TƯỜNG

Ngày nay, Khai Minh Đại Đạo là một trong các lễ trọng hàng năm của Cao Đài giáo. Như lời hướng dẫn của Thiên Liêng, khi tổ chức một lễ kỷ niệm nào là dịp ôn lại truyền thống cùng nâng cao lòng quyết tâm tiếp nối sự nghiệp của người đi trước. Nhân dịp kỷ niệm tròn 90 năm của đại lễ này (1926–2016), để thành tâm hiến lễ kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo (hay Hoàng Khai Đại Đạo), chúng ta hãy cùng nhau ôn lại bài học ẩn chứa trong những chi tiết sự kiện đã diễn ra trong đại lễ lịch sử đánh dấu việc chánh thức ra mắt nhân sanh của nền tân giáo Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

I. CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ “LỄ THÁNH THẤT”

Sau khi văn kiện Khai Tịch Đạo được thảo luận thống nhất ý kiến vào đêm 23 tháng 8 Bính Dần 1926, sẽ đăng ký thông báo với nhà cầm quyền việc công khai sinh hoạt tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chư vị Tiền Khai Đại Đạo tích cực thực hiện các bước kế hoạch được Đức Chí Tôn vạch ra hầu chuẩn bị đại lễ sẽ diễn ra vào dịp Hạ ngươn Bính Dần.

Cuộc đại lễ lịch sử này là kết quả ghi dấu nhiều chi tiết căn bản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trước đó 3 tháng, từ khi bước vào quý 3, Thiên cơ đã bắt đầu vận chuyển những bước căn bản:

1. Trước hết, về danh xưng cơ sở thờ tự của Cao Đài giáo

Danh từ Thánh thất bắt đầu xuất hiện trong thư tịch Cao Đài vào ngày 16 tháng 7 Bính Dần.

“Nhu Nhân hiền đồ, nghe dạy: (...) Nơi đây là Thánh địa, Ta lập Thánh thất. Hiền đồ có lòng giúp Ta chăng?”¹

2. Kế đến, địa điểm được chọn làm Thánh thất là ngôi Thiên Lâm Tự ở Gò Kén – Tây Ninh

“Trung nghe con. Con biết rằng Thánh thất đã lập tại Tây Ninh, Thầy đã cho con hiểu là Thánh địa nữa. Nguyên Đạo Thầy do nơi đó mà xuất thấu thể gian.”²

Về thời gian tổ chức:

“Các con, Thầy đã lập thành Thánh thất. Nơi ấy là nhà chung của các con. Biết à!”

Thầy lại quy Tam Giáo lập Tân Luật, trong Rằm tháng Mười có Đại hội cả Tam Giáo nơi Thánh thất. Các con hay à!”³

NỘI DUNG CUỘC ĐẠI LỄ:

Đại lễ đánh dấu ý nghĩa gồm 3 sự kiện quan trọng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Thứ nhất, khánh thành Thánh thất đầu tiên; thứ hai, ra mắt Hội Thánh đầu tiên và thứ ba, Đại hội Tam Giáo tiếp nhận Pháp Chánh Truyền và soạn thảo Tân Luật.

1. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu, 16–7 Bính Dần (23–8–1926), tr 148.

2. Đạo Sử II, Hương Hiếu số 101, 01–8 Bính Dần.

3. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 1, Samedi 18 Septembre 1926 (13–8 Bính Dần).

Hai ngày trước đại lễ, kế hoạch tổ chức từ chương trình đại lễ và hội cho đến nhân sự phụ trách và thực hiện đều được Đức Chí Tôn đích thân hướng dẫn:

“Trung, Trang, con mời thiện nam cùng tín nữ đến cầu Đạo ra ngoài. Thấy khuyên chúng nó lên Thánh thất, nơi ấy mở cửa cho cầu Đạo trọn ba tháng thì có ngày giờ nhiều cho tâm thành chúng nó thỏa nguyện. Thấy mắc lo lập Lễ Thánh thất nghe à!...”⁴

Trong đoạn Thánh ngôn trên có 2 chi tiết quan trọng về mặt lịch sử:

– Thời gian cuộc Hội lễ này được Đức Chí Tôn cho phép sẽ kéo dài 3 tháng.

Bấy lâu nay có những ý kiến cho rằng đại lễ dự kiến được thực hiện trong 3 ngày nhưng người đến viếng liên tục kéo dài mấy tháng nên cuối cùng Thầy ra lệnh phải chấm dứt vào Rằm tháng Giêng.

Thật ra, thời gian ba tháng hội lễ đã định sẵn theo Thiên thư vì đây là chứng cứ quan trọng cho ý nghĩa Lý Đạo của cuộc lễ (dẫn dắt nhân loại vượt qua Hạ nguơn để đến thời Thượng nguơn Thánh đức).

Xin dẫn chứng thêm một đoạn Thánh ngôn, trong thời gian đại lễ:⁵

“Trung con nói với chúng nó nơi Thánh thất này duy để cho chúng sanh cầu Đạo mà thôi.

4. Thánh Ngôn chép tay, Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, 12-10 Bính Dần (16 Novembre 1926), tờ 187a.

5. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, 06 Décembre 1926, tờ 270b.

Quá ba tháng Thầy sai Lý Thái Bạch cho thuốc và gia đạo...”

– Tên gọi Đại Lễ này được Thầy gọi chánh thức là **LỄ THÁNH THẤT**. Cần lưu ý đến thời điểm tình hình lịch sử khi đó, danh từ Thánh thất còn mới lạ chưa thông dụng trong đạo hữu Cao Đài. Tên gọi này rất lạ tai vì thế cũng rất ấn tượng.

II. DIỄN TIẾN ĐẠI LỄ

1. “LỄ THÁNH THẤT”

Như thế “Lễ Thánh thất” đã được Đức Chí Tôn trực tiếp chỉ dẫn từng chi tiết và đã trở thành một lễ hội trọng thể.

Phần Lễ chính thức ra mắt tân tôn giáo Cao Đài trước nhơn sanh, đã được long trọng tổ chức trong ba ngày theo như lời sắp đặt của Thầy trong đàn đêm 13 tháng 10.

Còn phần Hội, đã được Thầy cho phép diễn ra trong suốt ba tháng như lời dạy trước đó trong đàn đêm 12 tháng 10.

Phần Lễ bắt đầu từ đêm 14 tháng 10. Diễn tiến của đêm Lễ chính đã diễn ra như sau:

1.1. Tối ngày 14, sau khi thực hiện tụng kinh hành lễ xong, chư vị lập đàn theo lệnh dạy. Khi vừa giáng đàn Thầy đã rầy:

*“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.
(...) Hành lễ bất nghiêm. Xuất ngoại nhơn, con Trang.(...)
Nữ phái nghe Thầy lập Tịch (...).*

Lâm Thị phong nữ Giáo Sư lấy Thiên ân là Hương Thanh, Ca Thị phong vi Phó Giáo Sư lấy Thiên ân là Hương Ca, Đường Thị đã thọ Thiên sắc ấy cứ giữ địa vị mình...

Thầy ban ơn cho các con, cứ hành lễ theo lời dạy.”⁶

Ngay khi khởi đầu hành lễ đã có quá đông người đến dự. Nhiều người không có phận sự cũng vào được Chánh điện để xem lễ! Nhiều đến mức Thầy phải dạy Ngài Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh (chịu trách nhiệm chánh về phần lễ theo sự sắp đặt của Thầy trong đêm 12) phải “xuất ngoại nhơn”!

Và Thầy cũng chưa Thiên phong cho quý vị ở lục tỉnh như đã hứa đêm trước mà chỉ mới ban ân Chúc sắc cho ba vị nữ để đại diện Nữ phái trong Lễ Lập Vị ra mắt Hội Thánh.

1.2. Trong khi Lễ Lập Vị đang được tiến hành thì xảy ra sự cố, có hai vị tuổi thanh niên, phái nam là ông Lê Thế Vĩnh⁷ còn nữ là Cô Vương Thanh Chi⁸ bị tà nhập nhảy múa như lên đồng trong Chánh điện xưng là Tể Thiên Đại Thánh và Quan Âm Bồ Tát.

Sau đó chư vị lập đàn tái cấu (đàn thứ 2) lúc Tý thời rạng ngày Rằm tháng 10, Đức Chí Tôn giáng đàn nói ngay:

“... Cả chư môn đệ đều ngu, ngu, ngu! Thầy lập phép để làm chi? Thầy dạy sắp đặt lễ, chẳng một điều làm trúng phép. (...) Thái Đầu Sư đâu? Tương đầu? (...)

Chẳng lẽ một địa vị Thiên tước mà rẻ rúng vậy! Nhưng mà các con lại đặng hiểu rõ tà quái có quyền hành là bực nào mà giữ mình hằng buổi. Thầy lấy làm tức cười mà lại đau thảm cho những kẻ vô phước bị ngã vì tại bận thủ thất này.

6. Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, tờ 194b và tờ 195a.

7. Về sau ông được Thiên phong Tiếp Thế Hiệp Thiên Đài.

8. Con gái lớn của Ngài Vương Quang Kỳ.

Tái cầu khi Trang, Tương, Minh đến nghe à!

Cư, con có lỗi trong sự ấy, hiểu à?(...)”⁹

Như thế Lễ Lập Vị chưa thành vì có phần chi tiết về nghi lễ chưa thực hiện hoàn toàn đúng theo “phép” Thầy đã dạy nên đã có ảnh hưởng đến sự chưa thành công của việc Hội Thánh ra mắt nhơn sanh! Thật ra việc thử thách này cũng đã được trù định trong kế hoạch của Thiêng Liêng để sàng lọc những vị có căn nhưng duyên phần hạn chế!

Nửa tháng sau, trong đàn cuối ngày mừng 1 tháng 11 Bính Dần (06-12-1926) Đức Lý hé lộ điều này:¹⁰

“Nhị hiền hữu có biết Tế Thiên ngày hôm qua là Tế Thiên nào chăng?

Trung bạch: Bạch Ngài, anh em tôi cũng người phạm mắt thịt không biết rõ.

“Cười! Ấy là Tế Thiên ngày đại lễ nhập xác cho Vĩnh của Lão sai đến nghe à. Cười.”

Trong đàn thứ 2 này Thầy hỏi *“Thái Đầu Sư đâu? Tương đâu?”* Và Thầy dạy tiếp: *“Tái cầu khi Trang, Tương, Minh đến nghe à.”* Hai chi tiết này cho thấy sau lễ Lập Vị thất bại vì sự cố tà thần quấy phá, lúc đó khi lập đàn tái cầu đã không có đủ mặt chư vị Đại Thiên Phong. Vậy khi đó các vị này ở đâu? Chư vị đang cố gắng ổn định tư tưởng thân nhân và sắp xếp lại nội bộ gia đình quyền thuộc đang bị chao đảo.

9. Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, tờ 194b và tờ 195a.

10. Đức Lý Thái Bạch, Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, Đàn 6 Décembre 1926, tờ 265b.

1.2.1. Khi đã có mặt đủ ba ông Trang, Tương, Minh, Bộ phận Thông công lại tái cấu lập đàn lần thứ ba để nghe Thầy dạy lại:

Tái cấu 2: 15–10 Bính Dần

“(...) Thầy dặn Lịch nghe dạy, phải trấn đàn tứ phía góc Thánh thất chớ chẳng phải nội ở giữa mà thôi, rồi làm đại lễ như buổi tại chùa Vĩnh Nguyên. Nhớ đừng phát cờ lộn nữa nghe! Bởi tại con nên ra đến đôi! Hiểu à? Thầy dặn con một điều này nữa: Từ đây khá làm theo lời Thầy dạy đừng biến cải nghe! Nghe à? (...)”

Thầy buộc tái cấu đặng Thiên phong nghe à! Thầy ngự.”¹¹

1.2.2. Sau đó Lễ Lập Vị được thực hiện lại và hoàn tất vào lúc quá nửa đêm, chư vị tái cấu lần cuối (lần thứ 4) để đón nhận việc ban ân Thiên phong như Thầy đã dặn.

Tái cấu:

“Thầy các con. Trang ra mời chư Thiên phong lục tỉnh còn sót lại vào hầu.(...) Tín Thầy phong chúc Giáo Sư,... Nhơn đã là Giáo Hữu Thầy thăng lên chúc Giáo Sư (...)”

Thầy dạy các con nhớ ngày nay là ngày kỷ niệm. Trung con phải lấy tên họ của các môn đệ có mặt tại đây ngày nay mà giữ gìn để lưu lại cho hậu thế biết nghe à!¹²

Thầy cần dùng ba chục đứa tình nguyện đi phổ cáo xứ xa. Ai đâu? Lấy tên, con Tương.

Trung kỳ, Bắc kỳ. {Hồ Văn Đình, Nguyễn Minh Đức, Trần Văn Nhạc, Phạm Văn Thông, Huỳnh Trung Tuất, Dương Văn

11. Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, tờ 195B.

12. Tiếc là cho đến nay chúng ta vẫn chưa tìm được bằng danh sách này!

Hoài, Nguyễn Văn Thiện.} (...). Cười, thôi con Tương. Cả thầy Thầy phong chức Giáo Hữu. Đem đến sau. Thầy buộc học hết Thánh ngôn rồi mới đi phổ cáo nghe à!

(...) Đêm nay các con phải thành tâm cầu nguyện đặng ngày mai Thầy lập Pháp Chánh Truyền nghe à! Thầy không phong sắc cho ai hết đặng phạt tội ngã lòng.”¹³

1.3. Qua đêm sau vào giờ Tý rạng 16 tháng 10, Đức Chí Tôn ban cho Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam phái.

2. BÀI HỌC KHAI MINH

2. 1. Về tên gọi cuộc Đại Lễ:

- Khởi đầu vào giữa tháng 8, Đức Chí Tôn dùng từ “Hội... Tam Giáo” khi nói đến mục đích của cuộc lễ.

- Những ngày cận cuộc lễ sẽ diễn ra, khi dạy sắp đặt nhân sự và chương trình hành lễ, Thầy chính thức dùng tên là “Lễ Thánh Thất.”

- Theo thời gian trôi qua những tên gọi này đã bị lãng quên và biến đổi thành nhiều tên gọi khác. Nơi Tòa Thánh Tây Ninh dùng tên Lễ kỷ niệm “Hoàng Khai Đại Đạo”, còn một số Hội Thánh khác gọi là Lễ kỷ niệm “Khai Đạo.”

13. Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, từ 196 và 197 có đàn tái cầu rạng Tý thời Rằm tháng 10 Bính Dần 1926.

Buổi đầu đại lễ ấy, Thầy có ban phong cho một số vị phẩm Giáo Sư và một số ở phẩm Giáo Hữu như là các vị xung phong.

Nhưng về sau, khi viết Đạo Sử Xây Bàn, bà Hương Hiếu có nhầm lẫn ghi chú vị đều được Thiên phong phẩm Giáo Sư. Một vài sách Đạo Sử sau này dùng tư liệu này của bà Hiếu cho nên danh sách chức sắc không còn được chính xác như sự thật lịch sử đã diễn.

- Đến năm 1970, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc vâng lệnh Đức Chí Tôn và thay mặt các Đấng Tiên Khai ban danh từ chánh thức là “Khai Minh Đại Đạo” cho sự kiện Rằm tháng 10 và danh từ “Khai Tịch Đạo” cho sự kiện 23 tháng 8.

2.2. Về ý nghĩa và nhiệm vụ sứ mạng:

- Lễ hội Khai Minh Đại Đạo đã diễn ra trong ba tháng từ ngày Lễ Hạ nguơn Bính Dần cho đến ngày Lễ Thượng nguơn Đinh Mão.

Khoảng thời gian này là hình tượng mang đến thông điệp có ý nghĩa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mở ra con đường sáng chỉ dẫn nhưn sanh vượt qua thời kỳ Hạ nguơn với những đêm đen lạnh lùng u tối để tiến đến giai đoạn Thượng nguơn Thánh đức là những ngày Xuân tươi sáng ấm áp.

- Nhưng để có thể vượt qua đêm dài tăm tối ấy, mọi người Cao Đài cần phải học thuộc và hiểu rõ bài học để thi hành nhiệm vụ:

- a. Với các tín hữu,

- a.1. Phải luôn ý thức hành lễ nghiêm trang trong các cuộc lễ.

- a.2. Bài học sự cố tà quái nhập trong buổi lễ nhắc chúng ta phải:

- Luôn đặt trọn lòng tin nơi Đức Chí Tôn và Đại Đạo.

- Luôn ghi nhớ lời Thầy: *“Các con lại đặng hiểu rõ tà quái có quyền hành là bực nào mà giữ mình hằng buổi.”* để ý thức rằng *“Đạo khai tà khởi.”* Trong thời Hạ nguơn Mạt kiếp này lực lượng tà quái luôn hiện diện quấy phá thử thách người tu.

- Thầy có cho phép lực lượng âm tà được phép làm giám khảo thử thách khảo đảo người tu. Đó là phần công quả của họ.

a.3. Lễ Khai Minh Đại Đạo đã khởi đầu từ thời Thủy Quan Giải Ách cho đến Thiên Quan Tứ Phước.

Lễ kéo dài 3 tháng đầu từ Lễ Hạ ngươn Bính Dần và chấm dứt vào Lễ Thượng ngươn Đinh Mão. Khai Minh Đại Đạo, Cao Đài giáo chính thức ra mắt nhưn sanh. Cao Đài nói theo Dịch lý là thời kỳ Thiên Thủy tưng vì như lời Đức Lý Thái Bạch đã dạy:

“Chúng sanh khá nhớ:

CAO vi Càn; Càn vi THIÊN.

ĐÀI vi Khảm, Khảm vi THỦY.

*Tức là quẻ “Thiên Thủy tưng” thì chạy đầu cho khỏi số Trời định đoạt binh lửa bốn phương? Những kẻ thiếu tu, đành cam số phận. Cười, cười!...”*¹⁴

Vậy làm thế nào để vượt qua thời kỳ “tranh tưng” giữa trời và nước luôn bủa vây? Đây là hình ảnh của bão biển, của sóng thần, v.v. Chỉ còn cách duy nhất là phải luôn cố gắng nghiêm chỉnh sống theo đạo lý đồng thời khuyến khích người khác cũng hãy sống cùng đạo lý.

“Những bóng đen chập chờn bao phủ trùm lên số kiếp của mỗi dân tộc. Người hướng đạo phải vượt mình lên trên mọi khuôn khổ nhỏ hẹp để quan sát toàn diện cuộc đời. Quan sát để thấy rõ chứng bệnh triển miên. Quan sát để biết tận cùng bề mặt lẫn bề trái của cuộc đời để tìm phương cứu chữa. Đó là mặc nhiên đặt mình vào cuộc đời để hướng dẫn cuộc đời từ tối tăm ra xán lạn, từ đau khổ đến hạnh phúc, chớ không phải quan sát cuộc đời để vì đời rồi sa lầy vào bến mê tân khổ của cuộc đời (...).

14. Đức Lý Thái Bạch, Đào Phú Quốc, 15-8 Ất Sửu 1925.

Một dân tộc được chọn, một dân tộc được đặc ân trong trách nhiệm, hãy hoan hỷ tràn ngập tâm linh để đón nhận mọi trách nhiệm. Đừng để phải hối hận nuối tiếc mà nhìn đoàn người chết khát bên bờ suối, đàn chiên chết đói trên đồng cỏ xanh, đoàn người chết đói bên vựa lúa vô tận.”¹⁵

Ngày nay sau gần một thế kỷ hiện diện của Cao Đài giáo khi sự biến đổi khí hậu ngày trở nên càng sâu rộng mà Việt Nam là một trong những quốc gia phải chịu đựng nặng nề của việc nước biển dâng cao gây nên lụt lội, v.v. Một trong những giải pháp căn bản mà các nhà khoa học về môi trường kêu gọi mọi người hãy thực hiện để cứu lấy hành tinh xanh của chúng ta là hạn chế việc chăn nuôi theo công nghiệp và sử dụng các loại thịt đỏ. Nhìn lại từ thập kỷ 20 của thế kỷ trước, Tân Luật Cao Đài đã đưa việc ăn chay ít nhất 6 ngày mỗi tháng là nhiệm vụ của tín đồ.

Hay việc thực hành Yoga – thiền định trong đời sống đang là một nhu cầu thời thượng của giới trẻ phương Tây đang hướng về phương Đông, lợi ích của thiền đã lan tỏa trở thành nhu cầu để phục hồi thể lực trí tuệ cho những hoạt động tư duy sáng tạo của các nhà nghiên cứu hay nhà quản trị doanh nghiệp.

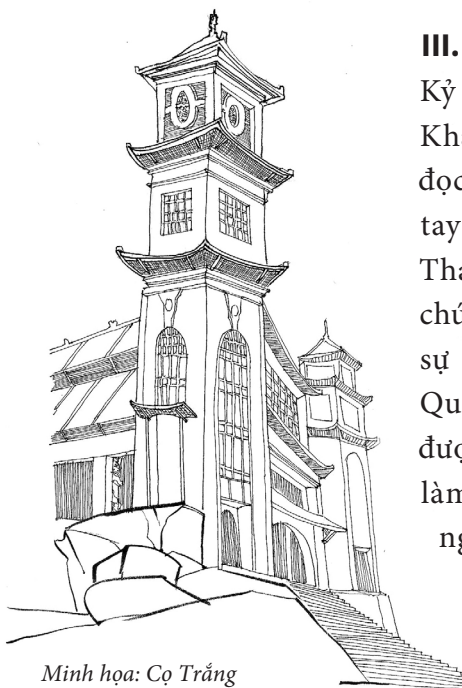
Đây không là một vài thí dụ sinh động của việc Khai Minh dẫn lối cho nhân sanh bước lên con đường sáng trong đời sống văn minh diệu ảo hay sao? Nhưng có học mới biết và hiểu để làm đúng. Vậy những ai sẽ là người hướng đạo chỉ đường dẫn lối? Chính là chư vị Chức sắc.

15. Đức Phạm Hộ Pháp, Nam Thành Thánh thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

b. Với các Chức sắc,

Lời “*Thầy buộc học hết Thánh ngôn rồi mới đi phổ cáo nghe à!*” và chi tiết trong đêm đại lễ ấy, các chức sắc nam nữ được Thiên phong đều thuộc phẩm Giáo Hữu và Giáo Sư. Điều này có ẩn ý gì?

Theo Pháp Chánh Truyền được Thầy ban vào đêm sau, rạng 16 tháng 10, với sứ mạng “*phổ thông Chơn Đạo*” của Giáo Hữu và “*dạy dỗ chư tín đồ trong đường Đạo và đường đời*” của Giáo Sư, để thực hiện trách nhiệm pháp lệnh này, người chức sắc cần phải nỗ lực tự khai sáng bản thân, sau đó sẽ góp phần khai sáng cho nhơn sanh.



Minh họa: Cọ Trắng

III. KẾT LUẬN

Kỷ niệm tròn 90 năm mùa Khai Minh Đại Đạo, chúng ta đọc lại các Thánh ngôn chép tay của Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, một nhân chứng có trọng trách trong sự kiện lịch sử trọng đại này. Qua đó, chúng ta có thể rút ra được một vài điểm căn bản để làm bài học cho đường tu của người tín hữu Cao Đài.

1. Về mặt lịch sử, thuở xưa tên gọi ban đầu là Hội Tam Giáo. Về sau,

trước đại lễ ít hôm, tên chánh thức được Đức Chí Tôn gọi cho buổi lễ là “Lễ Thánh Thất.”

2. Đây là lễ ra mắt chính thức trước nhân sanh, nhân loại với 3 nội dung chánh: Cơ sở, Tổ chức nhân sự và nền tảng Luật Pháp được thể hiện qua các việc: Khánh thành Thánh thất đầu tiên, ra mắt Hội Thánh và tiếp nhận Pháp Chánh Truyền làm cơ sở luật căn bản của thời Tam Kỳ.

Tuy nhiên, cần lưu ý đây không phải là ngày khởi đầu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ! Đến nay mới tròn 90 năm Khai Minh Đại Đạo, do đó ở ngày này năm nay mà ghi Năm Đạo là 92 thì không được chính xác!

3. Ý nghĩa Lễ Khai Minh là mở ra con đường sáng dẫn nhơn sanh đi từ thời Hạ nguơn tiến đến Thượng nguơn. Giai đoạn này là thời kỳ Thiên Thủy tưng loạn lạc đao binh đồng thời phải dự thi vượt những khảo thí của tà ma thử thách. Muốn được vậy người tín hữu phải luôn giữ vững đức tin nơi Thầy và Đại Đạo, nghiêm túc tuân thủ pháp môn Đại Đạo.

4. Sự kiện Thiên phong các Giáo Sư và Giáo Hữu với lời dạy của Thầy “buộc học Thánh ngôn rồi mới đi phổ cáo” nhắc nhở chư chức sắc phải nhớ đến trách nhiệm học hỏi và giáo hóa nhân sanh.

*Dắt nhơn sanh lên đời Thánh đức,
Đưa nước nhà đến bực văn minh,
Ngàn năm một thuở thanh bình,
Trời Nghiêu, đất Thuấn văn sinh cộng đồng.*¹⁶■

16. Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Tam Tông Miếu, 24-9-1965.

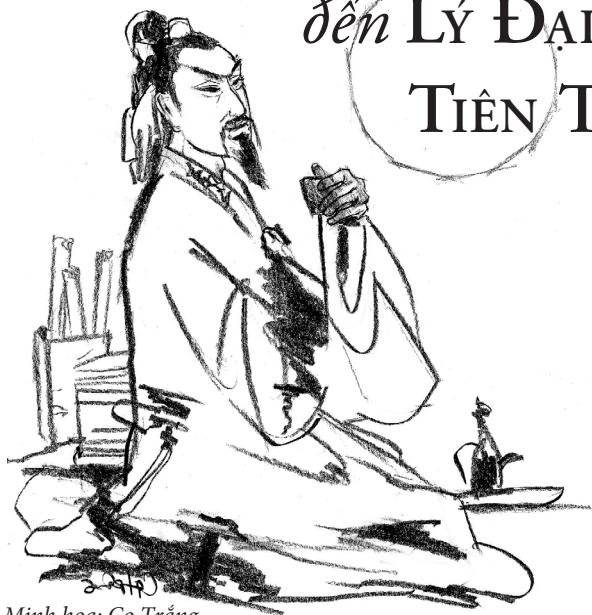
từ

THI TIÊN LÝ BẠCH

đến LÝ ĐẠI

TIÊN TRƯỞNG

■ HỒNG PHÚC



Minh họa: Cọ Trắng.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (ĐĐTKPD), thay mặt Đức Chí Tôn nắm giềng mối cơ cữu thế Kỳ Ba là Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Tam Giáo Đạo, dẫn dắt con người trở lại bến khởi nguyên:

Tam Kỳ Phổ Độ côi Nam Thiên,

Tam trấn Oai Nghiêm nắm mối giềng,

*Thay mặt Chí Tôn truyền đạo pháp,
Dắt người trở lại cõi Tiên Thiên.¹*

Và Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh, với cương vị Nhứt Trấn Oai Nghiêm đại diện Tiên giáo, Ngài được Đức Chí Tôn giao quyền thủ cơ truyền Đạo, lập luật pháp Đạo, chấp chương điều hành, thưởng phạt tín đồ, chúc sắc trong Đạo. Ngài cũng kiêm nhiệm vai trò quyền pháp Giáo Tông Vô Vi ĐĐTKPD, tức là Anh Cả, dẫn dắt tín đồ trong Đạo. Trong một đàn cơ tại Chợ Lớn ngày 29-10-1926, Đức Chí Tôn dạy các vị Tiên Khai Đại Đạo: *“Vây từ đây quyền thưởng phạt đã giao vào tay Lý Thái Bạch. Các con liệu mình mà cầu rồi nơi Người.”*

Cũng ngày ngày hôm ấy, Đức Lý đã giảng cơ có những lời nghiêm huấn:

“Từ đây Thầy đã giao quyền thưởng phạt về nơi tay Bản Đạo, vậy các đạo hữu khá hết lòng lo lắng, vun đắp nên đạo cho vững vàng, hiệp ý với Thiên cơ mà bước lên địa vị cao thượng. (...) Ai hữu phước thì địa vị cao thêm, ai vô phần thì bị đọa Tam pháp. Phước phần cũng khó lựa người rủi rủi may may đừng trách nơi Bản Đạo.”²

Đến năm 1930, một lần nữa Đức Lý đã tỏ rõ quyền pháp của Ngài như sau:

“Lão nhứt định giữ nghiêm luật pháp, vậy thì Lão hành chánh cú lấy công bình vô tư làm mực thước, Lão chẳng vì thương

1. Đức Quan Thánh Đế Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-02 Tân Hợi (25-02-1971).

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tái bản 1995, tr. 57-58.

riêng mà che chở, chẳng vì ghét riêng mà hành phạt. Lão nói thiệt rằng: Đạo vốn của toàn cả chúng sanh, Lão chẳng lẽ lấy tư mà làm công choặng. Lão phải chấp chánh quyền hành, công thường tội trừng cho đáng lý, chẳng phải ngừa nghiêng cơ đạo mà buộcặng Lão từng đời. Lão lấy quyền vô vi Càn Khôn làm biểu hiện, Lão chỉ vì tình nhau mà cho chư hiền hữu hiền muội biết trước rằng: Đừng ý công mà cả lòng khi lịnh. Lão nhứt định chẳng hề tha thứ bao giờ, nên thì để, hư thì trừ; chư hiền hữu hiền muội đừng trách Lão nghiêm khắc nghe!”³

Như vậy, quyền pháp của Ngài rất lớn, toàn quyền thay mặt Đức Chí Tôn điều hành công cuộc cứu độ và thưởng phạt tín đồ trong Kỳ Ba Đại Ân Xá.

Trong một kiếp xuống trần dưới triều đại nhà Đường bên Trung Quốc, Ngài nổi tiếng là một đại thi hào, đã để lại cho hậu thế một gia tài với khoảng 20.000 bài thơ mà giá trị văn chương vẫn không hề phai nhạt qua thời gian. Tuy nhiên, sự hiểu biết của người đời đối với Ngài chỉ dừng lại nơi hình ảnh của một nhà thơ lớn thích rượu với truyền thuyết Ngài uống rượu say đến nỗi nhìn thấy bóng trăng dưới sông, ngỡ là thật, rồi nhảy xuống sông ôm trăng mà chết. Chính truyền thuyết này đã là một trong những lý do cho những người phản bác đạo Cao Đài viện dẫn chỉ trích và thậm chí có người còn có những lời bất kính với Ngài.

Với người tín đồ Cao Đài, do đức tin, ai cũng có lòng ngưỡng vọng kính yêu Ngài, và hầu hết ai cũng có nghe biết về

3. Tòa Thánh, 03-10 Canh Ngọ (22-11-1930).

Thi Tiên Lý Bạch đời Đường, nhưng ít người biết rõ về tiểu sử cuộc đời của Ngài lúc tại thế, cũng như khó có lời phản biện những ý kiến không đúng về Ngài.

Lâm phạm thực hiện cơ cứu độ Kỳ Ba, ngay từ buổi đầu khai Đạo, Ngài đã xác nhận kiếp giáng trần của Ngài qua cơ bút vào Noël năm 1925 như sau:

*Đường trào hạ thế thường Tam quan,
Chẳng vị công danh, chỉ hưởng nhân,
Ly rượu trăm thi, đời vẫn nhắc.
Tánh Tiên, muôn kiếp, vẫn chưa tàn.
Một bầu phong nguyệt, say ngơ ngác,
Đầy túi thi văn đồ chứa chan.
Bồng đảo còn mơ khi múa bút,
Tả lòng thế sự vẽ giang san.*

Bài thơ cô đọng xác nhận thời điểm Ngài xuống trần đồng thời hàm chứa sự khẳng định những chi tiết được thể hiện qua tiểu sử cuộc đời Ngài còn lưu lại trong nhiều tài liệu sách vở của người Trung Quốc, cho thấy Ngài là một Tiểu Linh Quang đã làm tròn sứ mạng “một ra đi, một trở lại” ngay trong một kiếp làm người.

I. TỪ THI TIÊN LÝ BẠCH (701–762)

Sinh ra trong một gia đình đại phú thương, cha là người Hán, mẹ là người Phiên, thi hào Lý Bạch cất tiếng khóc chào đời nơi quê ngoại ở Toái Diệp thuộc Tây Vực vào năm 701, là năm Võ Hậu cướp ngôi nhà Đường. Tương truyền, trước khi sinh Ngài, mẹ Ngài nằm mộng thấy sao Trường Canh, người Trung Quốc

còn gọi là sao Thái Bạch, tức sao Kim (Venus) hay Việt Nam gọi là sao Mai hay sao Hôm (hay sao Sâm, sao Thương) rơi vào bụng. Cho nên Ngài có tên là Thái Bạch, hiệu Trường Canh.

Ngài nói rành vừa tiếng Hán của cha, vừa tiếng Phiên của mẹ. Lúc Ngài lên 5 tuổi, do vua Tây Vực là Đột Quyết, cháu ngoại của vua Đường Thái Tông có ý đồ tách khỏi sự thần phục nhà Đường, hạ mật chỉ cho các trấn tịch biên gia sản và phóng trục thương nhân nhà Hán để lấy tiền nuôi quân đội, cho nên gia đình Ngài phải rời Tây Vực đến Ba Thục, chính là nước Thục nổi tiếng của Lưu Bị (161–222) thời Tam Quốc (Thục, Ngụy, Ngô), sau đổi là tỉnh Tứ Xuyên, là quê hương của sử gia nổi tiếng Trung Quốc là Tư Mã Thiên. Tại đây, cha Ngài gầy dựng lại cơ nghiệp tại làng Thanh Liên, huyện Xương Minh (sau đổi thành Chương Minh), nơi Ngài đã trải qua cả thời thơ ấu, nên coi như là quê hương thứ hai của Ngài.

Theo sử sách, Ngài rất thông minh đỉnh ngộ. Một lần, lúc Ngài 7 tuổi, cha mẹ Ngài bắt gặp Ngài lên tầng trên cùng của “Vọng Nguyệt lâu” một mình đứng nhìn lên trời cao thì thầm như thể đang nói chuyện với ai đó. Ngài cho biết là nói chuyện với các vị Tiên để hỏi về những điều Ngài chưa hiểu khi học bài thơ của Khuất Nguyên; và ngay sau đó Ngài cất tiếng đọc bài thơ đầu tiên:

*Nguy lâu cao bách xích
Thủ khả trích tinh thần
Bất cảm cao thanh ngữ
Khủng kinh thiên thượng nhân.*
(Vòi vọi lầu trăm thước

Tay hái được chùm sao
Không dám nói lớn tiếng
Kính động Tiên trên cao.)

Lên 10 tuổi, Ngài thông hiểu thi thư. Ngài đặc biệt thích sách của Bách Gia Chư Tử. Năm 15 tuổi Ngài bắt đầu học kiếm thuật của phái Thanh Thành; sau đó để luyện nội công, Ngài bắt đầu tu tập đạo hạnh và đạo pháp với ngài Đông Nghiêem Tử ở Khuông Sơn. Năm 20 tuổi, Ngài nghiền ngẫm quyển “Đạo Đức Kinh” và “Nam Hoa kinh”, đặc biệt thích quyển “Tọa vong luận” của Tư Mã Thừa Trinh là đạo sĩ nổi tiếng đương thời. Ngài đọc đi đọc lại đến thuộc lòng quyển “Bảo Phác Tử” của Cát Hồng còn được gọi là Cát Tiên Ông. Trong thời gian ở đây, Ngài còn có duyên học được kiếm pháp của phái Tây Vực do Công Tôn Đại Nương là một kiếm sư tinh thông kiếm pháp của cả hai phái Nga My và Tây Vực.

Lúc mẹ Ngài qua đời, Ngài về cất một thảo am bên mộ mẹ, cư tang ròng rã 3 năm, rồi sau đó xin phép cha và thầy Đông Nghiêem Tử lên đường về Trung Nguyên, mong đem sở học giúp đời an dân.

Năm 27 tuổi, Ngài được con trai cố Tướng quốc thời Cao Tông Hoàng Đế gả con gái là Hứa Nhược Liên, một người con gái thông minh, tài đức, sớm thuộc thi thư, lại có tâm muốn việc tu hành, theo Phật đạo, nhưng không dám trái ý cha mẹ, kết duyên cùng chàng Lý Bạch. Hai người trở thành đôi tri kỷ, sống những tháng ngày hạnh phúc tảo nhĩ êm đềm bên hồ Động Đình cảnh đẹp như tranh.

Với biệt danh là “cư sĩ Thanh Liên”, Ngài vẫn sống đời tu

hành, nhưng thường xuôi ngược hành hiệp cứu giúp những ai lỡ bước. Ngài đã từng đến viếng thành đô, thăm đền Vũ Hầu thờ Khổng Minh; viếng Bạch Đế thành khóc Lưu Bị; lên núi Thanh Thành đọc sách nhớ Trương Đạo Lăng; Lên núi Nga Mi, bên bờ Mân giang ngắm trăng, nghe Thục Tăng Tuấn đàn cầm. Nơi nào chàng đi qua, nơi đó nổi tiếng vì Ngài đã để lại dấu ấn với những bài thơ đẹp như sự tạo tác của Hóa Công...”⁴

Trên bước lãng du, lúc nào Ngài cũng canh cánh bên lòng lời dặn của cha: “Phải lập nên sự nghiệp giúp đời”, nhất là Ngài đã chứng kiến những cảnh bất công, dân tình khổ sở, nạn quan lại tham nhũng hoành hành. Rồi khi đến Trường An, nhìn thấy cảnh vua quan đắm chìm trong nhã nhạc ca xang, Ngài không thể dùng chân, lại tiếp tục đi về phương Bắc, tiến ra quan ải với ý định trừ giặc giúp dân:

“Nguyện vùng thanh bảo kiếm

Quyết chém giặc Lâu Lan.”

Để rồi nhìn nổi cơ cực của những người lính trường chinh, những cuộc xung sát đẫm máu, Ngài lại cảm thấy sự vô nghĩa trong các cuộc chém giết lẫn nhau giữa con người với con người, nên Ngài không còn muốn tham gia nữa, Ngài viết bài thơ “Chiến Thành Nam” có những câu:

“Sa trường đâm nhau chết

Ngựa ai ngờ ngác nhìn hí trời...

(...) Binh lính thây bón cỏ...”

Và những câu cuối:

4. Nguyễn Thị Bích Hải, Lý Bạch, NXB Văn Học.

“Mới hay gương đao là vật gở
Thánh nhân bắt dắc dĩ mới dùng...”

Thế rồi, Ngài trở về gia đình, thì vợ Ngài đã mất bỏ lại 2 con thơ dại. Ngài dẫn con từ biệt vùng quê An Lục với bao nhiêu kỷ niệm, ngược đường lên miền Bắc, ẩn cư trong núi. Thời gian này, Ngài lại nhận được chiếu thư của vua Đường Minh Hoàng cho mời Ngài, do Quận Chúa Ngọc Chân, từng là đồng đạo của Ngài tiến cử. Ngài rất vui mừng vì nghĩ rằng đây là dịp để Ngài đem tài giúp vua an bang định quốc.

Cũng nên nói thêm, “Đường Minh Hoàng là một vị Hoàng đế anh minh, đưa đất nước Trung Hoa đến một thời đại phú cường chưa từng thấy trong lịch sử. Lãnh thổ Đại Đường mệnh mông, vượt cả đời Hán. Nền chính trị khai minh, kinh tế phồn thịnh. Con đường tơ lụa từ Trung Quốc thông tận La Mã bên bờ Địa Trung Hải, thương nhân Tây Vực đến Trường An tấp nập như hội. Những đàn lạc đà chở bông Á Rập, chà là và bảo ngọc Ba Tư, ngà voi, hồ tiêu Ấn Độ... đổ đến Trường An.

Trường An đầy của báu trong thiên hạ... Văn hóa nghệ thuật cũng phồn vinh chưa từng thấy. Kiến trúc chùa chiền, điêu khắc tôn giáo... điểm tô cho Trường An bao kỳ quan mới. Âm nhạc và vũ đạo Tây Vực theo nghệ nhân vào khắp mọi miền đất nước Trung Quốc. Khắp nơi rộn tiếng đàn ca, dập dìu muôn điệu múa... Và thơ..., đi vào nếp sống, đi vào lời ăn tiếng nói của mọi nhà. Thơ là không khí của thịnh Đường. (...) Hoàng đế làm thơ, các quan đại thần làm thơ, tăng ni, đạo sĩ làm thơ, đến cả người hái củi, người đánh cá, ca kỹ và trẻ em cũng làm thơ. Trên cái nền rộng lớn ấy, những đỉnh núi thơ

cũng mọc liên tiếp (...) trong đó Lý Bạch được coi là Thái Sơn Bắc Đẩu của thi đàn.”⁵

Ngài được vua Đường tiếp đón trọng thể, nhưng không phải để dụng tài kinh bang tế thế của Ngài, mà chỉ muốn Ngài làm thơ tô điểm cho cảnh thái bình thịnh trị của Đại Đường với những thú vui xa xỉ chốn cung đình. Cho nên, Ngài chán chường từ quan. Bởi vì “cung đình chẳng phải là nơi cho đại bàng vỗ cánh. Ngài là đạo sĩ. Ngài là hiệp khách. Ngài là thi nhân của trời mây sông núi. Ngài sẽ trở về với sông núi trời mây, với ân tình bằng hữu.”⁶

Ngài lại lên đường hành hiệp. Rồi Ngài lại vướng vòng lao lý, bị án lưu đày biệt xứ do bị nghi ngờ dính líu đến sự tranh giành ngôi báu giữa các vị Hoàng tử, trong khi con gái lớn vừa bị bệnh qua đời. Tuy nhiên, trên đường đi đày, Ngài được lệnh đại xá.

Những năm tháng cuối đời, được tin quân triều đình đi dẹp loạn rợ Hồ, Ngài lại tình nguyện lên đường “nguyện làm một kỵ binh, vung gươm diệt rợ Hồ.” Nhưng rồi quy luật thời gian của cõi nhị nguyên đã cản ngăn bước chân người kiếm khách. Ngài lâm bệnh. Một buổi tối, Ngài mời cả nhà lên thuyền ngắm trăng trên dòng sông Thái Thạch. Ngài nâng chén rượu mời trăng. Vầng trăng soi mình trong chén rượu. Ngài uống vầng trăng, rồi nhún mình nhảy xuống dòng sông, được mọi người đưa lên.

5. SDD.

6. SDD.

Sau đó, Ngài bệnh nằm liệt cả tháng ròng. Một buổi chiều, Ngài bỗng cất giọng ngâm bài “Lâm Chung ca”:

“Đại bàng vút bay động tám phương
Giữa trời gầy cánh sức khôn lường
Dư phong còn chuyển lay vạn thế...”

Rồi Ngài nói:

“Người đời gọi ta là thi tiên. Ta không nhớ đã viết mấy ngàn bài. Mà cũng như ta chưa viết lời nào. Ta chỉ đọc thơ của đất trời cho thế gian nghe.”⁷

Và Ngài bỗng đưa tay lên trời khê vẫy:

“Cá kình đến đón ta đây ư? Thượng Đế chờ ta về đọc thơ của thế gian cho cõi Trời được sự sống của con người.”⁸

“Gửi lại cho thế gian thanh thản một nụ cười, linh hồn thi tiên lặng lẽ siêu thăng về cõi vô biên”⁹

Ngài đã để lại cho hậu thế những vần thơ tuyệt tác. Phần lớn thơ của Ngài bị thất lạc trên đường lãng du. Mãi đến năm 1080, có người gom góp được khoảng 1.800 bài (trong tổng số hơn 20.000) kết thành “Lý Bạch Thi Tập”. Thơ của Ngài được người đời xưng tụng là thơ Tiên; còn ý thơ, khi thì mãnh liệt hùng tráng như “sóng lớn vỗ bờ, ngựa trời đuổi mây” (nộ đào hồi lãng, thiên mã hành không); khi thì dịu dàng hư ảo như “âm thanh ngoài dây tơ, mùi vị ngoài mùi vị” (huyền ngoại âm, vị ngoại vị). Một tác giả là Bì Nhật Hưu đã hết lời cảm

7. SDD.

8. SDD.

9. Hồ Sĩ Hiệp, Tủ sách Văn Học Trong Nhà Trường.

thán: “Ngũ ngôn ngoài trời đất, tứ tượng ngoài quỷ thần, đọc xong thì thần giống tám cõi, nghiêng ngả thấy lòng rộng bốn biển, lổ lổ lạc lạc không phải là lời của thế gian, đó là thơ của Lý Bạch.”¹⁰

Giã biệt Trường An vào năm 744, Ngải đã sáng tác bài “Hành Lộ Nan” (Đường đi khó) với nội dung nói lên sự gian truân vất vả trên quãng đường đời của con người đúng nghĩa con người, nhưng cũng chính là con đường thiên lý vạn dặm của người giác ngộ trên đường trở lại bến khởi nguyên:

*Kim tôn mỹ tửu đấu thập thiên,
Ngọc bàn trân tu trị vạn tiền.
Đình bôi đấu trợ bất năng thực,
Bạt kiếm tứ cố tâm mang nhiên.
Dục độ Hoàng Hà băng tắc xuyên,
Tương đẳng Thái Hàng tuyết ám thiên.
Nhàn lai thùy điệu tọa kê thượng,
Hốt phục thừa chu mộng nhật biên.
Hành lộ nan! Hành lộ nan!
Đa kì lộ, Kim an tại?
Trường phong phá lãng hội hữu thì,
Trực quải vân phạm tế thương hải.*

DỊCH NGHĨA:

Chén quý, rượu ngon mười ngàn một đấu,
Mâm ngọc, món ngon giá vạn tiền.
Bỏ chén, quăng đũa không ăn nổi,

10. Hồ Sĩ Hiệp, Tủ Sách Văn Học Trong Nhà Trường, 2002, tr.23.

Rút kiếm nhìn quanh lòng ngơ ngác!
Muốn vượt sông Hoàng Hà nhưng băng làm tắc sông,
Định lên đỉnh Thái Hàng nhưng bị tuyết che tối trời.
Lúc an nhàn ngồi câu cá trên khe suối,
Bỗng lại ngồi thuyền mơ về phía mặt trời.
Đường đi khó! Đường đi khó!
Nhiều ngã ba biết đi phía nào?
Gió mạnh rồi có lúc đè ngọn sóng lớn,
Giương buồm mây thẳng tiến vượt vào biển xanh.
Bài thơ viết theo thể “hành”, gồm có 12 câu, được chia làm
ba phần, mỗi phần có bốn câu, cấu trúc giống nhau: hai câu
trên nói về khó khăn chướng ngại của con người trên đường
đời, hai câu dưới nói về phương cách ứng xử.

Bốn câu đầu:

“Chén quý, rượu ngon mười ngàn một đấu,
Mâm ngọc, món ngon giá vạn tiền.”

Đó là những thức ăn ngon, những vật dụng quý hiếm, đắt
tiền, sang trọng. Ngày xưa chỉ có các bậc vua quan mới được
hưởng, biểu hiệu cho sự vinh hoa phú quý, danh lợi vật chất ở
đời là thứ cám dỗ. Nhưng Ngài đã:

“Bỏ chén, quăng đĩa không ăn nếm,
Rút kiếm nhìn quanh lòng ngơ ngác!”

Cho thấy Ngài coi thường danh lợi, không cam chịu nô lệ vật
chất, đánh mất cuộc sống tự do chân chánh của một kiếm khách,
luôn muốn hành hiệp giúp đời, làm tròn sứ mạng vi nhân.

Bốn câu kế: Nhưng cứu cánh, lý tưởng cuộc đời không dễ gì
đạt được vì đường đời bao nhiêu trở ngại:

“Muốn vượt sông Hoàng Hà nhưng băng làm tắc sông,
Định lên đỉnh Thái Hàng nhưng bị tuyết che tối trời.”

Hoàng Hà, Thái Hàng là sông rộng núi cao, biểu hiệu cho những chướng ngại thử thách chí khí con người, và Ngài đã có cách giải quyết:

“Lúc an nhàn ngồi câu cá trên khe suối,
Bỗng lại ngồi thuyền mơ về phía mặt trời.”

Bằng cách ẩn nhẫn chờ thời và mong ngày đem tài đức giúp đời, an dân, phò vua hưng quốc.

Bốn câu thơ cuối:

“Đường đi khó! Đường đi khó!

Nhiều ngã ba biết đi phía nào?

Gió mạnh rồi có lúc đè ngọn sóng lớn,

Giương buồm mây thẳng tiến vượt vào biển xanh.”

Đường đời quá nhiều nẻo rẽ, biết chọn lối nào. Đầu đầu cũng là gian nan thử thách, chỉ có con đường trở về với Đạo, giải thoát mọi ràng buộc của thế gian mà con người phải vượt qua, bởi vì với quyết tâm thì cũng có lúc gió mạnh sẽ đè cơn sóng lớn, với cánh buồm mây nhẹ nhàng, thuyền mới có thể vượt biển đến nơi bờ giác. Đây chính là sức mạnh và chí lớn của con người để được đứng vào hàng tam tài đồng đẳng thay Trời hành đạo.

NHỮNG ĐIỀU RÚT RA TỪ THÂN THỂ, CUỘC ĐỜI CỦA THI TIÊN LÝ BẠCH

Qua tiểu sử thân thể và một bài thi tiêu biểu của Thi Tiên Lý Bạch, cho thấy cuộc đời của Ngài cũng bình thường như bao nhiêu con người khác trên thế gian, cũng vẫn là những hạnh

phúc mong manh xen lẫn khổ đau của kiếp người; vẫn là chuỗi tiếp nối của sự hợp tan–tan hợp, mất mát chia ly, vốn là quy luật của cõi tạm trần ai. Dù là một bậc đại nguyên căn, Ngài vẫn không tránh khỏi những trắc trở trên bước đường trần thế trong sứ mạng làm người, dù Ngài được hưởng phúc, cả đời không phải lao tâm khổ tứ vì chuyện áo cơm, nhưng Ngài không màng danh lợi như Ngài đã xác nhận:

“Đường trào hạ thế thường Tam quan,

Chẳng vị công danh, chỉ hưởng nhàn.”

Do vậy, sống giữa những điều kiện thuận lợi về vật chất trong khung cảnh hưởng thụ của triều đình, Ngài vẫn tỏ rõ được tính chất “cư trần mà bất nhiễm trần”, không hề bị vật chất lôi cuốn làm mê đắm, ngược lại, Ngài vẫn luôn giữ được được điểm Đạo tự hữu và thực hiện sứ mạng quy nguyên của một Tiểu Linh Quang qua việc Ngài tầm thầy học đạo, tu theo Lão giáo, tu Tiên ngay từ thuở tuổi còn thanh xuân, bởi vì: *“Tánh Tiên, muôn kiếp, vẫn chưa tàn.”*

Về nhân đạo, Ngài là một người con hiếu thảo, 3 năm ròng rã thọ tang mẹ, không chút lãng xao. Ngài cũng là một người chồng chung tình. Khi bị đi đày, Ngài không quên xin ghé mộ phần của vợ bên Động Đình Hồ để thắp nén hương tạ lỗi với người vợ quá cố và đốt tặng quyển thơ Ngài đã viết cho bà trong suốt 20 năm. Đối với ân tình bạn hữu, Ngài cũng trọn nghĩa tri âm.

Ngài lại là một kiếm khách luôn hành đạo giúp đời. Giúp người tiền bạc, ngay cả hy sinh thân mình để cứu mạng cho người khác. Ngài không chỉ là đại thi hào như người đời đã biết,

mà Ngài còn là một vị đạo sĩ, là một trang kiếm khách. Điều này thể hiện rất rõ qua bài thơ “Nga Mi Sơn nguyệt ca”, viết về Nga Mi là ngọn núi cao hơn 3.000m, nằm ở phía nam tỉnh Tứ Xuyên, cách Thành Đô 160km, với đỉnh cao nhất là Vạn Phật Đỉnh (3.099m). Trên đỉnh núi mây mù bao phủ quanh năm, với vách núi chập chùng cao như dựng ngược. Thác đổ nước trắng xóa xuống những con suối sâu chảy lẫn trong lá. Bài thơ có câu: “Nga Mi cao xuất Tây Cực thiên, la phù trực dĩ thanh minh tể” (Ngọn Nga Mi cao quá trời Tây phương cực lạc. Bao la cây cỏ khoảng trời xanh), mà theo Nguyễn Tường Bách, tác giả quyển Mùi Hương Trầm, “Nếu không tới Kim Đỉnh thì không thể nào thấy được “trời xanh” vì xung quanh toàn là vách núi. Lên đó để ngắm trăng, nghe đàn hản phải là người có sức của lực sĩ.”¹¹

“*Một bầu phong nguyệt, say ngơ ngác*”: Phải chăng tâm Ngài đã hòa quyện cùng gió cùng trăng, huyền đồng cùng vũ trụ. Người đời cứ tưởng Ngài say men rượu, nhưng thực ra Ngài đã đạt đến tâm vô phân biệt của người hành giả trên bước đường công phu tu luyện.

“*Bồng đảo còn mơ khi bút múa*” có phải chăng đó là ý nghĩa của câu nói: “Ta chỉ đọc thơ trời đất cho thể gian nghe” lúc Ngài sắp rời bỏ nhục thể để trở lại chốn quê xưa và: “Thượng Đế chờ ta về đọc thơ của thể gian cho cõi Trời được sự sống của con người” chính là ẩn chứa huyền nghĩa sâu xa của tinh thần “Thiên Nhân hiệp nhất”, nói lên ý nghĩa con người hiện hữu

11. Nguyễn Tường Bách, Mùi Hương Trầm, NXB Trẻ.

nơi cõi tạm trần ai chỉ là để thay Trời để hữu hình hóa cái vô vi, hoàn thành công cuộc hóa sanh trường dưỡng muôn loài của Đấng Tạo Hóa, trong đó, con người là Tiểu Thiên Địa phải làm tròn trách nhiệm phụng sự cuộc đời, dựng xây xã hội trong chí nguyện của một con người đúng nghĩa luôn đau đáu nỗi niềm hướng về nhân sanh, đất nước: “Tả lòng thế sự, vẽ giang san.”

II. ĐẾN ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG

Trúc Khê, một nhà lý luận phê bình văn học, đã viết: “Hơn một nghìn năm nay, Lý Bạch được cả giới thi văn Đông Phương tôn sùng tín ngưỡng. Người ta lập đền miếu phụng thờ; người ta làm thơ văn tán tụng; người ta quý báu những vết tích cũ, đâu là chỗ Lý Bạch đọc sách, đâu là chỗ Lý Bạch uống rượu, đâu là bến Lý Bạch thưởng trăng; người ta lại thường vẽ bao nhiêu kiểu tranh, tranh Lý Bạch cười đùa, Lý Bạch thả thuyền, Lý Bạch uống rượu, không thể kể ra hết. Tất cả những thứ ấy, đều để tỏ lòng quý mến tôn sùng nhà thơ Lý Bạch đến cực điểm.”¹²

Người đời ngưỡng vọng tôn sùng Ngài như một huyền thoại, nhưng người đời không hay biết rằng Ngài đã trở lại thế gian bằng điển linh với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để những môn đồ của Đức Cao Đài không chỉ được nghe những lời thơ dạy đạo của Ngài, mà còn điểm phúc được Ngài ban “Tâm tương tửu” để cùng Ngài đối ẩm:

“Tâm tương tửu mà Bản Đạo đã cùng chư đệ muội đối ẩm là để nhắc nhở nhau (...)

12. Trúc Khê, Lý Bạch, NXB Văn Học Hà Nội, 1992, tr.59.

*Tâm tương tửu dễ nhường tiên tửu,
Biết say men chí bửu Thiên ân,
Giúp cho tánh Đạo sạch lần,
Diệt trừ tư hữu ngã nhân pháp quyền.*¹³

Như vậy, cái say, cái rượu của Thi Tiên Lý Bạch đòi Đường không phải là cái chén chén bê tha của phàm phu tục tử, vì:

*Tam bôi thông Đại Đạo,
Nhất đấu hợp tự nhiên.
(Ba chén thông Đạo lớn,
Một đấu hợp tự nhiên.)*

Để Tâm tương tửu mà Đức Giáo Tông ban trong Tam Kỳ Phổ Độ là “*Giúp cho tánh Đạo sạch lần*” nhằm “*Diệt trừ tư hữu ngã nhân pháp quyền*”.

Ngài ban rượu để uống cho say, nhưng không phải say rượu mà say men đạo đức để nhứt tâm phụng sự hoằng hóa đạo Thầy:

*Uống đi men đạo hồi trò,
Say men đạo đức để dò lòng nhau.
Tài với đức đổi trao phụng sự,
Tâm với tài bực thứ không hai;
Có tâm mà lại có tài,
Đức tâm tài đủ đạo Thầy hoằng dương.
Đời thì có hai đường chơn ngụy,
Đạo chỉ cần chung thủy nhứt tâm.*¹⁴

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-01 Canh Thân (29-02-1980).

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-01 Canh Thân (29-02-1980).

Tuy nhiên, trong thời kỳ khai Đạo, đã có lần Đức Lý Đại Tiên Trưởng ban Tiên tửu cho một đạo hữu phạm vào giới tửu. Ngài dạy như sau:

“Trì, nghe dạy. Sơn phải lấy một ly rượu nhỏ, một ly rượu lớn đem lại đây!”

“Đưa cho nó cầm, đội ngay lên trán thế rằng: Tôi tên là Lê Châu Trì, thể uống Tiên tửu một phen này với Lý Đại Tiên, từ đây không uống nữa, như ngày sau phạm giới Ngũ Lôi đã tử. Như quý giục, thì hiền hữu niệm câu này: Tửu nhập tâm di, hại tổn bình sanh chi đức; tánh thiên đạo diệt, dục tranh thế sự chi oan. Giải nghĩa: Rượu vào lòng đổi, hại hao đức bình sanh; tánh đời đạo hủy, dục tranh oan nghiệt thế tình.”¹⁵

Như vậy, với cương vị Nhứt trấn Oai Nghiêm, thay mặt Đức Cao Đài cầm giềng mối Đạo, Đức Lý rất nghiêm khắc để giữ đúng luật Thiên điều. Ngay từ lúc đầu khai Đạo, dù là giai đoạn cần thiết gieo đức tin cho nhân sanh, nhưng Ngài đã có lệnh dạy những người đến hầu đàn không phải nhằm mục đích cầu Đạo:

“Th. Tr. Nh., hiền hữu khá nói cùng kẻ đến đây chẳng tâm đạo, chỉ đến cầu gia đạo và cầu thuốc biết rằng: Đây vốn là đền thờ Ngọc Đế, chỗ chẳng phải là nhà thương hay là tiệm bói. Nghe à!”¹⁶

Qua ngày hôm sau, tình trạng này vẫn còn tiếp diễn, Đức Lý phán dạy quyết liệt hơn: *“Th. Tr. Nh., hiền hữu khá nói lại mấy kẻ đến đây chẳng tâm đạo, chỉ quyết đến bói, ra khỏi đàn, để Lão đui bị nhục đừng trách, nam nữ cũng vậy.”*

15. Tòa Thánh, 29-11 Bính Dần (02-01-1927).

16. Tòa Thánh, 05-12 Bính Dần (08-01-1927).

Mặc dù nghiêm khắc, Đức Giáo Tông lại thể hiện sự quan tâm lo lắng cho thấy tình thương của Ngài đối với hàng môn đệ: *“Lão mang một cảm tình rất nặng cùng chư hiền hữu, hiền muội rồi đó. Lão là người đã đứng ngoài vòng thế sự hèn lâu, nên đôi phen bỏ ngo, phải tiềm tàng lượng trí mỗi người. Ôi nghĩ nên rất khó. (...) Ngán thay cho cái trách nhiệm nặng nề, vì trót đã hứa cùng Từ Bi ra tế độ, hễ trách nhiệm đàn anh, tuy nhiên lấy oai quyền khuyến nhủ trừng trị lấy em, mặc dầu chó cũng nên hiểu tâm của mỗi đứa (...) Lão nhứt định đứng chung vai đầu cột cùng chư hiền hữu, chư hiền muội mà chia bớt khổ tâm.”*¹⁷

Khi nhận lãnh trách nhiệm Giáo Tông, Ngài phán dạy: *“Lão hạ mình bỏ quyền Nhứt Trấn, lãnh việc Giáo Tông mà lập vị cho đàn em bước tới. Lão đã lắm phen thấy điều khó khăn mắc mỏ của phần ấy.”*¹⁸

Lo cho trí phạm của chư môn đệ không hiểu được chuyện Trời Đất thưởng phạt, Ngài giải thích: *“Cơ thưởng phạt của Thiên thơ thì lắm điều trái hẳn với trí người tưởng tượng, có nhiều khi thưởng hữu hình mà là hình phạt vô vi, mà cũng có khi lấy hình phạt hữu vi mà thưởng thiêng liêng công nghiệp. Vậy cái thưởng và cái phạt của Lão dùng điều đình Thánh giáo, nhiều khi chư hiền hữu chư hiền muội không thấu lý đặng. Nên khá dè chừng, đừng vội luận nhảm, bàn khùng mà mang tội thiêng liêng, rất uống nghe!”*¹⁹

Từ khi Đức Chí Tôn ban ơn cho thành lập Cơ Quan Phổ

17. Tòa Thánh, 26-01 Canh Ngọ (24-02-1930).

18. Tòa Thánh, 18-6 Tân Mùi 01-8-1931).

19. Tòa Thánh, 05-11 Canh Ngọ (24-12-1930).

Thông Giáo lý để làm điện đài thâu và phát những động năng thúc đẩy cơ quy nguyên thống nhất toàn Đạo, Đức Giáo Tông lại đến diu dắt từng bước cho nhân viên Cơ Quan trên đường sứ mạng phổ thông phổ truyền giáo lý, với tình cảm thân thương thay cho sự nghiêm khắc. Hãy nghe lời Ngài nhắn nhủ:

*“Bần Đạo xem chư hiền đệ muội là những người em thân yêu mến luyện, nên đã từng cho chư Thần hộ trợ, vượt qua những lúc khó khăn, ngang nhiên hành đạo, có lý nào lại không lưu chút tình thân, nhờ lời dặn dò chỉ bảo, để được nhẹ nhàng tâm não, mát mẻ cõi lòng, mà bắt tay cùng Bần Đạo để lo xây dựng cơ tái tạo ở đời Thượng ngươn.”*²⁰

Đây là một điểm phúc vô cùng lớn lao, Đức Giáo Tông vì thương yêu không xem chúng ta như những người học trò mê muội, mà là những “người em thân yêu mến luyện”. Hơn thế nữa, Ngài còn cho phép chúng ta được cộng sự với Ngài, được “bắt tay cùng” Ngài để xây dựng cõi đời Thượng ngươn Thánh đức. Còn điều gì đại hạnh, đại phúc hơn?!

Bởi vì được Đức Giáo Tông chấp nhận vào hàng môn đệ, chấp nhận là đệ tử phải có căn duyên lớn. Trường hợp của Đức Huyền Pháp Đạo Nhơn Đỗ Thuần Hậu tự thuật qua một lần được giảng cơ, cho thấy rõ điều này: “Tệ Sĩ được đặc ân giảng đàn hôm nay là vì nhơn một dịp vừa rồi vào châu tại cung Thái Ất, thấy chư vị Tiên bối Đại Đạo quá vắng đang đánh cờ. Tệ Sĩ đến hỏi thăm và nhờ sự giới thiệu tiến dẫn của chư vị ấy. Tệ Sĩ đến yết kiến Ngài **THÁI BẠCH KIM TINH** và được Ngài thâu

20. Ngọc Minh Đài, 15-4 Bính Ngọ (03-6-1966).

nhận vào hàng môn đệ để lập công quả trong Tam Kỳ Phổ Độ.”²¹
Nhân dịp này, Đức Huyền Pháp Đạo Nhơn cũng bày tỏ nỗi niềm nuối tiếc như sau: “*Tiếc vì khi sinh thời Ta chưa ngộ Tam Kỳ Phổ Độ, nếu ngộ sớm đến giờ này không phải như hiện nay.*”

Như vậy, hạnh ngộ ĐĐTKPĐ lúc còn đang sống là một may duyên, lại còn được Đức Giáo Tông dìu dẫn coi như những người em thân yêu mến luyện, được Ngài cho phép cùng Ngài hợp tác trên đường sứ mạng thì thử hỏi còn hạnh phúc nào hơn nữa?

Cảm động hơn nữa với tấm lòng bao dung của Ngài đối với đàn em quá nhiều sai trái lỗi lầm:

“Sứ mạng của Bản Đạo với sứ mạng của chư hiền đệ muội như nhau. Ai chấp mà chi. Nếu Bản Đạo chấp những sơ xuất nơi thế gian, thì trong giờ này Bản Đạo không đến đây, mà đã ở chốn non bồng nước nhược, cờ thánh rượu tiên, ngao du hải hồ bồng đảo, mây gió là thơ, sơn thủy là đàn, quần tiên là bạn. Còn nếu chư hiền đệ hiền muội mà chấp thì giờ này cũng không có ở đây, mang đạo phục mấy lớp trong bầu không khí oi bức, mà đã ở chốn hí viện có đủ máy điều hòa không khí hoặc ở bãi biển nghinh phong, hoặc ở chốn non cao tuyết lạnh, hoặc ở chốn tữu đình hải vị sơn hào. Cười!

Nếu nói đúng ra, sự hiện diện giữa Bản Đạo với chư đệ muội giờ này, nếu không phải là căn Tiên cốt Phật, nếu không phải là nguyên căn tá trần thế Thiên hành hóa, chắc chắn rằng không có cảnh tao ngộ trút hết bầu tâm tư cạn tiếng dạn dò, và im lìm lắng nghe cùng suy nghĩ.”²²

21. Ngọc Minh Đài, 01-4 Kỷ Dậu (16-5-1969).

22. Thiên Lý Đàn, 23-3 Đinh Mùi (02-5-1967).

Đức Giáo Tông cũng luôn theo dõi, kịp thời an ủi, củng cố đức tin cho hàng môn đệ: “*Bần Đạo đáng thương cho chư hiền trên bước đường hành đạo, nhưng nếu chư hiền đã nếm được bao nhiêu gian lao khổ cực trên bước đường đời, thì còn sá chi với nẻo đạo phải chịu đôi lần chua chát.*”²³

Vượt không gian, thời gian, Lý Đại Tiên Trưởng đã nhắc lại con đường ngày xưa của Thi tiên Lý Bạch đã đi để Ngài trở thành “con người muôn thuở muôn phương” của hôm nay với lời khuyến dạy:

*Liếc mắt xem qua cõi mộng trần,
Sớm chiều vương vấn nợ đai cân,
Sống thừa quanh quẩn vòng oan trái,
Thân tạm lao lòng nẻo ái ân.
Túc trí cũng chưa về cõi thượng,
Đa mưu chưa hẳn thoát dương trần,
Chi bằng tu niệm sang Tây Vực,
Năm tháng ngao du chốn thượng tăng.²⁴
Tuy nhiên, Ngài cũng cảnh báo:
Thuyền con đang vượt giữa dòng khơi,
Muôn dặm đại dương sóng lượn nhồi,
Lèo lái nếu không cầm chín chắn,
E thuyền không đáy phải xa khơi.²⁵
Để lèo lái được con thuyền đang giữa muôn trùng sóng lượn,*

23. Hườn Cung Đàn, 15–3 Nhâm Dần (18–4–1962).

24. Hườn Cung Đàn, 29–4 Tân Sửu (12–6–1961).

25. Hườn Cung Đàn, 15–6 Tân Sửu (26–7–1961).

trên bước hải hành về miền bến giác, con người với nặng oằn nghiệp quả, không thể thiếu chiếc la bàn định hướng là Thánh ngôn Thánh giáo cùng với sự hộ trì của các Đấng Thiêng Liêng. Do đó, Đức Giáo Tông đã khuyến cáo:

“Thánh Giáo đã dạy, đọc qua chưa thi hành, do đó mà nội bộ hãy còn bế tắc vì một thiểu số cá nhân còn cố chấp chưa thực hiện hạnh Đại Thừa.

(...)

Chư đệ nên nhớ: Thiêng Liêng ân ban chúc vụ để lập công bồi đức chứ không phải là phương tiện để lạm quyền ngăn trở bước tiến của Đạo, và tự mình không thực hiện được trách vụ. Trách vụ không hoàn thành thì chúc vụ không còn giá trị nữa.

(...)

Muốn thực hiện sứ mạng trọng đại, chư hiền đệ muội phải biết suy cổ nghiệm kim, học hỏi túi khôn muôn thuở của Hiền nhân Thánh triết rồi sẽ thành vĩ nhân trong mai hậu.

Thánh GIÁO thiên thu chẳng lỗi lầm,

Chơn TÔNG vạn thế rạng thình âm,

Cổ nhơn ĐẠI chí danh hằng tại,

Do ở ĐẠO mẫu vẹn nhứt tâm.²⁶

Dạy học Thánh giáo để làm kim chỉ nam trên đường tu học hành đạo, Đức Giáo Tông chưa yên lòng, sợ hàng môn đệ tự mãn, Ngài còn nhắc nhở:

Thánh GIÁO rành chưa chắc đã thông,

Phải cần thẩm nhập tận chơn TÔNG,

26. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-8 Mậu Thìn (30-9-1988).

*Dốc hành cho trọn là tâm ĐẠI,
Danh ĐẠO nên rồi mới thật công.²⁷*

Trong thời gian đầu, Đức Giáo Tông đã thể hiện quyền pháp rất nghiêm minh; vì thế, hàng môn đệ Cao Đài nghe đến hồng danh của Ngài đều rất mực kính sợ. Với cương vị Giáo Tông, là Anh Cả, Ngài đã giáo hóa, nâng đỡ và bố diễn cho hàng hàng lớp lớp môn đệ của Đức Chí Tôn xuyên suốt từ thời kỳ Khai Minh Đại Đạo năm Bính Dần (1926).

Đến giai đoạn của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Đức Giáo Tông lại tiếp tục tận tụy che chở dìu dắt hướng dẫn từng ly từng tí, rèn luyện nhân viên Cơ Quan từng bước một. Ngài đã đối với chúng ta như những “người em thân yêu mến luyện” với không biết bao nhiêu là lời dạy chỉ mong ước: *“Chư Thiên ân đệ muội hãy là một Thích Ca, Khổng Tử, Jésus của thời đại mới mong thực hiện sứ mạng lịch sử cơ Đạo Kỳ Ba.”²⁸*

Nhưng rồi chúng ta đã không làm tròn trách nhiệm, để Đức Giáo Tông phải buồn nhưng Ngài không nghiêm phạt mà chỉ than thở:

“Bản Đạo nhắc lại phần hành sự: Rất buồn, nhưng buồn lại thương. Thương vì chư đệ muội đã lẩn thân trong trần cấu, đến giờ này tâm lực tiêu hao, trở lại lãnh sứ mạng rất quan trọng nặng nề, làm sao khỏi lỗi lầm sơ thất. Nhưng buồn, buồn là đã trí thức mà không ý thức, nên lắm lúc tự khảo đảo lấy mình và khảo đảo luôn cùng bè bạn (...) Sờ dĩ Bản Đạo dạy những lời

27. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-02 Mậu Thìn (03-4-1988).

28. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-8 Bính Dần (14-9-1986).

hôm nay, là rất đổi thương xót, nên tâm tình để chư đệ muội thức tỉnh mà đọc lại bao nhiêu lời giáo huấn của Thiên Liêng để làm một hướng đạo trung tâm cho phần hành sự, và tách rời những điều khảo đảo ngoại cảnh xâm lăng. Chư hiền đệ có buồn chăng? Buồn thì chẳng nên buồn mà phải nên sợ. Nếu trước mặt chư hiền đệ là con đường tốt đẹp, là cảnh cực lạc hiện ra, thì Bản Đạo không nói làm gì những lời hôm nay.”²⁹

Trong một dịp khác, Ngài lại chưa xót:

“Bản Đạo đã đến với chư đệ muội sau lệnh phê phán của Đức Chí Tôn và Hội Công Đồng Tam Giáo. Từng bước chân, từng việc làm, cho đến mỗi tâm tư suy diễn đều được Thần minh ứng trực. Thế chư hiền đệ muội chưa cảm nhận được sao?

Có lẽ vì động tâm nên không nhận Thái Bạch Kim Tinh bằng Thần, mà chỉ trông Thái Bạch ở tận Linh Tiêu. Giờ này gặp nhau bằng linh cơ điển bút là điều trở ngại cho chư đệ muội. Một sứ mạng song hành nhưng chưa gặp gỡ và chưa hiểu biết nhau, nhưng thôi, việc đó sẽ tính sau.”³⁰

Tình thương mà Đức Giáo Tông đã dành cho hàng môn đệ Cao Đài nói chung và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo nói riêng, không thể nào dùng văn tự hoặc lời nói có thể diễn tả cho hết được. Tình thương đó, mỗi người chỉ có thể lãnh hội, chứng ngộ đầy đủ bằng tâm linh tịnh khiết, vô dục vô niệm của chính mình. Để đền đáp lại ân đức sâu dày của Đức Giáo Tông, thiết tưởng mỗi người trong chúng ta cần nỗ lực

29. Thiên Lý Đàn, 26-7 Đinh Mùi (31-8-1967).

30. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Ất Sửu (30-8-1985).

hơn nữa trong việc tu thân luyện kỹ, trong việc hành đạo độ đời, và nhất là chu toàn các đạo sự được ban trao. Có như thế, chúng ta mới không đắc tội với Ngài và ngày lễ kỷ niệm khánh đản của Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhất Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngày hôm nay mới có ý nghĩa và được Ngài chứng giám.

Ngược dòng thời gian trở về quá khứ, tìm lại thân thể và cuộc đời của Thi Tiên Lý Bạch đời Đường, để soi một tấm gương về Tâm Hạnh Đức Tài, đồng thời ôn lại những lời thánh huấn của Đức Lý Đại Tiên Trưởng trong Tam Kỳ Phổ Độ từ buổi sơ khai của Đại Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh cho đến cơ quan sau cùng của Đại Đạo – Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, như một nén hương kính thành thắp lên nhân ngày kỷ niệm khánh đản của Ngài.

Cuối cùng xin ghi nhớ lời dạy của Ngài:

Thân xác hữu hình lỗ chắt, chỉ thành phế nhân, chớ tâm linh trong tình Tạo Hóa để thương tổn không có gì hàn gắn.

(...)

Bần Đạo là người anh mật thiết cộng sự với chư đệ muội trong Tam Kỳ Phổ Độ. Chư đệ muội có tội lỗi Bần Đạo cũng không tránh được sự quở trách của Đức Chí Tôn, nên Bần Đạo khuyên chư đệ muội hãy nhớ khi nào lửa lòng bốc cháy, tự ái dâng cao, hãy nhớ đến Thái Bạch Kim Tinh đang kề cận tất cả chư đệ muội để sáng soi hòa dịu.³¹ ■

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, 18 THÁNG 8 NĂM BÍNH THÂN.

31. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977).



TINH THẦN ĐẠI ĐẠO

■ CHÍ THẬT

Đại Đạo Tam Kỳ Phộ Độ hay còn gọi là đạo Cao Đài được khai mở từ năm Bính Dần 1926, đến năm Bính Thân 2016 là tròn 90 năm, với hai dấu ấn kỷ niệm hàng năm:

- Khai Tịch Đạo 23 tháng 8 Bính Dần 1926
- Khai Minh Đại Đạo Rằm tháng 10 Bính Dần 1926

Trải qua gần một thế kỷ, đến thời điểm hiện tại, trong nội

bộ Cao Đài vẫn còn một vài thánh sở chưa đồng quan điểm về tên gọi cũng như ý nghĩa của hai sự kiện trọng đại hy hữu mang tính lịch sử toàn Đạo trên. Điều này đã làm động điển Thiêng Liêng, cho nên, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thừa lệnh Đức Chí Tôn và thay mặt chư Tiên Bối Đại Đạo đã giảng cơ minh định:

“Vì muốn sáng tỏ Thiên cơ trên đường hành đạo, hôm nay Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn và cũng thay mặt các Tiên Bối quá vãng đến để nói rõ ngày 23 tháng 8 và ngày rằm tháng 10. Nói đây không phải để cho Nam Thành Thánh thất, mà để xây dựng một tinh thần cho toàn đạo trong hiện tại và tương lai làm tròn sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ.”¹

Lời dạy này chính là sự nhắc nhở người tín đồ Cao Đài phải nhận thức đúng mức, ý thức đúng tầm về những ý nghĩa lịch sử của một nền tôn giáo do Đức Thượng Đế sáng lập để cùng thống nhất tinh thần trên đường thực thi sứ mạng Kỳ Ba tận độ.

“Ngày 23 tháng 8 là ngày Khai Tịch Đạo trên bình diện pháp lý thế đạo. Ngày lễ hôm nay đã đánh dấu một ngày trước đây đã đi vào lịch sử của văn minh hơn loại, một chứng nhân của cuộc đời, một xác định của văn kiện thế gian đã được ghi nhận.”²

Về mặt thể đạo trên bình diện pháp lý, thể hiện rõ mục đích: Phương thức tu thân, phương châm hành đạo, phương pháp

1. Nam Thành Thánh thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

2. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Nam Thành Thánh thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

hành thiện, được xã hội công nhận đây là một sự kiện lịch sử của văn minh nhân loại, góp phần phục hưng chơn truyền, cải tạo xã hội ngày càng tốt đẹp hơn trong lý Thiên nhân hiệp nhất.

“Theo chiều Trời–Người, Khai Đạo là Trời khai mở mối Đạo xuống thế gian. Về mặt lịch sử, đó là ngày mồng 1 Tết Tân Dậu (1921), là ngày Ngài Ngô Văn Chiêu là Con Người đầu tiên làm đệ tử Đức Cao Đài (chữ Khai này là chữ Hán Việt, có nghĩa: khai mở, khai sáng).

*Theo chiều Người–Người, Khai Đạo là ngày chư vị Tiên Khai, khai báo nền Đạo với nhà cầm quyền. Đó là ngày Khai Tịch Đạo 23–8 Bính Dần (1926) (chữ Khai này có nghĩa là khai báo, trình bày sự việc).”*³

KHAI TỊCH ĐẠO

*“Ngày Khai Tịch Đạo là ngày gióng tiếng chuông cảnh giác để kêu gọi nhân sinh hãy chuẩn bị tâm linh trong mùa thu, sẵn sàng trước mùa đông tiến tới.”*⁴

Như vậy, Khai Tịch Đạo có ý nghĩa quan trọng đối với nhân sinh và chuẩn bị thúc đẩy cho sự tiến hóa tâm linh.

*“Ngày Khai Tịch Đạo 23 tháng 8 là ngày Thiên cơ hé mở để hòa hợp với tác động của thế nhân. Tác dụng của ngày này là nhắm vào cuộc diện tận độ kỳ Ba của non sông nhân loại.”*⁵

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Lịch Sử Đạo Cao Đài, Quyển II, NXB Tôn Giáo, 2008, tr. 10.

4. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Nam Thành Thánh thất, 23–8 Canh Tuất (22–9–1970).

5. Ibid.

– Đây là ngày mà giữa Trời và Người có sự hòa hợp hỗ tương, tác động trực tiếp đến vai trò chủ đạo trong công cuộc cứu độ Kỳ Ba, không riêng cho dân tộc Việt, mà cho mọi dân tộc đang hiện hữu trên khắp cả hành tinh.

“Ngày Khai Tịch Đạo không phải là uy quyền cai trị của Đạo pháp, mà trái lại, chính là sự giải thoát cưỡng quyền, khai phóng mọi buộc ràng chèn ép của khuôn khổ ngăn cách, để khơi nguồn mạch sống tràn lan huyền diệu trên tâm linh của con người cũng như thế sự.”⁶

– Đây là ngày con người làm theo ý Trời nói lên tiếng nói phá bỏ ngăn cách, tháo gỡ buộc ràng, đem lại tự do, tự tại, đắp xây nền tảng đạo đức căn bản, khơi nguồn đạo mạch luân lưu khắp chốn.

“Ngày Khai Tịch Đạo tháng 8 năm này, để nhắc nhở cho những ai đã ưu tư vì Đại Đạo, đã đồng lao cộng khổ trên quãng đường dài tế nhân độ thế, kiểm điểm lại quá trình hầu tìm phương tiến tới. Một dân tộc được chọn! Một dân tộc được đặc ân trong trách nhiệm, hãy hoan hỉ tràn ngập tâm linh để đón nhận mọi trách nhiệm. Đừng để phải hối hận nuối tiếc mà nhìn đoàn người chết khát bên bờ suối, đàn chiên chết đói trên đồng cỏ xanh, đoàn người chết đói bên vựa lúa vô tận.”⁷

Một dấu ấn hy hữu mang đậm tính lịch sử của một dân tộc được chọn làm sứ mang tiền phong, một ân sủng lớn lao của những tâm can trường thiết thạch vì tiền đồ Đại Đạo, gian

6. Ibid.

7. Ibid.

khổ không sờn lòng, gian lao không nản chí. Mọi thứ đã được an bày trong sự mầu nhiệm của Đức Thượng Đế, hãy vui mà tiến, hiệp mà hành, cơ hội không đến lần thứ hai nếu chúng ta không nắm lấy.

*“Đại Đạo, một cứu cánh của Đức Thượng Đế, đã soi rọi vào cuối nẻo âm u để dẫn đường cho nhơn sanh sáng chân về Thánh địa. Đoàn người bước trước của dân tộc được chọn đã hy sinh bằng mọi cách để Khai Tịch Đạo.”*⁸

Đức Cao Triều Phát Tiên Bối dạy:

*Lễ kỷ niệm hai ba tháng tám,
Là ngày dâng quả cảm hy sinh,
Của trang hướng đạo quên mình,
Tam Kỳ Phổ Độ kết tình vạn dân.*⁹

KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

Cuộc Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo được dự kiến cử hành trong ba ngày 14, 15 và 16 tháng 10 Bính Dần (18, 19 và 20 tháng 11-1926), nhưng vì bá tánh thập phương đến tham dự quá đông đảo nên đã phải kéo dài đến ba tháng. Đây là một sự kiện rất hiếm thấy trong lịch sử thành lập tôn giáo xưa nay.¹⁰

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

“Ngày Khai Minh Đại Đạo, các con thiết lễ kỷ niệm để đánh

8. Ibid.

9. Nam Thành Thánh Thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Lịch Sử Đạo Cao Đài, Quyển I, NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 338.

dấu sự vui mừng ngày Thầy đến khai Đạo tại Việt Nam. Dấu rằng Thầy khai Đại Đạo để ổn định cuộc đời sau cơn biến chuyển, nhưng các con, dân tộc các con phải vui mừng vì được chọn làm sứ mạng tiền phong trong Tam kỳ Phổ độ. Đại Đạo Khai Minh là để giúp các con, nhân loại trở về với đạo lý thật sự ở nơi mỗi cá thể chúng sanh. Nếu các con hiểu lời Thầy: “Thầy là các con, các con là Thầy”, thì thế giới này sẽ hòa bình, cần không sẽ an định.”¹¹

Lời Thầy vắng vắng bên tai, lắng đọng trong tâm khảm, để hàng môn đệ Cao Đài, những người con đất Việt “vui mừng vì được chọn làm sứ mạng tiền phong trong Tam kỳ Phổ độ”.

Khai Minh Đại Đạo không phải tổ chức đơn thuần trong nghi thức của tôn giáo, mà ghi dấu kỷ niệm thời khắc quan trọng Đức Thượng Đế lâm phàm và chọn Việt Nam để mở Đạo.

“Hôm nay nhân ngày Lễ Khai Minh Đại Đạo, các em trần thiết long trọng để kỷ niệm ngày ân huệ đầu tiên THƯỢNG ĐẾ đến trần gian Khai Minh Đại Đạo tại đất nước này.”¹²

Chín mươi năm chẵn, một chặng đường dài với nhiều thăng trầm biến đổi, tình đời thế đạo cam go, nhưng giá trị lịch sử không đổi, sứ mạng phải được kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác, mỗi thế hệ một nhiệm vụ, tuy có khác nhau về thời gian nhưng có chung mục tiêu và có cùng ý tưởng.

11. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15–10 Quý Sửu (09–11–1973).

12. Chư Tiên Khai Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15–10 Kỷ Mùi (04–12–1979).

*“Đại Đạo khai minh trên mảnh đất nhỏ bé này, dù trong hoàn cảnh nào, thời gian nào, Đại Đạo cũng đã tự nhận một giá trị, một sứ mạng nào đó rồi. Giá trị ấy, sứ mạng ấy có được, không phải chỉ nằm trong văn kiện, trong giấy trắng mực đen. Đại Đạo đạt được giá trị và sứ mạng có đặt để là nhờ những người nối tiếp cùng nhau xây dựng. Một cá nhân một sứ mạng, mỗi thế hệ một trách nhiệm riêng.”*¹³

Sự Khai Đạo của Đức Thượng Đế với mục đích tối thượng, đem con người từ chỗ lầm lạc, mê muội đến nơi đạo đức xán lạn, từ nẻo tà về đường chánh, kiến tạo đời Thượng nguyên thánh đức.

*“Đời loạn Đạo mới khai. Người bị điên đảo vì ngoại vật mới cần tu cần học. Tu để sửa, học để hành, sửa cái u tệ xấu xa sai lạc trở về đường ngay nẻo thẳng, hành cho đúng đạo, cho trở nên người chí thiện chí mỹ, mới được một xã hội thánh đức thuần lương.”*¹⁴

Hai sự kiện có chung một cứu cánh, tất cả đều do sự an định của Đức Đại Từ Phụ và Thầy cũng để lời phân giải:

“Các con đã hiểu câu: “Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần”. Vì lý Trời như thế, nên từ niên Giáp Tý, Thầy chuyển cơ Đạo cho anh con là Ngô Minh Chiêu thọ chơn truyền của Thầy trước. Đến Ất Sửu, Thầy mới tỏ lần lần. Đến Bính Dần, Thầy mới mở Đạo là ngày sơ nhứt, chánh ngoạt, Thầy thâu thập nhị môn đồ của Thầy đầu tiên đó.

Các con đã lắm tưởng ngày nhị thập tam, bát ngoạt, là ngày

13. Đức Cao Triều Phát, Nam Thành Thánh Thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

14. Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977).

Thầy mở Đạo. Không phải thế đâu con, chính ngày ấy anh con là Lê Văn Trung khai Đạo với chánh phủ Pháp. Các con hiểu rõ cơ Trời đã qua như thế.”¹⁵

TINH THẦN ĐẠI ĐẠO

Qua lời minh định của Thầy, tất cả chúng ta là môn đệ của Đức Thượng Phụ Cao Đài, hãy sát cánh chung sức, chung lòng lo cho tiền đồ Đại Đạo, cho sứ mạng của dân tộc được chọn, để chánh pháp được hoằng khai, và quy nguyên thống nhất toàn Đạo.

“Đừng đũa nào mãi lo riêng tư cho chùa thất mình, cho chi phái mình, mà đành quên một điều căn bản, đó là tu bổ tái thiết trước nhứt những di tích lịch sử khai Đạo. Trên danh nghĩa, những di tích đó chưa từng nhuộm màu sắc chi phái và cũng chưa từng bị lem ố bởi danh từ chia rẽ phái chi. Các con muốn tạo điều kiện cho cơ quy nguyên thống nhứt Đạo mà quên đến yếu tố ấy là một điều rất thiếu sót vậy.”¹⁶

Thầy dạy:

Đâu cũng gọi Tam Kỳ Phổ Độ,

Đâu cũng Thầy danh ngã Cao Đài,

Dầu cho đây dở đó hay,

Đỡ nâng mới phải đừng bài bác nhau.¹⁷

15. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển I, bài “Lý Đạo cơ Thiên”.

16. Đức Chí Tôn, Vinh Nguyên Tự, 03-12 Canh Tuất (30-12-1970).

17. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Quyển II, bài “Mười hai phái đạo Cao Đài”, Tòa Thánh Châu Minh, 10-01 Đinh Dậu (09-02-1957).

Đức Hiền Thế Đạo Nhơn Phan Văn Thanh dạy:

*Khuyên đừng để chia tình đồng đạo,
Khuyên chớ nên gây tạo rẽ phân,
Phái chi, chi phái nơi trần,
Tam Giang đều cũng hợp lẫn đạo cơ.*¹⁸

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*Không chia cách đó đây chi phái,
Chẳng rẽ chia nội ngoại ngã nhơn,
Quyết đem chủ nghĩa Chí Tôn,
Đạo lành chan rưới khắp trong nhơn loài.*¹⁹

Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy:

*Tình chung con cái của Thầy,
Người với ta vẫn giữ đầy tình thương.*²⁰

Lời giáo hóa của các Đấng Thiêng Liêng, là keo hồ, chất kết dính, kết chặt những người Cao Đài lại với nhau thành một khối để gắn gũi, hiểu biết và thông cảm nhau hơn, có điều kiện hỗ tương nhau trên đường thực thi sứ mạng mà Đấng Cha Trời đã ân cần gởi gắm, tin tưởng ban trao, phó thác trách nhiệm cho dân tộc được chọn.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy:

*“Hỡi ai là những hàng Thiên phong chúc sắc! Hỡi ai là những
bực hướng đạo độ đời! Hãy ý thức trách nhiệm của mình để đi
gắn lại nhau, đem tình thương yêu hòa ái chan hòa cho nhau,*

18. Ngọc Minh Đài, 10-5 Ất Tỵ (09-6-1965).

19. Ngọc Minh Đài, 12-03 Mậu Thân (12-3-1968).

20. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 12-10 Nhâm Tuất (26-12-1982).

đem những kinh nghiệm sống hỗ trợ cho nhau. Hãy giữ gìn quyền pháp đạo luật, hãy bảo trọng Thánh thể của Chí Tôn, chung nhau thị hiện mục đích cao cả, ấy là đạo cứu đời. Được vậy thì ngày hòa hiệp thành đạo không phải còn xa vời.”²¹

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

HIỆP sức mà lo phổ Đạo Trời,

THIÊN lương có sẵn mỗi con người,

ĐẠI công đại đức tày Trời Đất,

ĐỂ vị muôn đời mãi sáng soi.”²²

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy:

“Những người đi sau phải thấu hiểu lòng thể hiện hoặc thâm sâu của công cuộc, ngộ hầu chông chất, quyết tâm tiếp nối sứ mạng của người đã đi qua và đã nằm xuống.

Người tiếp nối phải làm thế nào để người ra đi không hờn tủi vì chưa ai biết đến cái kỳ vọng để đạt đến tiêu đề thâm diệu của tâm hồn mình qua những việc đã làm lúc hiện tiền. Đó mới chính là bốn phận của những ai đi sau.”²³

KẾT LUẬN

Nhân Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo lần thứ 90, chúng ta cùng nhau ôn lại đôi dòng đạo sử, để hiểu rõ ý nghĩa ngày Khai Tịch Đạo và Khai Minh Đại Đạo, đồng thời tưởng niệm công đức sâu dày của chư Tiên Khai Đại Đạo, chư Tiên Bối trong toàn Đạo, (XEM TIẾP TRANG 211)

21. Nam Thành Thánh Thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

22. Ngọc Minh Đài, 14-6 Ất Tỵ (12-7-1965).

23. Nam Thành Thánh Thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

NHỨT NGUYỆN ĐẠI ĐẠO HOÀNG KHAI



■ GIÁO SĨ DIỆU NHƯ

Người tín đồ Cao Đài mỗi ngày có bốn thời cúng tại Thiên bàn, và trước khi kết thúc thời cúng, đọc bài kinh Ngũ Nguyên với nội dung một sự nguyện hứa tín thọ

phụng hành dâng lên Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng. Bởi vì nếu chỉ có sự bày tỏ lòng thành kính và ngưỡng vọng cùng với lời cầu xin ban ơn bố đức hướng về các Đấng thì chưa đủ, vì mỗi tín đồ phải là một Thiên Ân Sứ Mạng, đem đạo Thầy đến với chúng sanh để cho thế gian này trở thành một chốn thanh bình, người người đều vui sống trong tình thương yêu và đức háo sanh của Đức Thượng Đế như lời Thầy đã từng dạy năm xưa:

*Thầy mong con biết Thầy hiểu Đạo,
Cho thế gian cải tạo thanh bình.
Lòng Thầy thương cả chúng sinh,
Trong tình tạo hóa trong tình thiên nhiên.¹*

Bài Ngũ Nguyên chính là năm điều nguyện hứa của người Tín đồ dâng lên các Đấng sau mỗi thời cúng, chí thành bày tỏ quyết tâm thực hiện Thánh ý của Thầy:

1. Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai
2. Nhì nguyện phổ độ chúng sanh
3. Tam nguyện xá tội đệ tử
4. Tứ nguyện thiên hạ thái bình
5. Ngũ nguyện Thánh thất an ninh

Trong phạm vi bài viết này, xin được tìm hiểu lời nguyện thứ nhứt: Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai, qua hai nội dung như sau:

- Thế nào gọi là Đại Đạo hoằng khai?
- Làm sao để Đại Đạo được hoằng khai?

1. Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

I. THẾ NÀO GỌI LÀ ĐẠI ĐẠO HOÀNG KHAI?

A. ĐẠI ĐẠO

– Đức Thượng Đế đã từng dạy tại Ngọc Minh Đài: “Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy.”²

– 13 năm sau, Đức Đông Phương Chuông Quân cũng đã dạy một ý tương tự như vậy trong đàn cơ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo: “Đại Đạo là con đường lớn thẳng tắp từ Thiên thượng đến Thiên hạ, từ bến khởi nguyên cho đến lúc hoàn nguyên...”³

Như vậy, qua hai lời giáo huấn trên, ta có thể hiểu rằng: Đại Đạo hay Đạo là con đường duy nhất và cũng là con đường lớn rộng thẳng tắp, nối liền từ Thiên thượng đến Thiên hạ. Thiên thượng là bến khởi nguyên, cũng là chỗ hoàn nguyên, là nơi chúng sanh đã từ đó ra đi với một bản linh chơn tánh được phát ban từ Thượng Đế – còn gọi là Tiểu Linh Quang, Thượng Đế Tánh, Thiên Tánh (Cao Đài giáo), Thiên Mệnh hay Thiên Mạng (Nho giáo), Phật Tánh (Phật giáo), Atman (Ấn giáo), v.v. Bản linh Chơn Tánh này là cái “Ấn” đóng lên mỗi chúng sanh để ai nấy đều nhận ra rằng mỗi người đều là con cái của Đức Chí Tôn Thượng Đế, cùng đến phàm trần là Thiên hạ với sứ mạng vi nhân: lập công với đời, học hỏi những bài học ở trần gian để tiến hóa. Đức Mẹ vẫn thường nhắc nhở điều này:

2. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

Con nhớ chẳng con chốn thượng đình,

Mỗi con mang lấy mảnh hồn linh.

Vào đời tu học, bồi âm chất,

Hành đạo, độ đời, giúp chúng sinh.⁴

“Vào đời tu học, bồi âm chất, hành đạo, độ đời, giúp chúng sanh”: đây là cơ phóng phát để tiến hóa.

Đức Thượng Đế đã không bỏ con người “tự bơi” một mình:

– Vì có xác thân nên có đời sống vật chất nhân sinh. Những điều kiện để cho xác thân này trụ trăm năm nơi cõi thế có đủ: đó là môi trường sống, không khí để thở, nhà ở, cơm ăn, áo mặc, nước uống, lương được trị bệnh, v.v. Mỗi cá thể đều được yêu thương, nuôi dưỡng, bảo vệ, che chở trong môi trường gia đình, xã hội, quốc gia dân tộc.

– Những điều kiện cho tinh thần phát triển cũng sẵn sàng: những bậc nguyên căn Thiên sứ được Thượng Đế phái xuống trần để giáo hóa chúng sanh phát triển về trí năng lẫn tâm đức. Kinh xưng tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có nhắc điều này:

Biến hóa vô cùng, lũ truyền bữu kinh dĩ giác thế,

Linh oai mạc trắc, thường thi thần giáo dĩ lợi sanh.

Bao nhiêu đó cũng đủ cho con người học tu để tiến hóa. Vừa tu học, vừa tiến hóa, vừa theo dấu những bước chân đi trước, vừa đem những sở học sở hành để dìu dắt những bước chân đi sau, để tất cả cùng nhau bước đều trên đường tiến hóa.

Khi xong nhiệm vụ ở trần gian, công viên quả mãn rồi thì

4. Thánh tịnh Kim Thành Long, 18–02 Quý Sửu (22–3–1973).

con người cũng phải theo con đường Đại Đạo này mà trở về phục linh cùng Đức Chí Tôn. Đó là cơ quy nguyên phục vị, như lời Thầy dặn dò năm xưa:

Một sứ mạng Thầy dành hai ngỗ,

Một ra đi, một trở lại Thầy.⁵

Nhưng chốn trần gian vốn có nhiều ma lực, đã mê hoặc và làm đắm chìm biết bao nhiêu khách tục. Trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, khách tục mãi lẫn lộn trong cõi trần gian mà quên mất rằng nơi cõi trần gian này mình chỉ là một người khách, tạm dừng chân trong một khoảng thời gian rồi lại ra đi. Khách quên mất mình vốn thuộc hàng Tiên tử ở cõi thượng thiên và sẽ phải trở về ngôi nhà thật của mình. Con đường Đại Đạo đã bị bức màn vô minh che lấp. Từ bến khởi nguyên ra đi thì nhiều nhưng quay trở về chỗ hoàn nguyên thì không có mấy người. Thế cho nên trong thời Hạ nguơn mạt kiếp, thời kỳ chót trước khi chuyển qua một giai đoạn mới, giai đoạn Thượng nguơn Thánh đức, Đức Thượng Đế đã giáng trần lập đạo Cao Đài để sáng soi cho chúng sanh thấy được con đường Đại Đạo. Qua đó, chúng sanh sẽ thấy được nguồn cội tâm linh cao trọng của mình, biết được sứ mạng của mình, biết được công việc của mình phải làm gì để tự mỗi người sẽ cương quyết đặt bước chân lên đó, để có một cuộc sống an vui hạnh phúc ở cõi trần gian và sẽ được thoát vòng luân hồi sanh tử, trở về ngôi xưa vị cũ của mình nơi cõi thiêng liêng hằng sống sau khi thoát xác. Để hiện thực hóa điều này, Thượng Đế đã sắp đặt thành một

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

thực tướng tôn giáo Cao Đài, hệ thống giáo lý Cao Đài và pháp môn Cao Đài. Đó là phương tiện để dẫn chúng sanh trở về với Đại Đạo.

1. TÔN GIÁO CAO ĐÀI

– Tôn giáo Cao Đài thể hiện qua hình tướng là các Tòa Thánh, Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh. Đó không phải là những điện thờ suốt năm của đóng then cài, chỉ mở cửa trong các ngày Sóc Vọng để cho Tín đồ đến đó đóng tiền hành hương, cúng lạy, ăn bữa cơm chay rồi trở về nhà với tâm trạng hân hoan là mình vẫn còn đang thờ Thầy, giữ Đạo và đã làm tròn bổn phận của một người tín đồ. Các Thánh sở chính là những ngôi nhà Thánh, nơi chúng sanh đến đó để được dạy và học cách thức phát triển và nuôi dưỡng Thánh tâm, thực hành Thánh sự theo đúng Thánh ý, để trở thành những Thánh nhân. Danh từ Thánh ở đây không phải để chỉ một ngôi vị đứng sau Tiên, hay trước Thần. Đó là phẩm chất, đức độ, uy linh ở những con người có sự sáng suốt siêu việt về mặt trí năng và sự tận tụy hy sinh, hiến dâng cho đại cuộc cứu thế Kỳ Ba về mặt tâm đức. Trí năng để phụng sự xã hội, Tâm đức để cải tạo xã hội. Đó là kết quả của quá trình học tập và tu tập. Đó cũng chính là chức năng quan trọng bậc nhất của các Thánh sở trong đạo Cao Đài mà Thiêng Liêng kỳ vọng và luôn âm phò mặc trợ.

– Tôn giáo Cao Đài còn được thể hiện qua cơ cấu tổ chức Hội Thánh gồm Tam Đài là Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài, cùng với hệ thống nhân sự từ các chức sắc, chức việc cho đến tín đồ. Từ trung ương cho đến địa phương, từ các Hội Thánh, Tòa Thánh cho đến các Thánh thất, Thánh tịnh, guồng

máy hành chánh đạo này được điều hành và vận chuyển một cách chặt chẽ bởi Pháp Chánh Truyền và Tân Luật. Đó là Hiến pháp và Luật pháp của đạo Cao Đài, một văn kiện hành chánh tối quan trọng mà Thầy đã ân ban ngay trong những ngày đầu khai Đạo. Tổ chức Hội Thánh với Tam Đài còn tượng trưng cho Thánh thể Đức Chí Tôn với đầy đủ Tinh, Khí, Thần – mượn hình thức để gây ý thức. Người tu luyện hiệp nhứt được Tinh Khí Thần thì sẽ được trở về cõi thượng thiên theo lý “Thiên nhân hiệp nhứt”. Tất cả, suy cho cùng, chỉ là những phương tiện để bảo vệ và dìu dẫn chúng sanh vào vòng Đại Đạo.

2. HỆ THỐNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI

Là một khối lượng đồ sộ những kinh, sách, Thánh ngôn, Thánh giáo mà Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng đã giảng cơ ngự bút ban cho, với những giá trị đạo lý được chuyển tải bên trong. Đó là những khuôn vàng thước ngọc cho chúng sanh nương theo đó mà sửa mình, để được sống một cuộc sống thanh bình hạnh phúc ở cõi trần gian, và lập vị cho mình nơi cõi thiêng liêng sau ngày thoát xác. Người tu học phải biến giáo lý thành tâm đức và trí năng, thể hiện ra ngoài bằng tác phong đạo hạnh dễ thương dễ mến, dễ thuyết phục người khác chuyển tâm hướng thiện, cải tà quy chánh.

3. PHÁP MÔN CAO ĐÀI

Là phương tiện để tạo sự thông công với các Đấng Thiêng Liêng trong thể “Thiên nhân hiệp nhứt”. Trong giây phút đại định, người hành giả sẽ được thọ giáo trực tiếp với Sư vô vi, Đấng Chí Tôn Thượng Đế. Đó cũng là điều kiện cần yếu để được trở về bến khởi nguyên mà cũng là chỗ hoàn nguyên.

Tôn giáo Cao Đài với hệ thống giáo lý và pháp môn là một đặc ân mà Thượng Đế đã ân ban cho nhân loại trong thời đại ngày nay. Đó không phải là tôn giáo thứ 1001 thêm vào 1000 tôn giáo vốn đã có sẵn từ trước, nhằm khuyên nhủ người đời chay lạt, làm lành lánh dữ. Tôn giáo Cao Đài có tên gọi đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có nghĩa là một công cuộc tận độ rộng khắp của Đấng Thượng Đế dành cho tất cả chúng sanh trong thời kỳ thứ ba, tức thời Hạ nguơn mặt kiếp. Ngài đã vận dụng thần lực cùng với sự hỗ trợ của các Đấng Thiêng Liêng để lập ra tôn giáo Cao Đài cùng với hệ thống giáo lý và pháp môn để dẫn dắt chúng sanh trở về với Đại Đạo. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư có nhắc đến ý này như sau:

*Người vẫn tưởng Cao Đài tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoàng dương,
Gồm thấu trăm nẻo ngàn đường,
Tam nguơn chuyển thế, định phương phục hoàn.⁶*

Đại Đạo là con đường thiêng liêng hằng sống, đã từng đưa chúng sanh từ cõi thượng thiên vào thế hạ; thì nay cũng chính con đường thiêng liêng hằng sống ấy, chúng sanh phải theo để trở lại với Đức Chí Tôn Thượng Phụ cho thuận theo lẽ Trời. Một vòng ra đi và trở lại là một vòng tiến hóa. Rồi những chúng sanh tiến hóa này sẽ còn trở lại với trần gian để lập công hầu tiến hóa thêm nữa trong thời Thượng nguơn Thánh đức sắp đến. Lẽ Trời là vậy. Đó là ý nghĩa của hai chữ Đại Đạo.

6. Trúc Lâm Thánh Đức Thiển Điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

B. THẾ NÀO LÀ ĐẠI ĐẠO HOÀNG KHAI?

- Hoàng: mở rộng ra; làm cho rộng lớn hơn; Khai: mở ra.
- Hoàng khai: rộng mở, phát triển.
- Đại Đạo hoàng khai: Đại Đạo được phát triển ra khắp năm châu bốn biển để đến với từng sanh chúng.
 - Đại Đạo hoàng khai khi con số tín đồ ngày càng đông, các Hội Thánh, Tòa Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh được được xây dựng nhiều thêm và vươn ra khỏi phạm vi của làng, xã, tỉnh thành, quốc gia để tiến ra cộng đồng quốc tế.
 - Đại Đạo hoàng khai khi giáo lý Đại Đạo được phổ cập sâu rộng trong quần đại quần chúng
 - Đại Đạo hoàng khai khi càng ngày càng có nhiều chúng sanh thấy có nhu cầu bức thiết phải thực hành pháp môn Cao Đài, để sống an lạc ở cõi trần gian, và khi lìa cõi thế, linh hồn sẽ được trở về cội ngôi trong tình thương yêu của Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng.

II. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẠI ĐẠO ĐƯỢC HOÀNG KHAI?

Trước hết, chúng ta phải xác định rằng: Thượng Đế gieo mỗi Đạo Trời xuống cho con người, nhưng phải có con người tiếp nhận, đó là Chư Tiên Khai Đại Đạo, nhờ đó, Đại Đạo mới có được thực tướng như ngày hôm nay. Còn việc hoàng khai và phát triển mỗi đạo là trách nhiệm của chúng ta hôm nay dưới sự hỗ trợ của Thiêng Liêng. Thiêng Liêng lúc nào cũng sẵn sàng âm phò mặc trợ cho những việc làm chân chánh nghĩa nhân, nhưng nếu con người chỉ đọc hoài đọc mãi lời nguyện “Nam mô nhất nguyện Đại Đạo hoàng khai”, mà không chủ

động tìm kiếm một giải pháp và bắt tay thực hiện thì sẽ không bao giờ Đại Đạo được hoàng khai. Vậy thì chúng ta phải làm sao để Đại Đạo được hoàng khai?

Ý chí sẽ chỉ đạo cho hành động. Trước tiên, phải thấy được việc hoàng khai Đại Đạo là một việc làm hết sức cần thiết và cấp bách mà Ông Trên đang tha thiết mong đợi ở chúng ta.

Thầy đã từng dạy rằng Đạo phát triển một ngày là nhân sanh khổ một ngày. Trên mặt báo hằng ngày hiện nay, phần tin trong nước cũng như thế giới cho thấy càng ngày càng có nhiều vụ án mạng xảy ra, kẻ thủ ác có cả những trẻ thiếu nhi lẫn những người già gần đất xa trời; nạn nhân của họ có cả những người vốn là ruột rà máu mủ, những bậc đã sanh thành và nuôi dưỡng, những người đã cứu mang giúp đỡ, những người thầy đã dạy dỗ bảo ban họ, mong muốn cho họ nên người. Nguyên nhân là do sự xuống cấp về mặt đạo đức.

Thứ nhì: Giá như lương tâm, lương tri họ thường xuyên được đánh thức, bản tánh thiện lương tự nhiên trong con người họ thường xuyên được nhắc đến như một giá trị thiêng liêng của một con người. Giá như họ biết được rằng họ là một con người, là một Thiêng Liêng tại thế, từ cõi thượng thiên theo con đường Đại Đạo vào chốn hồng trần để làm sứ mạng của một con người, xong sứ mạng ở cõi trần thì cũng phải nương theo Đại Đạo để trở về phục linh cùng Đức Chí Tôn. Giá như họ ý thức được những điều đó thì làm sao họ có thể nhúng tay vào tội ác để xảy ra những trạng huống đau lòng như ta đã và đang chứng kiến. Ai sẽ là người giúp cho họ nhận

ra điều đó? Ai là người thay mặt Chí Tôn Thượng Đế, đem ánh sáng đạo đức đến cho họ từ rất sớm, khi trái tim của họ chưa bị xơ cứng vì đã gây quá nhiều tội ác?

Trước một tội ác bị phơi bày, ta vô cùng thương xót người bị hại và vô cùng căm phẫn người thủ ác. Nhưng Thượng Đế trên cao Ngài càng thương xót cho kẻ thủ ác vì họ cũng là con cái của Ngài, vì vô minh nên để cho tham sân si, thất tình lục dục làm chủ, xúi giục họ đi vào đường tội lỗi, thường xuyên sống trong vũng lầy tội lỗi và sẵn sàng chấp nhận sự trừng phạt của luật pháp, xem đó như cái định mệnh của mình. Một thanh niên 24 tuổi, là chủ mưu trong một vụ án giết 6 người ở Bình Phước để trả thù vì hận tình. Sau khi bị tuyên án tử hình, một vị đại diện luật pháp tới hỏi em có muốn kháng cáo để xin giảm án không; em từ chối với câu nói: “Kháng cáo để làm gì hả chú!” Như vậy, em đã ý thức rất rõ hành động sai trái mà em gây ra chắc chắn sẽ đưa tới kết cục này và em bình thản chấp nhận như đó là số phận.

Tội nhân trẻ tuổi này quả thật đáng thương! Cộng đồng tôn giáo có thấy đớn đau vì đã chưa đem được Đạo đến với em trước khi hành động dại khờ, nông nổi và tàn ác được thực hiện? Tâm trạng tội nghiệp, đớn đau và giận dữ trước cái ác đã và đang xảy ra trước mắt ta hàng ngày, càng khiến ta có quyết tâm hoằng khai Đại Đạo. Hoằng khai Đại Đạo là điều mà Đức Chí Tôn đang dõi mắt hướng về tất cả những ai trung kiên với Đạo. Vậy ta phải làm gì?

– Phải làm thế nào để con số tín đồ ngày càng đông và các Thánh sở được xây dựng nhiều thêm để phục vụ Đạo?

– Phải làm thế nào để giáo lý Đại Đạo được phổ cập sâu rộng trong quần đại quần chúng?

– Phải làm thế nào để Tân pháp Cao Đài được nhân sanh khát khao đón nhận?

A. LÀM SAO ĐỂ GIÚP CHÚNG SANH ĐẾN VỚI ĐẠI ĐẠO?

Muốn độ được người phải làm sao cho người quý mến, tin yêu và cảm phục. Đại Đạo thì vô hình ảnh, vô âm thanh; Thượng Đế thì không có diện mạo, hình tướng. Chúng sanh chỉ có thể thấy được Đại Đạo, tin có Thượng Đế thông qua con người của Đạo, thông qua các hoạt động tôn giáo đem lại cho chúng sanh những lợi ích thiết thực và trọng yếu. Sau đây là những sức mạnh ta có thể dựa vào để đem Đạo đến với chúng sanh:

1. SỨC THUYẾT PHỤC TỪ SỰ TU CHỨNG CỦA NHỮNG BẬC CHÂN TU

Người tu theo Tân pháp Cao Đài với Công phu, Công quả, Công trình, trong đó thâm diệu nhất là Công phu, nếu cẩn mật trì hành, có thể chứng đắc nhiều hạnh quả ngay khi còn tại thế:

– Tác phong đạo hạnh tỏa sáng, thể hiện qua phong thái trang nghiêm, thuần hậu, khiêm cung, từ tốn, cẩn hạnh, cẩn ngôn và các đức tính kiên nhẫn, trì thủ, đại tín, hy sinh, v.v. tạo được sự tin yêu, thương mến, cảm phục nơi người khác.

– Tuổi cao nhưng sức khỏe vẫn dồi dào, trí nhớ, suy nghĩ vẫn còn minh mẫn, nhạy bén.

– Sống đơn giản, với phong thái lạc quan, yêu đời, yêu

người, vững đức tin với Đạo, với Thầy. Xem tuổi già và cái chết như một quy luật của cuộc đời, như một hành trình trở về mái nhà xưa, nơi có Thầy Mẹ và các Đấng đang chờ đợi.

– Khi thoát xác được Thánh sắc chúng Đạo, được Thượng Đế ân phong đạo quả, thoát vòng luân hồi sanh tử.

Sức lan tỏa từ sự chứng đắc của người tu tạo ra một hiệu quả tích cực. Đó là một khích lệ lớn lao khiến nhơn sanh tìm đến với Đạo.

2. SỨC THUYẾT PHỤC CỦA NHỮNG HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO

– Những lợi ích do các lớp giáo lý đem lại: Đó là nơi gìn giữ và phát triển hột giống đạo từ con em nhà Đạo. Trẻ con quen nếp sinh hoạt đạo đức nơi Thánh sở từ thuở bé thơ sẽ là những trụ cột vững chắc chống đỡ cơ Đạo tại địa phương trong tương lai. Hơn nữa, trẻ em nhà Đạo từ các lớp giáo lý ngoan ngoãn dễ thương từ cách ăn mặc bên ngoài cho đến tánh hạnh bên trong, biết kính yêu lễ phép với ông bà cha mẹ, nhường nhịn anh em, sống chan hòa với bè bạn, siêng năng học tập, v.v. Những bậc cha mẹ chưa vào Đạo nhìn thấy những tấm gương đó rất thích và mong muốn con em mình cũng được như vậy, nên cũng xin cho con em mình được tham gia. Việc họ nhập môn theo Đạo chỉ còn là vấn đề thời gian và sự khéo léo vận động của họ Đạo địa phương.

– Những lợi ích từ tập thể đồng tu đồng học: Chương trình giao lưu nữ phái qua việc học Thánh giáo lưu động đã rất thành công trong việc nâng cao kỹ năng học tập, nghiên cứu và thuyết Đạo của nữ phái. Thành quả này đã khiến cho con số

chị em nữ phái các nơi bám trụ vào Thánh sở và hằng hái tham gia vào chương trình càng ngày càng đông. Một tín hiệu đáng mừng cho việc hoàng khai Đại Đạo.

– Nghi thức tang lễ trong đạo Cao Đài cũng là một yếu tố thu hút nhân sanh đến với Đạo: Người đã khuất được hưởng phép bí tích để được trở về tu luyện nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Người sống hiện tiền có cơ hội thể hiện tình cảm và đạo nghĩa đối với người đã khuất qua việc tụng đọc những bài kinh có nội dung bày tỏ lòng tiếc thương người đã khuất; an ủi, động viên người đã khuất rũ bỏ mọi vương vấn, tiếc nuối nơi trần thế, định tâm sám hối, hướng lòng về cõi nguồn thiêng liêng; và nguyện cầu các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho vong linh người đã khuất được siêu thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi. Như vậy, luân lý Nho giáo, phần Thế Đạo đã được xiển dương qua tang lễ. Thực tế đã có nhiều người trong con cháu chuyển tâm và nhập môn vào Đạo sau tang lễ của ông bà cha mẹ mình.

3. SỨC THUYẾT PHỤC CỦA BẦU KHÔNG KHÍ AN LÀNH, ĐÁP ỨNG NHU CẦU TÂM LINH CỦA CHÚNG SANH TẠI CÁC THÁNH SỞ

– Khi bước chân vào cửa Đạo, chúng sanh cảm nhận được Thánh thất, Thánh tịnh là một nơi thanh tịnh, thiêng liêng, thánh thiện, có sự hiện diện và ban ơn hộ trì của các Đấng Thiêng Liêng. Họ được lễ bái để tỏ lòng thành kính ngưỡng mộ như là một nhu cầu tâm linh.

– Và cũng nơi đây họ được học hiểu giáo lý thông qua các buổi thuyết giảng giáo lý, các lớp học giáo lý. Một chân trời mới rộng mở cho họ bước vào. Họ khám phá ra nhiều mới lạ

và thú vị, tâm hồn họ trở nên thanh cao, hướng thượng. Họ thấy cuộc sống của mình vui hơn, có ý nghĩa hơn, có lý tưởng hơn so với cuộc sống trước kia luôn bị bế tắc trong ngõ cụt danh lợi tình tiền. Tư tưởng có chuyển biến tích cực thì hành vi cũng trở nên chuẩn mực, đạo đức.

Độ dẫn được một người vào Đạo là xã hội mất đi một phần tử tiêu cực. Cứ 500 người tín đồ thì được xây dựng một Thánh sở. Thánh sở càng mọc lên nhiều có nghĩa là người giác ngộ vào Đạo nhiều thêm. Ánh sáng được thắp lên đến đâu thì bóng tối tự nhiên bị đẩy lui ra khỏi đó. Qua đó cho thấy vai trò và chức năng của Thánh sở rất quan trọng. Không phải vô tình mà hệ thống chức sắc Cửu Trùng Đài có chức danh gắn với chữ GIÁO hoặc chữ sư (Giáo Tông, Đầu Sư, Chánh Phối Sư, Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu). Do đó, ta thấy rõ ràng chức năng của Thánh sở là dạy học, dạy chúng sanh học làm một con người đúng nghĩa con người: một con người của Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ; một con người của Trung Thứ, của Nhân Bản; một con người vốn từ Đại Đạo ra đi thì cũng theo Đại Đạo mà trở về. Ra đi để lập đời và trở về để phục linh Đức Chí Tôn. Mỗi Thánh sở nên có hội trường Thuyết minh giáo lý trong hai ngày sóc – vọng dành cho tín đồ đến nghe trước giờ cúng; có những buổi học tập Thánh ngôn Thánh giáo vào buổi tối cho người lớn; có các lớp giáo lý cho thanh thiếu niên mọi lứa tuổi, mọi trình độ vào buổi sáng hoặc chiều chủ nhật. Tạo điều kiện giúp đỡ con em nhà Đạo được đến trường học văn hóa để các em được phát triển toàn diện. Nếu mỗi Thánh thất, Thánh tịnh đều có những sinh hoạt tâm linh như thế thì cơ Đạo ở địa phương đó sẽ rất vững

vàng, sung mãn. Nếu tất cả các Thánh sở hiện nay trên toàn quốc cũng như ở nước ngoài đều có những sinh hoạt tâm linh như thế thì đó là cơ sở vững chắc cho tiến trình hoàng khai Đại Đạo. Bầu không khí an lành, trí tuệ, đáp ứng được những khao khát tâm linh cho nhân sanh tại mỗi Thánh sở là yếu tố tích cực đem nhân sanh đến với Đạo.

4. VAI TRÒ TÍCH CỰC CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO TẠI CÁC THÁNH SỞ

Đưa người nhập môn vào cửa Đạo đã khó rồi, giữ người trung kiên bền chặt với Đạo càng khó hơn. Có nhiều trường hợp đã nhập môn rồi, người tín hữu ban đầu rất hăng hái nhiệt tình tham gia đạo sự, nhưng sau một thời gian thì không đến Thánh sở nữa, hoặc lổi thệ, đi theo một giáo phái khác vì va chạm với ai đó ở Thánh sở, vì bất mãn, vì thất vọng, v.v. Tóm lại, họ không còn tìm thấy được niềm hân hoan, hạnh phúc như thuở ban đầu đến với Đạo, hoặc tệ hơn thế nữa, họ cảm thấy họ lại vừa trải qua một sự lựa chọn sai lầm, và quyết không để sai lầm thêm một lần nào nữa!

Người tiến dẫn vào đạo, Ban Cai quản Thánh thất, Thánh tịnh hãy là một gương mẫu của đức tin và sự hy sinh, luôn quan tâm chăm sóc về mặt tinh thần cũng như giúp đỡ về mặt vật chất cho người tín đồ. Người tín đồ sẽ như được tiếp thêm sức mạnh và càng gắn bó với Đạo hơn khi được đồng đạo an ủi, sẻ chia, động viên khích lệ trong những dịp quan hôn tang tế, trong những lúc ốm đau bệnh hoạn. Trái lại, tín đồ sẽ mất đức tin và quay lưng lại với Đạo nếu Thánh sở bị khải đảo, trật tự quyền pháp bị đảo lộn, xáo xáo, hình ảnh người lãnh đạo bị

méo mó dưới con mắt chúng sanh, trên dạy dưới thiếu lễ, dưới gián trên mất hết khiêm cung.

Phải giữ gìn cho Thánh thất Thánh tịnh được trang nghiêm, thanh tịnh, xứng đáng là ngôi nhà Thánh cho chúng sanh đến đó để học tập làm Thánh nhân. Lưu giữ được tình cảm và bước chân của chúng sanh luôn ở đó để tu học, hành đạo và phát triển Đạo là một trách nhiệm của tất cả mọi người, từ bậc Thiên phong chức sắc cho đến hàng tín đồ, mà trong đó đức hy sinh quên mình vì Đạo và phụng sự nhơn sanh của người lãnh đạo là quan trọng bậc nhất.

5. PHÁT TRIỂN HẠT GIỐNG ĐẠO TỪ CON EM NHÀ ĐẠO

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có ghi lời Thầy dạy: mỗi tín đồ phải độ cho được 12 người. Tập hợp con em trong Đạo lại, tạo cơ hội cho các em được học văn hóa, học các lớp giáo lý, tham gia các buổi cúng thời, cúng cửu, tập ăn chay, tập tham gia các đạo sự tại Thánh sở, v.v. cho các em quen với môi trường Đạo. Các em chắc chắn là có duyên lành với Đạo nên mới được sinh ra trong nhà Đạo. Hãy huấn luyện các em từ thuở còn là măng non, nếu để các em lớn rồi mới tiến dẫn vào Đạo thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Các em là hàng ngũ tiếp nối và kế thừa đạo nghiệp trong tương lai.

B. LÀM GÌ ĐỂ ĐEM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO ĐẾN VỚI CHÚNG SANH?

1. NGHIÊN CỨU GIÁO LÝ

Giáo lý đạo Cao Đài được tiếp nhận từ các Đấng Thiêng Liêng thông qua phương tiện cơ bút. Do đó, giáo lý Cao Đài

nguyên thủy rất cô đọng giản lược và nằm rải rác trong các Thánh ngôn Thánh giáo ở các Thánh sở khác nhau. Việc tập hợp, phân tích, nhận định, khai triển và làm sáng tỏ thêm lời dạy của các Đấng là nhiệm vụ của con người.

- Giáo lý Đạo phải mang hơi thở của thời đại, phải được trình bày bằng ngôn ngữ của con người đương đại để họ dễ tiếp thu, dễ thực hiện.

- Giáo lý phải được trình bày cho có tính khoa học, triết học và văn học để có tính thuyết phục, hấp dẫn, thu hút được sự quan tâm của chúng sanh, nhất là giới trẻ.

- Giáo lý được phổ diễn dưới nhiều hình thức phong phú, là những bài thuyết giảng, những tài liệu học tập nghiên cứu, những truyện đọc, truyện kể, thi phú để ngâm nga. Giáo lý còn được chuyển tải bởi những bản tân nhạc, những bài ca cổ, những vở kịch ngắn, v.v.

Tất cả đều là những phương tiện thu hút chúng sanh đến với Đại Đạo, để hiểu Đạo và sống đúng theo đạo lý.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đang thực hiện bộ Giáo Lý Đại Toàn. Đó là một bộ sưu tập gồm 7 quyển, tập hợp những lời dạy của các Đấng về các vấn đề thuộc về Vũ trụ quan, Nhân sinh quan, Con người, Tân Pháp Cao Đài, Triết học, Văn hóa, Luận lý, Ý thức hệ Cao Đài, v.v. Giáo lý Đại Đạo được khai triển sâu rộng và hệ thống lại một cách chặt chẽ, mạch lạc để nhân sanh dễ đọc, dễ hiểu. Bộ sách này giải quyết được những vấn nạn mà con người thường trần trở: Con người là ai? Từ đâu đến? Đến trần gian này để làm gì? Chết rồi đi về đâu? Tìm đâu để có được chân hạnh phúc? Ý nghĩa của

một kiếp người? v.v. Dự kiến trong tương lai, bộ Giáo Lý Đại Toàn sẽ được dịch ra ngoại ngữ để giáo lý Đại Đạo được phổ cập khắp năm châu bốn biển.

2. PHỔ TRUYỀN GIÁO LÝ

Sự thuyết giảng giáo lý được thực hiện bởi:

- Các Giáo sĩ hiến dâng trọn đời cho đạo nghiệp.
- Các chức sắc chức việc có trách nhiệm hướng đạo.
- Các bậc Thiện tri thức có tâm nguyện hoằng khai Đại Đạo, có khả năng nghiên cứu và thuyết giảng giáo lý, có tác phong đạo hạnh tiêu biểu, thay mặt Thầy Mẹ và các Đấng, dùng lời nói để dìu dắt nhân sanh vào cửa Đạo.

Lời thuyết giảng giáo lý hay nhất, hữu hiệu nhất, thành công nhất chính là sự tu chứng của những người tín đồ đã chuyên cần siêng tu siêng học, hiển lộ ra ngoài qua tác phong đạo hạnh, trí năng kiến thức, làm lợi ích cho nhơn sanh, như lời Đức Cao Triều Phát đã từng dạy:

*Ngoài đạo hạnh, trí năng, kiến thức,
Trong luyện thần nội tức điều hòa,
Thần hình bền vững do ta,
Đạo mẫu công dụng gần xa đại đồng.⁷*

III. KẾT LUẬN

Đại Đạo là con đường thẳng tắp và duy nhất nối liền từ Thiên thượng đến Thiên hạ, đưa chúng sanh từ chốn thiên đình vào trần thế để tu học, để tiến hóa và lập công giúp đời. Cũng

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).

chính con đường Đại Đạo này sẽ đưa chúng sanh trở lại bến khởi nguyên sau khi hoàn tất một chu trình tiến hóa. Đó là con đường tiến hóa duy nhất của mỗi con người nơi cõi thế mà Thượng Đế đã minh định:

Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ,

Một ra đi một trở lại Thầy.⁸

Con đường này xưa nay bị con người thời đại quên mất, Đại Đạo trong con người bị mai một, khiến cho thế gian này trở thành trường huyết chiến. Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để giúp chúng sanh hiện thực hóa Đại Đạo. Qua Tân pháp Cao Đài, chúng sanh sẽ thực hành Thế Đạo Đại Đồng nhằm tạo hạnh phúc trần gian và Thiên Đạo Giải Thoát để siêu xuất thế gian. Đó cũng là ơn cứu độ Kỳ Ba.

“*Nam mô Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai*” là lời nguyện hứa của người tín đồ với các Đấng Thiêng Liêng, cũng như hứa với lòng mình là sẽ làm cho giáo lý đạo Thầy được xiển dương ra khắp năm châu bốn biển, để trước là giải quyết bài toán hòa bình cho nhân loại hiện đang trong chảo lửa chiến tranh, sau nữa là góp tay vào công cuộc xây dựng con người Thánh đức cho thời Thượng đức sắp tới sau cơn sàng sẩy của Hội Long Hoa đang khai diễn. Hoằng khai Đại Đạo là việc của chúng ta phải chủ động làm trước với sự hộ trì của Ông Trên chứ không phải chúng ta cứ đọc lời nguyện rồi ngồi chờ đợi Ông Trên vận chuyển.

Công năng diệu dụng của Tân pháp Cao Đài ở những bậc

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

chơn tu thực chứng tại mỗi Thánh sở là một yếu tố hết sức quý giá thu hút chúng sanh tìm đến với Đạo.

Muốn hoằng khai Đại Đạo phải phát huy hết những chức năng của Thánh thất Thánh tịnh và làm tốt những đạo sự để chúng sanh thấy được đó là một tập thể lành mạnh và thánh thiện cho chúng sanh dựa vào để được chăm sóc, giúp đỡ, phát triển, tiến hóa về mặt tâm linh cũng như nhân sinh. Trách nhiệm này thuộc về cả chức sắc lãnh đạo lẫn tín đồ.

Trật tự quyền pháp phải được nghiêm minh, luật lệ của Đạo phải được tôn trọng gìn giữ. Có như thế mới tạo được uy linh cho tổ chức, giữ vững đức tin cho chúng sanh.

Sự tu chứng của người lãnh đạo là quan trọng nhất để có được sự phục tùng, ủng hộ và thương yêu, kính trọng của người bên dưới. Tập thể có sự thương yêu đoàn kết, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên không thất khiêm cung, mới có đủ thần lực và sức mạnh để làm nên việc lớn là đào tạo và hiển dâng cho đời những con người có đủ tâm đức và trí năng để phụng sự và cải tạo xã hội từ loạn thành trị.

Muốn hoằng khai Đại Đạo phải nghiên cứu giáo lý và đem phổ truyền giáo lý khắp nơi cho chúng sanh biết Đạo, hiểu Đạo, mến Đạo, nhập môn vào Đạo. Công việc nghiên cứu và phổ truyền giáo lý dành cho bất cứ ai có tâm nguyện hoằng khai Đại Đạo, có khả năng nghiên cứu, thuyết trình và giảng Đạo, có tác phong đạo hạnh tiêu biểu để thay mặt Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng độ dẫn nhân sanh vào cửa Đạo.

Kết quả thực kết ở tương lai trông cậy vào thế hệ hôm nay. Tất cả chúng ta, những tín đồ trung kiên của Đạo, tứ thời đều dâng

lời nguyện hứa hoàng khai Đại Đạo với Thầy Mẹ và các Đấng, thì ngay từ bây giờ hãy chọn cho mình một công việc phù hợp với hoàn cảnh, và sở năng sở trường của mình rồi cố gắng làm liên tục như thế cho đến cuối đời. Lúc nào cũng tâm niệm mình đang liên tục cống hiến những chất liệu tinh xảo nhất cho tòa lâu đài Đại Đạo. Thiêng Liêng luôn theo sát để phù trợ những việc làm đúng nghĩa đúng nhân như lời Đức Cao Triều hằng dạy:

Hỡi ai đã trung kiên một dạ,

Thì đây nguyện đặng đá khai đường.

Trần hoàn tận độ đảm đương,

Cõi Thiên phù trợ lo lường tiến thẳng.⁹

Xin nguyện cầu cho mỗi người con áo trắng đều có thể hoàn thành tâm nguyện của mình hiến dâng lên Thầy Mẹ và các Đấng trong câu nguyện:

NAM MÔ NHỨT NGUYỆN ĐẠI ĐẠO HOÀNG KHAI. ■

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).



THÁNH GIÁO

Nhắc Bính Dẫn khai minh Đại Đạo,
Nhớ bao người sáng tạo cơ đồ,
Thoát vòng lợi trước danh ô,
Hiên ngang dũng cảm, tung hô Cao Đài.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CQPTGLĐĐ, 15-10 BÍNH DẪN.

TIỀM LỰC SÂU THẨM

■ THIÊN CHÍ

Thánh giáo dạy người hướng đạo chơn tu phải phát huy tiềm lực sâu thẩm mới đạt được những thành tựu công trình đúng theo Thánh ý Thiên cơ.

Tiềm lực là nguồn năng lượng hay sức mạnh ẩn tàng bên trong, không phải là động năng của những hành vi đối phó các sự việc thông thường trên đường hành đạo. Nó rất sâu thẩm nên hành giả phải dụng công khơi dậy. Ví như viên ngọc tuyệt mỹ dưới đáy biển, người sưu tầm phải chịu khó nhọc đem bí quyết kinh ngư lặn lội nhiều phen mới phát hiện được.

Cũng thế, hành giả luyện kỹ Lục độ Ba La Mật sẽ tuần tự vượt qua các giai tầng từ cạn đến sâu: Bồ thí – Trì giới – Nhẫn nhục – Tinh tấn – Thiền định – Trí huệ. Nếu xếp theo chiều dọc ta có:

- Bồ thí tức là cho để trừ lòng tham.
- Trì giới tức là giữ giới để trừ ô nhiễm.
- Nhẫn nhục tức là nhường nhịn để trừ giận hờn.
- Tinh tấn tức là sốt sắng để trừ lười biếng.
- Thiền định tức là chuyên chú để trừ loạn tâm.
- Trí tuệ tức là sáng suốt để trừ si mê.

Như vậy, khi nào hành giả đạt đến công phu “Thiền định trí huệ” mới phát động được “tiềm lực sâu thẩm”. Thật thế, hành giả phải “hành thâm Ba La Mật Đa” bằng ý chí phi

thường hầu có kết quả. Đức tin kiên cố, chí quyết hiến dâng là hai điều kiện để thành công như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

Đức tin phải đạt đến giá trị của ý chí hiến dâng: “Đối với những người mệnh danh là hướng đạo, là nòng cốt cho cơ đạo cứu thế, những kẻ hiến dâng cho ánh sáng lý tưởng Đại Đạo thì nền tảng tâm linh phải được xác định trước tiên và hơn ai hết. Vì vậy, kế sách về tâm linh cho những kẻ hiến dâng phải được đề cập trước nhất. Bần Đạo cũng nhắc lại trên phạm trù tâm linh, giá trị đức tin là giá trị của ý chí hiến dâng cho một lý tưởng sáng chói để cứu thế. Có một đức tin đồng mãnh là đã có một ý chí hào hùng tin quyết về kết thúc cao quý của sự cứu độ toàn dân sinh bằng một lý tưởng thật sự thanh cao của Đại Đạo. Phải tin quyết thì mới nhất tâm để chí thành hành sự. Đã có nhất tâm chí thành hành sự thì kết quả sẽ không xa.”¹

Đức tin đã vững, ý chí đã sẵn sàng, bèn tự hỏi nguồn ánh sáng quang huy của viên ngọc kia do đâu mà có, thực thể của viên ngọc là gì? Hãy nghe Đức Mẹ mách bảo:

Cõi hậu thiên thân sanh vào đó,
Điểm tiên thiên sẵn có nơi thân,
Là mầm sống, là nguyên thần,
Là Trời là Đạo, là Nhân của người.²

Ồi! Thì ra đó là “thực thể đạo” tiên thiên trong nền tảng tâm linh, vừa vô cùng huyền nhiệm, vừa bao dung nhân bản.

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, CQPTGLĐĐ, 14-02 Ất Mão (26-3-1975).

2. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, CQPTGLĐĐ, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

Tiềm lực của nó lớn lao vô cùng vì phẩm chất của nó là tình thương và sự sống. Từ ngàn xưa, Thánh nhân đã dày công chứng nghiệm công năng tiềm lực ấy bằng Đạo pháp.

Đạo pháp là phương pháp vận hành bộ máy nhân thân cơ cấu như tiểu vũ trụ vì có đủ căn bản Âm Dương cùng hoạt lực sự sống do tiểu linh quang chủ sử.

Nên Thánh giáo viết:

Điểm linh quang ban từ thượng giới,

Vào nhục thân vun xới cõi lành,

Âm dương động tịnh trước thanh,

Thần hình tương ý tương sanh đó là.³

Đó là cơ nguyên của Đạo pháp, nhưng cái thực dụng của Đạo pháp không chỉ để dưỡng sanh tánh mạng là phần tự độ mà còn là chìa khóa vạn năng để hành giả hoàn thành những công trình hoằng khai cơ Đạo giác hóa nhân sanh. Nên Đức Lão Tổ từng ân cần nhắc nhở:

“Chư hiền đệ hiền muội rất có thiện chí để thuận hành đạo pháp vượt khổ hải trùng dương là một điều đáng ngợi khen, nhưng phải bền chí nhẫn nại tìm cho được cái mấu chốt duy nhất để điều động guồng máy cho thông suốt, khả dĩ tự hoan lạc tâm trung và phát hiện ra diện mạo hiền hòa thư thái. Sự chứng ngộ đó sẽ có ảnh hưởng rất to tát cho cơ tận độ ngày nay.”⁴

Cho hay cái tiềm lực sâu thẳm nói trên chính là cái “mấu chốt duy nhất” của Đạo pháp vậy.■

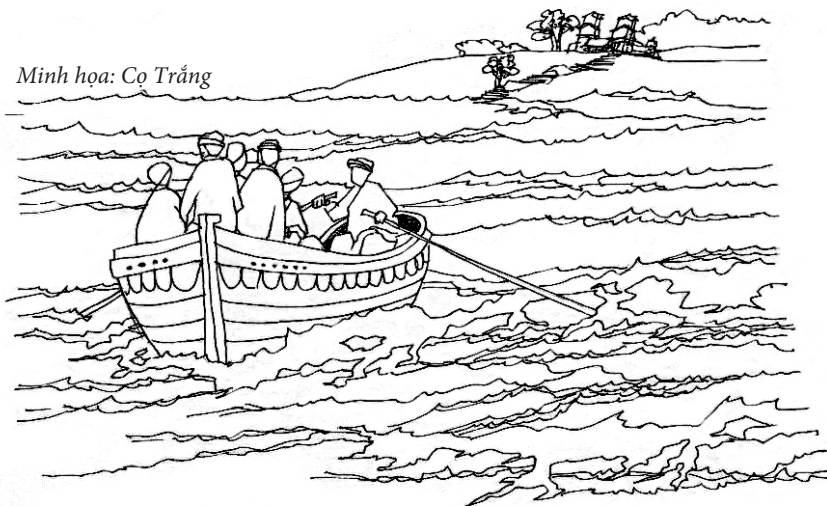
3. Đức Thái Thượng Đạo Tổ, CQPTGLĐĐ, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

4. Đức Đông Phương Lão Tổ, Minh Lý Thánh Hội, 06-12 Quý Sửu (29-12-1973).

trách nhiệm của **NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI**

■ DIỆU NGUYÊN

Minh họa: Cọ Trắng



Vào năm Bính Dần 1986, nhân dịp đại lễ kỷ niệm 60 năm ngày Khai Minh Đại Đạo, Đức Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh, Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy: “Nhắc đến sứ mạng đối với Đạo, bản thân Bản Đạo đòi phen¹ tui hổ với Đức Chí Tôn. Sáu mươi năm hành đạo tuy kết quả có đôi phần, nhưng chưa đối xứng² với cơ tận độ Kỳ Ba, với muôn ngàn

1. đòi phen: Nhiều phen, nhiều lần.

2. đối xứng: Tương xứng.

nhân sinh còn lặn hụp trong trần thế. (...) Mỗi lần lễ Khai Minh Đại Đạo là mỗi lần Bản Đạo càng thêm trách nhiệm nặng nề...”³

Nỗi niềm ưu tư của Đức Giáo Tông Đại Đạo, Người Anh Cả vô vi của hàng môn đệ Đấng Cao Đài, khiến cho chúng ta không thể chủ quan hay bằng lòng với những gì mà mình đã làm được cho Đạo, cho đời, cho nhơn sanh, nhất là trước thực trạng thế giới nhơn loài vẫn còn đầy dẫy những bất công, khổ nạn và đau thương. Lời dạy của Đức Giáo Tông nhắc nhở người môn đệ Cao Đài phải luôn nhớ đến trách nhiệm nặng nề mà Đức Thượng Đế đã phó giao, đó là trách nhiệm đem đạo lý cải hóa nhơn tâm.

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

“Đã sanh vào cõi vô thường, mỗi điểm chơn hồn mang nhục thể vào đời đều có mang một sứ mạng để tự tu tự tiến và giúp cho bộ máy Thiên luân trong cuộc điều hành vũ trụ. Những điểm chơn hồn đó tuy căn trí có khác nhau từ các hàng đại giác nguyên căn cho đến hàng phàm phu tục lụy, nhưng mỗi mỗi đều có sứ mạng và nhiệm vụ của nó giống như từng con ốc, bánh xe, cái chốt trong bộ máy toàn thể. Đừng ai tối tăm nghĩ rằng sự sống đơn phương riêng rẽ của mình không liên hệ gì với sự sống đại thể của muôn loài vạn vật rồi tự đi tìm lối rẽ thụ hưởng riêng tư trong phạm vi nhỏ hẹp, vị kỷ, vị thân. Đời nhơn sanh đang khổ lụy cũng vì sự mê nhận ấy. Thế nên lòng từ bi của Đấng Chí Tôn Thượng Đế đã mở Đạo suốt trong ba thời kỳ, cốt

3. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Bính Dần (16-11-1986).

ý là để cảnh tỉnh cho thế nhân giác ngộ về cái lý ấy để hầu phụng sự Thiên cơ cho hợp tình, hợp đạo, tự cứu và cứu tha.”⁴

Một lần khác, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn phân tích nguyên nhân bao thảm trạng của thế giới nhơn loại ngày nay như sau:

“Sở dĩ nhơn loại ngày nay trong cảnh bi đát tang thương, đứng kể bên vực thẳm, là vì đã hiểu sai chơn lý của vũ trụ và Thượng Đế. Nếu ai ai cũng sống ích kỷ thì phải hại nhơn. Nếu nhơn loại sống một đời sống vị tha vong kỷ, thì ở nơi trời sẽ được mưa thuận gió hòa; [ở nơi đất] quả hoa thanh mậu, thảo mộc xinh tươi; còn ở nơi người thì tình thương yêu đùm bọc, kẻ khôn dui kẻ dại, người giàu bảo trợ người nghèo, kẻ no chia phần kẻ đói, người mạnh che chở người yếu thì thế gian nầy sẽ là cảnh thiên đường cực lạc, đâu còn cảnh tang tóc khốc hại như ngày nay.”⁵

Chúng ta thấy rằng các lời dạy vừa nêu của Thiêng Liêng đều phản ánh hoàn toàn chính xác thực trạng của thế giới nhân loại ngày nay: Con người đang đứng trước những vấn nạn về môi trường sinh sống như tình trạng biến đổi khí hậu do nạn phá rừng bừa bãi cộng với khí thải nhà kính từ các nhà máy công nghiệp khiến cho trái đất càng ngày càng nóng lên. Các nhà khoa học dự đoán rằng đến cuối thế kỷ 21 băng ở Bắc Cực và Nam Cực sẽ tan chảy, làm cho mực nước các đại dương dâng cao và nhấn chìm các thành phố lớn trên thế giới. Bên cạnh đó,

4. Đức Quan Thánh Đế Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15–12 Giáp Dần (26–01–1975).

5. Ngọc Minh Đài, 01–12 Bính Ngọ (11–01–1967).

các nhà máy không ngừng xả thải ra môi trường thiên nhiên các chất thải công nghiệp độc hại gây ô nhiễm trầm trọng cho môi trường sinh thái, nguồn nước sinh hoạt, và mang lại nhiều tật bệnh nguy hiểm cho con người. Các nhà khoa học cũng dự đoán rằng đến năm 2070, thế giới sẽ không còn đủ nước sạch để ăn uống và sinh hoạt, lúc bấy giờ chiến tranh sẽ xảy ra, không phải vì tranh giành tài nguyên thiên nhiên biển bạc rừng vàng mà vì tranh giành nguồn nước. Ngoài ra, ngày nay như loại còn đứng trước thảm họa khủng bố giết người hàng loạt của những con người cuồng tín kỳ thị tôn giáo... Riêng đất nước ta hiện nay còn có thêm vấn nạn thực phẩm tẩm ướp đầy các loại hóa chất độc hại gây bệnh nan y cho con người.

Tất cả những vấn nạn đó đều phát xuất từ lối sống thiếu đạo đức, đầy lòng tham dục và ích kỷ hại nhưn của phần lớn nhân loại ngày nay.

Thuở xưa, vào đời Nghiêu Thuấn, nền văn minh khoa học chưa phát triển, cuộc sống thiếu thốn tiện nghi, nhưng xã hội vô cùng an bình hạnh phúc với cảnh ngoài đường không lượm của rơi, tối ngủ nhà không đóng cửa... ấy là nhờ con người biết sống trong khuôn phép đạo lý làm người, vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con. Còn ngày nay, nền văn minh nhân loại phát triển tột bậc, đầy đủ mọi tiện nghi tân kỳ tinh xảo, con người có thể xây dựng các tòa cao ốc chọc trời, chế tạo các phi thuyền không gian chinh phục cả sao Hỏa... thế nhưng cuộc sống con người lại vô cùng bất an, bao nhiêu thảm họa đang rình rập chực chờ... Đó là vì con người ngày nay đã đánh mất đạo đức và lương tri con người, người làm quan chức nhà nước

thì tham ô hối lộ, cha không từ, con không hiếu, vợ chồng không tương kính, bằng hữu không chơn thật với nhau...

Thế nên, Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

*“Những gì đã hoại diệt là vì xa Thượng Đế, xa Đạo đó các em.
(...)”*

Nghìn xưa, các bậc Thánh nhân không nói đến chính trị ở thiên hạ mà luôn luôn nói đến chính trị bản thân”⁶, không nói đến đời sống cá nhân mà nói đến đời sống của thiên hạ, nhờ vậy nhà yên nước trị, dân lạc nghiệp an cư. Thời bây giờ đâu còn nữa! Vì thiên hạ là thiên hạ đã quên mất cái Thánh nhân rồi.”⁷

Lời dạy này của Đức Vân Hương Thánh Mẫu khiến chúng ta nhớ đến tấm gương của các bậc Thánh nhân trung quân ái quốc thuở xưa.

Tô Đông Pha làm quan đời nhà Tống bên Trung Hoa. Ông cũng là một trong “Bát đại gia” tức là 8 đại văn hào lớn nhất Trung Quốc suốt 7 thế kỷ từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 13. Ông là một Phật tử, đọc nhiều kinh Phật, và là bạn thân của thiền sư Phật Ấn. Có lẽ nhờ thế mà ông có tấm lòng từ bi và rất mực yêu thương nhân dân, không tham ô hối lộ. Ông làm quan nhưng lại có một cuộc sống hết sức thanh bần, có lúc nhà không đủ ăn, người nhà ông phải lên đi hái rau dại về ăn độn. Ông lại tự trách mình làm quan học rộng mà không đủ tài đức để cho bản thân và dân chúng phải chịu đói khổ.

Đại thần Phan Thanh Giản dưới triều Nguyễn ở nước ta

6. Chính trị bản thân: tu sửa bản thân cho ngay chính.

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

cũng là một vị quan cương trực, khảng khái, hiếu nghĩa, thanh liêm và hết mực yêu thương dân chúng. Lúc ông đi trấn nhậm xa nhà, vợ cưới hầu thiếp gửi ra để chăm sóc cho ông nhưng ông nhứt định chối từ, luôn sống một cuộc sống thanh bần giản dị. Khi vua Minh Mạng ra chiếu chỉ cho biết sẽ đến vùng ông trấn nhậm để dạo xem phong cảnh, ông liền dâng sớ can ngăn vì thương dân chúng đói khổ mà lại còn phải phục dịch cho vua, mặc dù ông biết rằng điều này sẽ khiến nhà vua phật ý, mất lòng. Ông từng bảo: “Mình làm quan thấy dân vui là mình vui. Làm quan chỉ biết vui phần mình thật đáng trách.” Ngày nay, Đức Phan Thanh Giản là một trong các bậc Tiền nhân nước Việt có sứ mạng trợ tá Đức Chí Tôn trong công cuộc xây dựng nền tảng đạo Cao Đài tại đất nước Việt Nam.

Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt khi được triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm làm Tổng Trấn Gia Định đã hết sức quan tâm chăm lo đến đời sống nhân dân. Ngài cho lập các cơ sở từ thiện để nuôi nấng, dạy chữ và dạy nghề cho các cô nhi, quả phụ không nơi nương tựa. Ngoài các đức tính cương trực, thanh liêm, nhân hậu, thương dân, Đức Lê Văn Duyệt còn có một tinh thần hòa đồng tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân thể hiện qua việc ngài từ chối thi hành chỉ dụ của triều đình về việc cấm đạo, bắt đạo, sát đạo đối với Thiên Chúa giáo. Ngài cũng chủ trương hòa hợp dân tộc, không phân biệt đối xử với các dân tộc thiểu số hoặc di dân người Hoa. Ai hết lòng cho công cuộc phát đạt xứ sở thì đều được hưởng đầy đủ quyền lợi như dân bản xứ, được nhà nước bảo trợ, tạo điều kiện cho làm ăn sinh sống, an cư lạc nghiệp. Nhờ đó Ngài đã tạo được khối

đoàn kết dân tộc, ổn định cuộc sống nhân dân và mở mang đất Gia Định thành một vùng đất trù phú, an bình và hạnh phúc. Có lẽ vì tinh thần đại đồng của Ngài lúc còn sinh tiền mà Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt ngày nay đã đảm trách nhiệm vụ Tổng Lý Đại Đồng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đó là tấm gương của các bậc trung quân ái quốc vì nước vì dân thuở xa xưa mà Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã xưng tụng là các bậc Thánh nhân *“không nói đến chính trị ở thiên hạ mà luôn luôn nói đến chính trị bản thân, không nói đến đời sống cá nhân mà nói đến đời sống của thiên hạ, nhờ vậy nhà yên nước trị, dân lạc nghiệp an cư.”*

Ngày nay, trong đạo Cao Đài, các Đấng Thiêng Liêng dạy rằng trách nhiệm xây dựng xã hội, mang lại hạnh phúc cho nhơn sanh không phải chỉ thuộc về các quan chức nhà nước mà kể cả người tu cũng phải tự nhận lấy trách nhiệm này. Có điều trách nhiệm của người tu thiên về phần chuyển hóa nhơn tâm, giáo dân vi thiện.

Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

“Các em hiện tại là một trong muôn một để lãnh sứ mạng vai trò làm sáng tỏ cái Đạo tự hữu và khêu lại ánh sáng cái Đạo trong lòng nhơn sanh. Trách nhiệm chỉ có thể thôi.

Đời không khổ lụy, nhơn sinh không đau thương, thì các em không nhọc nhằn trước sứ mạng cứu thế của Thượng Đế ban cho.”⁸

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

“Câu quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách, nhưng cái trách

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

nhệm của bậc thể Thiên hành hóa, giáo dân vi thiện lại càng quan trọng hơn. Trước cảnh quốc phá gia vong, thôn làng tan nát, đồng bào khổ nạn lâm than thống thiết, người tu không phải dụng võ để tế thể an bang, hoặc dụng văn để sửa đoan quốc chánh. Nếu không làm hai việc ấy, không lẽ vô trách nhiệm sao? Trái lại, trách nhiệm rất nặng nề nhưng linh diệu mà Thiêng Liêng đã dành sẵn cho [người tu] trong chỗ dụng tâm linh cái hóa nhân tình, lấy đức tuệ soi đường sanh chúng.”⁹

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

“Giúp đời trong cơn nguy biến chẳng phải cần đến những trang anh hùng liệt sĩ bạt tụy siêu quần không mà thôi đâu, cũng phải cần đến bậc vĩ nhân thánh triết đạo đức tu trì mới đem lại cuộc thái bình cho nước non dân tộc. Nước có yên, nhà có trị, nhân loại an bình mới hết trách nhiệm của người tu.”¹⁰

Thế nên, Đức Đông Phương Lão Tổ có lần dạy rằng việc cứu giúp người bất hạnh, nhường cơm sẻ áo cho người nghèo nàn đói rách là việc làm cần thiết nhưng việc truyền bá đạo lý để giúp người khác trở về với nếp sống thuần lương đạo đức vong kỷ vị tha lại càng vô cùng cần thiết hơn cho xã hội nhân loại ngày nay.

Tuy nhiên, để việc truyền bá đạo lý chuyển hóa hơn tâm được hữu hiệu thì trước hết người tu cần phải tu chứng như lời Đức Bảo Hòa Thánh Nữ từng dạy:

“Đời càng đảo điên, người tu hành càng có trách nhiệm. Trách

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

10. Minh Lý Thánh Hội, 26-9 Mậu Thân (16-11-1968).

*nhệm cao quý và nặng nề nhất là tu chứng để hoằng dương chánh pháp phổ độ nhơn sanh.*¹¹

Tu chứng chính là thực chứng được những điều đạo lý mà mình đang truyền bá qua cuộc sống đạo của chính bản thân người tu, từ ý nghĩ, lời nói đến hành động đều phải là gương mẫu. Đức Cao Tiếp Văn Pháp Quân dạy:

*“Cái nhiệm vụ làm người môn đệ ta nên cố gắng để được tròn xứng với cái bốn phận. Hằng ngày tu tiến thân tâm, làm cho sáng danh của mình của Đạo, để rồi cứu người cứu mình, cứu cả đời đã mang tội ác, tạo nên một cảnh hòa bình hạnh phúc cho ngày mai. Sự mạng đặt trên lời nói, ý nghĩ, việc làm; mọi cử động đều làm khuôn phép mẫu mực cho con, cho nhà, cho người, cho nước. Được thế mới hầu cứu độ chúng sanh trong trầm luân khổ hải.”*¹²

Ngày nay, nhiều người cho rằng, đời đã tệ thì tội gì ta phải ép mình vào khuôn khổ đạo đức cho khổ thân. Thế nhưng, giả dụ trong một gia đình có mười người con, chín người lười biếng không chịu làm lụng, chỉ có một người làm việc để nuôi sống gia đình; nếu người ấy cũng tỵ nạnh rằng bao nhiêu người kia không làm, tội gì riêng ta phải làm, thì gia đình ấy sẽ ra sao? Bởi vậy, người ấy lại càng phải cật lực làm việc nhiều hơn nữa để nuôi sống gia đình. Tương tự như thế, đời càng sa sút đạo đức thì người tu lại càng phải gương mẫu, trau dồi đức hạnh thêm hơn.

Người môn đệ Cao Đài ngày nay thấm nhuần lý vạn giáo đồng nguyên, các tôn giáo chân chính đều từ một gốc Thượng

11. Vĩnh Nguyên Tự, 22-11 Đinh Tỵ (01-01-1978).

12. Trung Hưng Bửu Tòa, 30-01 Đinh Dậu (01-3-1957).

Để mà ra, thế nên người môn đệ Cao Đài còn có trách nhiệm kêu gọi anh em tín hữu các tôn giáo trên hoàn cầu cùng bắt tay nhau để kết hợp thành một thực thể đạo cứu thế Kỳ Ba có khả năng cải tạo cõi thế gian đầy đau khổ và nước mắt này thành một xã hội an bình hạnh phúc cho toàn nhân loại.

Đây là một trách nhiệm nặng nề mà tất cả những ai có chí nguyện thực hành Bồ Tát Đạo đều phải gồng gánh trên vai, thể hiện qua lời nguyện thứ tư trong mỗi thời cúng: *Tứ nguyện thiên hạ thái bình*. Việc tuy khó, nhưng Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ có dạy cho chúng ta một bí quyết để thành công:

“Trường đời hay Đạo, bí quyết thành công là do ở chí kiên nhẫn. Các con đã từng xem kinh sử cổ kim, đã rõ tường tích Ngu Công phá núi, thì vai tuồng của mỗi con ngày hôm nay chẳng khác Ngu Công¹³ đó vậy. (...)

13. Sự tích Ngu Công phá núi được ghi lại trong quyển Cổ Học Tinh Hoa của hai tác giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tỉnh Trai Trần Lê Nhân. Ngu Công là một ông lão tuổi đã 90, nhà ở chân núi Thái Hàng và Vương Ốc phía nam Châu Kỳ. Ngu Công thấy núi gây chướng ngại cho mọi người trong việc đi lại nên quyết định huy động cả dòng họ phá núi mở đường. Cả nhà ông hợp sức với nhau kẻ đục đá, người đào đất, kẻ đầu đội, người vai mang đồ đất đá ra biển Đông hết ngày này sang tháng khác. Có một ông Lão tên Trí Tẩu thấy vậy cười Ngu Công và can rằng: – *Sao khờ dại vậy! Mình thì tuổi tác, núi thì cao lớn, phá thế nào nổi!* Ngu Công thờ dài nói: – *Bền lòng thì việc gì cũng phải được. Ta già, ta chết, đã có con ta. Hết đời con ta, đã có cháu ta, hết đời cháu ta đã có chắt ta, con con cháu cháu sinh hạ vô cùng mà núi thì bao giờ cũng vậy, lo gì không bạt nổi.*

Trí Tẩu nghe nói, nín lặng, không trả lời. Sau này vùng nam Châu Kỳ không có núi non chướng ngại, đi lại thuận tiện là nhờ có Ngu Công.

Các con đã rõ tích của Ngu Công rồi, thì các con hãy đóng vai trò ấy cho đúng với nhiệm vụ thế Thiên hành hóa.

Ngu Công tuy tuổi già, sức yếu, mà núi thì cao lớn, nhưng nhờ chí kiên nhẫn, bền bỉ, đem hết tâm lực ra để hành sự, chẳng màng lời chê cười của Trí Tẩu.

Con đây cũng thế ấy, không nên vì vật chất, lợi danh ám ảnh mà quên sứ mạng thiêng liêng, trọng trách của Thầy giao phó.(...)

Cái bí quyết thành công là do chí kiên nhẫn, chịu đựng gian khổ, bền bỉ, tận nhơn lực, thì lo chi sự thành công không kết quả mỹ mãn đó các con!

*Thầy đã cạn lời, trẻ nghiệm suy,
Bước đường hành Đạo ráng lo thì,
Cảnh đời sắp đến nhiều đau khổ,
Phận sự các con phải cứu nguy.
Gặp lúc phong vân con lãnh phận,
Đến ngày chuyển hóa, trẻ hành vi,
Làm sao cho xứng con hiền hiếu,
Đạo đức chấn hưng đã đến kỳ.”¹⁴*

Xin thành tâm cầu nguyện Thầy Mẹ ban bố ân lành để tất cả môn đệ của Đức Cao Đài đều có được ý chí kiên nhẫn bền bỉ để làm tròn trách nhiệm mà Đức Đại Từ Phụ đã trao phó.■

14. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, bài 57: “Bí quyết thành công”.

Chí thành bất tức *chứng* **KIM TIÊN**

■ **CHÍ THẬT**

Thánh giáo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy:

Tiên Thiên nhứt khí thể hỗn nhiên,

Thanh tịnh vô vi Đạo cực huyền,

Phương tiện đa môn quy nhứt lộ,

*Chí thành bất tức chứng Kim Tiên.*¹

CHÍ: rất, hết sức, cực điểm,

THÀNH: thành thực, thành tâm, không thay đổi.

BẤT TỨC: không ngừng nghỉ, không gián đoạn, liên tục...

CHÍ THÀNH BẤT TỨC: hết lòng dốc trọn tâm thành tu hành không ngừng nghỉ.

1. Đạo Học Chỉ Nam – Chương III, Tiết II, Mục 1, tr. 185.

Bài kinh Lạy Mẹ² có câu: “*Lòng con rót cạn chữ thành*”, hai chữ rót cạn tương đương với chữ chí còn có nghĩa là tới đỉnh điểm, đến tận cùng; rót cạn còn đồng nghĩa với chữ trút cạn, hay nói một cách, khác dâng trọn hết lòng thành. Trong kinh Dịch cũng thường đề cập đến cụm từ: “*Chí thành bất túc*”, nghĩa là lòng chí thành được nuôi dưỡng, được củng cố liên tục không ngừng nghỉ, không gián đoạn. Nhờ sự chính và bền đó, đã giúp chúng ta từng bước chế ngự lục dục, đẩy lùi thất tình và hoàn hảo hóa bản tâm, bản tánh đến toàn chân, toàn thiện.

Trong kinh Thuyết pháp có câu: “*Nguyện chí thành sửa máy tà gian.*”

Đại văn hào Victor Hugo khẳng định: “Sự bền bỉ là bí mật của mọi chiến thắng” và trong kinh Dịch chỉ gói gọn một chữ “**TRINH**” (chính bền).

Minh Lý Chơn Giải có đoạn: “Sắc lệnh của Đức Điều Trì Kim Mẫu có ý nhắc nhở chúng ta, bất kỳ vào trường hợp nào, luôn luôn phải giữ nhất tâm thành kính làm gốc, do thành và kính tương hiệp mà nên.”

Về chữ **KÍNH** thì nên coi lời giải trong hào Lục Nhị của quẻ Khôn. Về chữ **THÀNH** thì nên đọc lời giải của hào Cửu Nhị quẻ Kiền. Hiệp hai chữ này lại thì đăng nhất tâm, mới gần Trung đạo.

– Văn ngôn hào Cửu Nhị quẻ Kiền viết:

“Long đức nhi chánh trung giả dã, dung ngôn nhi tín, dung hành nhi cần, nhàn tà tổn kỳ thành, thiện thể nhi bất phạt,

2. “Lạy Mẹ đại từ đại bi”...

đức bác nhi hóa.” Nghĩa là đức của rộng mà đặng trung chánh, lời thường cũng giữ được trung tín, nét thường cũng giữ được cẩn thận, ngăn phòng điều tà, bảo tồn lòng thành, làm ích lợi cho đời mà không khoe khoang, đức rộng hóa khắp người ta.

– Văn ngôn hào Lục Nhị của quẻ Khôn viết: *“Quân tử kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phượng ngoại. Kính nghĩa lập nhi đức bất cô.”* Nghĩa là: *Đấng quân tử dùng kính (dè dặt, không càn) để dưỡng bên trong, dùng nghĩa để kềm bên ngoài cho đứng đắn (vuông vức, không tà vạy méo mó). Biết dùng kính và nghĩa rồi, thì đức không sao xơ rơ, kém cỏi được.*

Đức Lý Thái Bạch dạy:

“Người tu hành phải trọn chữ kính thành, vì có câu: “Duy Thiên vô thân, kính duy thân, Quỷ Thần vô thường hưởng, hưởng ưu khắc thành.” Nghĩa là: Trời không thân với ai, chỉ thân với người hay kính, Quỷ Thần không thường chứng giám cho ai, chỉ chứng giám cho kẻ hay thành.”³

Đức Mẹ dạy:

“Các con đừng tưởng, đâu đâu chẳng có Thiêng Liêng. Thiêng Liêng đều đến với tất cả nhơn sanh, tất cả Tòa Thánh, Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh, cá nhân, chỉ các con không chịu tiếp đón Thiêng Liêng bằng chí thành tâm đạo, mà đem bức rào ngoại vọng để ngăn đón, rồi con thất bại lại than van.”⁴

3. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 2, tr. 66.

4. Ngọc Minh Đài, 15-4 Bính Ngọ (03-6-1966).

Qua lời dạy của Đức Lý và Đức Mẹ, ân điển Thiêng Liêng trùng trùng, điệp điệp luôn luôn âm phò mặc trợ, sẵn lòng đến với nhân thế trong mọi hoàn cảnh, mọi không gian, mọi sinh hoạt... điều kiện đón nhận ân hồng chỉ vồn vẹn trong bốn phận thành kính đúng lễ, chí thành tâm đạo thì mọi phong ba sẽ được hóa giải, và thất bại đổi lại thành công.

CHÍ THÀNH TRONG SỨ MẠNG

Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mang tầm vóc nhân loại, đậm tính toàn cầu, chính vì tầm quan trọng như thế, nên Đức Đại Từ Phụ để lời giáo hóa:

“Việc các con làm hôm nay là vĩ nghiệp⁵ ở tương lai. Mỗi đứa phải đem lòng chí thành phục vụ chánh nghĩa, phục hưng chánh pháp mà lập thành chánh đạo.”⁶

Những đóng góp của toàn Đạo trải qua nhiều thế hệ, là vĩ nghiệp ở tương lai cho tất cả anh chị em trên khắp hoàn vũ, để mọi dân tộc đều chung sống dưới bầu trời ấm áp của thiên nhiên, trong cảnh thái hòa, lạc nghiệp âu ca, vỗ bụng ngâm cơm, nhà ngủ không đóng cửa, cửa rơi sẽ có người nhặt trao lại, con người sẽ không còn bận tâm với chuyện thế thái nhân tình, chỉ sống và đối đãi với nhau bằng tình đồng loại trong tình Tạo Hóa.

Tất cả chúng ta đều kỳ vọng viễn cảnh thanh bình sẽ sớm đến với nhân loại một ngày không xa. Kỳ vọng và ước muốn

5. Vĩ nghiệp: sự nghiệp to tát, lớn lao, cao cả.

6. Thiên Lý Đàn, 15-10 Ất Tỵ (07-11-1965).

trên lý thuyết sông chưa đủ để chúng ta đắc thành sở nguyện, phải chấp nhận hy sinh, đối mặt với khảo đảo, với nghịch cảnh... phải có lòng chí thành thì sứ mạng mới mong hoàn thành như lời Thầy vỗ về:

“Các con bởi có duyên lành, nên mặc dầu trải qua bao cơn bão táp, mấy lúc khảo đảo, các con đã không thối chí ngã lòng... Các con chí muốn duy nhất là Đạo sớm thành, mà phải thành trên phương diện nào đó, hỡi con?”

*(...) Các con muốn thành, trước nhất lòng con phải thành. Thành để hành cho đúng, không cãi tranh, không thêm bớt, không chia rẽ, dụng đức hy sinh để cảm hóa cho nhau. Các con đừng e ngại không người dắt lối đưa đường. Chỉ ngại cho lòng con chưa thành. Khi lòng con đã thành, tri, thuyết, hành như nhất, thì các con sẽ thấy lý siêu việt đến với các con, là ngày mà cây Phổ Thông Giáo Lý đơm bông kết quả.”*⁷

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Nên công do bởi chí thành,

*Nhất tâm trên dưới, thác ghềnh vượt qua.*⁸

Sự nhất tâm, lòng chí thành trong sứ mạng, sự đoàn kết trong toàn đạo là sức mạnh vạn năng, là động lực bất thối chuyển thúc đẩy con thuyền cứu độ kỳ ba vượt mọi chướng ngại, khúc khuỷu quanh co để đưa nhơn sanh trở về bến khởi nguyên.

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

7. Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 03-5 Bính Dần (09-6-1986).

“Chư hiền đệ, hiền muội nên nhớ rằng: Thiêng Liêng lúc nào cũng âm phò mặc trợ tùy theo lòng chí thành của chư hiền đệ, hiền muội... Lòng chí thành sẽ đem đến cho chư đệ muội những toàn năng toàn giác. Nếu chư đệ muội sứt sè hay có những ý tưởng mơ hồ, nhẹ đức tin, thì dầu việc nhỏ như việc hằng ngày cũng không làm nổi, lựa là phổ độ nhơn sanh.”⁹

Lòng chí thành là thước đo của người tu, là sợi dây vô hình kết nối giữa hai cõi sắc không, nguyên lực càng cao, tha lực càng lớn. Nếu lòng còn lấp lửng, nửa tin nửa ngờ thì việc sinh hoạt thường nhật cũng không làm được, huống hồ nói đến chuyện độ dẫn tha nhân, thực thi sứ mạng...

Đức Từ Tôn Kim Mẫu dạy:

“Mẹ ước mong sao lòng các con cũng phải chí thành vô hạn, mới có thể thấu được lý nhiệm mầu siêu việt và hoạch định một tương lai đạo đức cứu cánh toàn linh.”¹⁰

Căn trí chúng sanh trong cõi ta bà là vô lượng, Đức Đại Từ Mẫu mới bảo lòng chí thành phải vô hạn mới đủ sức hóa giải những dị biệt nơi cõi nhị nguyên, ngõ hầu đưa chúng sanh trở về cõi nhất nguyên.

CHÍ THÀNH TRONG CÔNG PHU

• Cúng Tứ thời

Các thời cúng mở chuông kinh kệ,

9. Minh Đài, 14-9 Ất Tỵ (08-10-1965).

10. Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 15-8 Ất Tỵ (10-9-1965).

*Phải thành tâm hiến lễ nghiêm trang.*¹¹

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*“Khi lễ, đối với phần Thiêng Liêng phải hết mực thành kính tôn nghiêm để được trọn hưởng hồng ân, không phạm tội.”*¹²

• **Thiền định**

Hiện nay, thiền được nhiều người quan tâm và tìm học. Đây là việc đáng khích lệ, nhưng chúng ta không nên xem thường, vì nếu hời hợt, chạy theo phong trào, không hữu ích, tốn thời gian.

Xem lại về mặt nhân sinh thế đạo có ổn định chưa, phải xét lại hoàn cảnh, điều kiện hiện tại của chính mình có đủ thời gian thọ pháp và hành pháp hay chẳng, có quyết tâm cầu tu giải thoát?...

*“Nay chư đệ muội muốn vào hàng Thiên đạo, xin vào lớp Dự Bị để học tu, phải thông qua giới điều Quy luật. Trước biết có thân, phải báo đáp ơn sinh dưỡng, xử tròn nhiệm vụ làm người. Biết có tâm này phải chí thành giác ngộ, có ý chí kiên trì giải thoát để vào đường Thiên đạo. Đó là điều kiện tối thiểu để bước vào hàng Dự Bị và tiến lên đường Thiên đạo.”*¹³

Trong tinh thần đó Đức Ngọc Lịch Nguyệt nhắc nhở chư tịnh sĩ:

“Sơ thiền tâm pháp là bước đầu quan trọng trong Thiên đạo

11. Đức Thiên La Đạo Nhơn, Ngọc Minh Đài, 01-01 Giáp Dần (23-01-1974).

12. Vĩnh Nguyên Tự, 10-3 Quý Sửu (12-4-1973).

13. Đức Đông Phương Lão Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-12 Đinh Tỵ (09-01-1978).

Đại thừa. Người hành giả phải có một tâm chí thành cầu tu chánh pháp.”

“Nếu hành giả chí thành cầu đạo thì Đạo vô vi sẽ được Sư vô vi chỉ dẫn.”

*Tu hành nào có khó chi đâu,
Do bởi nơi ta chỗ sở cầu,
Tâm có chí thành hành chí đạo,
Đêm thanh lặng lẽ hiệp cơ mầu.¹⁴*

Thiền là phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu, chỉ cần dụng công trì hành, toàn tâm toàn ý sẽ nhận được kết quả thực tại, thân thể cường tráng, tinh thần mẫn tuệ, minh tâm kiến tánh...

“Đạo gốc bởi là ở lòng chí thành, chí kính, chí chánh, chí chơn. Từ chỗ thành kính chánh chơn thâm nhập lâu ngày vào lòng, người tu hành sẽ trở nên kiến tánh.”¹⁵

CHÍ THÀNH CHÚNG ĐẮC KIM TIÊN

Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy:

*Đạo gốc bởi chí thành chí kính,
Có song tu tánh mạng lưỡng toàn,
Mới mong thoát khỏi thế gian,
Về nơi Cực Lạc chứng hàng Kim Tiên.¹⁶*

14. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 10-5 Đinh Tỵ (25-6-1977).

15. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-01 Đinh Tỵ (27-02-1977).

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 19-8 Tân Hợi (07-10-1971).

LÊ hoát thường dùng tiếp điển thanh,
 VĂN minh đạo đức tiến đường lành,
 TRUNG thành một dạ lo cơ Đạo,
 PHÁP chánh, chơn truyền cử thực hành.
 LINH ứng tại tâm tin tưởng trọn,
 KIM thân kết được đạo đơn thành,
 TIÊN bang nhàn lạc đầu yên dạ,
Giáng xuống cõi trần độ chúng sanh.¹⁷
 NGUYỄN tộc tiền căn phước thiện duyên,
 NGỌC châu minh chiếu lúc tham thiền,
 TƯƠNG đồng huynh đệ lo cơ Đạo,
 PHÁP luật Quy điều ấy Chánh truyền.
 QUANG điển chiếu soi lòng sở nguyện,
 KIM đơn huần được toại lời nguyện,
 TIÊN bang trở lại muôn thu hưởng,
Giáng bút tỏ lời để nhủ khuyên.¹⁸
 NGUYỄN gia truyền thống sự tu thân,
 BỒU bấu hiệp quy tinh khí thần,
 TÀI lực đầu qua căn đức trọn,
 PHÁP mẫu huyền diệu ráng chuyên cần.
 LỰC thiên rải khắp nơi trần thế,
 KIM cổ tuần huần máy tạo vẫn,
 TIÊN Phật Thánh Thần đồng xuống thế,

17. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, tr. 225.

18. Ibid.

Giáng trần thưởng phạt lý cân phân.¹⁹

ĐẠO thành nhờ giữ đúng chơn truyền,

ĐỨC tốt không làm sai bốn nguyên,

KIM thạch hằng gìn câu chánh niệm,

TIÊN²⁰ dài nay đặng tọa Kim Tiên.²¹

Những phẩm vị thiêng liêng cao trọng chứng đắc Kim Tiên vừa dẫn dụ đã minh định cụ thể về đường lối tu hành, về tâm pháp Đại Đạo, về lòng chí thành, chí kính của chư vị Tiền Khai, Tiền Bối đã đem lại kết quả mỹ mãn trong một kiếp tu mà được đắc thành.

LỜI KẾT

Trong suốt quá trình tu học hành đạo kể từ lúc bắt đầu chấp chững bước vào cửa Đạo: Nhập môn giữ đạo, học đạo, hiểu đạo và hành đạo... tất cả môn đồ của đức Cao Đài đều có chung một trải nghiệm: Thuận lợi có, khó khăn có, vui có, buồn có, thử thách, khảo đảo trên đường lập công bồi đức, phụng sự nhân sanh thỉnh thoảng xảy ra.

Đó là những hiện tượng, những hoàn cảnh, những trạng thái ở cõi nhị nguyên. Ai không vượt qua được tức bán đồ nhi phế (bỏ đạo nửa chừng).

Vì vậy, khi đã nắm bắt và biết được quy luật của cuộc đời: Thành bại hưng vong, thịnh suy dĩ thời... chúng ta cứ thẳng

19. Ibid.

20. Thế danh Lê Văn Huân, là vị đệ tử đầu tiên được Đức Ngô Minh Chiêu chọn.

21. Đức Chí Tôn, Trước Tiễn Tàng Thơ (Thủ Thiêm), đàn ngày 15-5 Kỷ Mão (1939).

một đường mà tiến tới, giữ tâm chí thành bất thoái chuyển, đặt trọn lòng tin vào Đức Chí Tôn và tiền đồ Đại Đạo, vào sứ mạng của dân tộc được chọn.

Chúng ta sẽ đắc thành sở nguyện, không hoài công của Thầy Mẹ, các Đấng Thiêng Liêng, chư Tiên Khai, Tiên Bối trong toàn Đạo đã hộ trì đoàn người sứ mạng, trên đường hoàng dương chánh pháp, cứu độ chúng sanh trong thời mạt hạ.

Tin Thầy tưởng Đạo ráng bồi công,

Công quả công phu chờ thối lòng,

Lòng thật ý thành Thầy cứu độ,

Độ tai cứu nạn đến Hoa Long.²²

Thành Đạo do con trọn chí thành,

Ngăn ngừa tư dục ở tâm sanh,

Bụi trần chớ để mờ chơn tánh,

Ngôi vị Tiên cung Mẹ sẵn dành.²³

Đức Ngọc Lịch Nguyệt dạy:

“Giá trị đạo đức Thiên phong hoặc ngôi vị Tiên Phật không phải chỉ dành riêng cho hàng đại chức sắc hoặc những người có địa vị quyền quý cao sang ở thế gian, mà những ngôi vị ấy vẫn dành cho những hàng đạo tâm có dày công chung thủy, trọn kính trọn thành dám đặt đời mình cho đạo lý, dám áp dụng đạo lý vào hầu hết mọi nếp sinh hoạt cho đời mình.”²⁴■

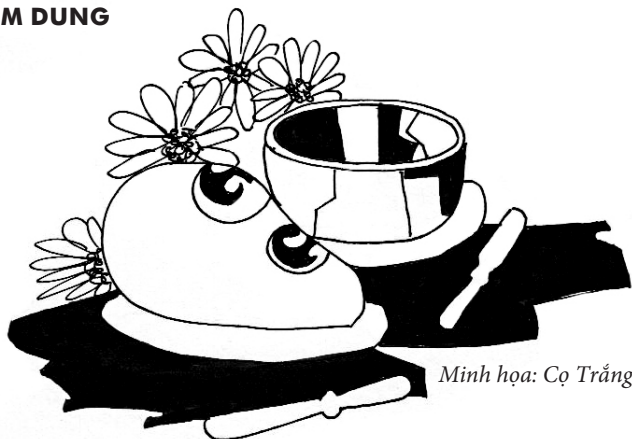
22. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 2, Thi văn dạy đạo, tr. 189.

23. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 15-8 Ất Tỵ (10-9-1965).

24. Minh Lý Thánh Hội, 23-11 Mậu Thân (11-01-1969).

TÌM HỌC ĐỨC NHÂN

■ GIÁO SĨ KIM DUNG



Minh họa: Cọ Trắng

Thánh xưa đã dạy “*Vi nhơn nan đắc*” nghĩa là rất khóặng làm người, nói rõ hơn: sanh ra được làm người là rất khó, phải trải qua muôn kiếp luân hồi trăm ngàn đau đớn đắng cay. Thánh giáo Cao Đài dạy: “*Thiên hạ tối linh*” là bởi con người có tánh linh hơn hẳn muôn loài khác nên biết phân biệt thiện ác, tốt xấu, do đó: “*Kiếp người là nấc thang gần nhất*”¹ để thăng tiến lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Đại Thừa Chơn Giáo viết: “*Chữ Nhơn (人) có ẩn cái cơ huyền bí đạo mầu, vì chữ nhơn phết một phết bên tả là chánh dương, bên hữu là chơn âm. Âm dương lộn lạo, bởi con người có động có tịnh, nửa trước nửa thanh.*”²

1. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 17-3 Kỷ Dậu (03-5-1969).
2. Đức Cao Đài Tiên Ông, đàn ngày 03-8 Bính Tý (1936).

Theo Nho Giáo ở Lễ Ký thì: “Con người là cái đức của Trời Đất, chỗ giao điểm của âm dương, nơi hội tụ của quỷ thần, cái tinh túy của Ngũ Hành.”

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy: “Người sanh ra bởi Đạo thì Đạo tức là người, thì người phải làm sáng cái Đạo, tức là người phải ra người để tự cứu cánh và ảnh hưởng đến vạn vật.”³

Người được xếp trong hàng Tam Tài đồng đẳng Thiên-Địa-Nhơn vì người có đủ điều kiện để sánh ngang cùng Trời Đất do đồng một bản tánh với Trời Đất. Nhưng muốn tiến hóa ngang bằng Trời Đất, con người phải rèn luyện, không ngừng tu học và chấp nhận mọi thử thách đầy gian lao nơi cõi thế gian này. Các Đấng Giáo Chủ Tiền Nhân, các bậc siêu nhân đắc đạo là những tấm gương sáng rèn luyện này.

Kinh sách Thánh Hiền đã để lại những lời khuyến thiện dạy con người sống đúng Đạo làm người. Làm người chính danh khó ở chỗ đó. Đức Mẹ dạy:

Đạo lý vốn là đèn đêm tối

Đức Nhân là nguồn cội vi nhân

Là Tiên, Phật, là Thánh, Thần

*Là giếng trị quốc, an dân thái bình.*⁴

Đức Mẹ dạy đạo lý là nguồn sáng để noi theo. Nguồn gốc để làm người, cả Thánh Thần Tiên Phật nữa, là đức Nhân. Trước hết là Đạo lý:

- Đạo lý bao trùm cả vũ trụ thiên không

3. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý (20-6-1972).

4. Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, 04-01 Ất Tý (05-02-1965).

- Đạo lý ẩn tàng trong muôn loài vạn vật
- Đạo lý là ánh sáng, là mục tiêu cho muôn loài nhắm đến
- Đạo lý là căn bản cho muôn vật noi theo để sống còn và đạt mục đích.

Nhưng Đạo lý thì vô cùng vô tận, bao la rộng khắp, lại cũng tế nhị, mầu nhiệm, do đó con người khó nắm bắt được, nên Đức Mẹ cũng đã chỉ cho con người đạo lý để con người lấy đó làm căn bản để tròn bổn phận làm người, đó là đức Nhân.

Cụ thể hơn, con người noi theo Đạo lý, học hỏi rèn luyện cho con người thật con người tức là tròn bổn phận Đạo làm người, là đức Nhân.

Vậy đức Nhân là gì? Vi Nhân là gì? Và tại sao đức Nhân là nguồn cội vi nhân?

Đức Mẹ dạy:

Cõi hậu thiên thân sanh vào đó

Điểm Tiên Thiên sẵn có nơi thân

Là mầm sống, là nguơn thần

Là Trời, là Đạo, là Nhân của người.⁵

Như vậy đức Nhân là Trời, là Đạo, là mầm sống, là nguơn thần. Chữ Nhân 仁 gồm có bộ nhân (人) và bộ nhị (二) hợp lại có nghĩa là cái thể và cái đức chung của mọi người đều có với nhau như một⁶, cũng có thể hiểu:

仁 Hai người có tình thương với nhau là tình người

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi.

6. Trần Trọng Kim, Nho Giáo, Quyển Thượng, Trung tâm học liệu xuất bản, 1971, Trang 44.

仁 Trừu ban cho tính người ai cũng như nhau (Thượng Đế tính)

仁 Con người ở cõi nhĩ nguyên, lấy tình thương làm nền tảng để cư xử cho xứng đáng làm người. (Đức Nhân)

Sách Trung Dung có câu: “Nhân giả nhân dã” nghĩa là: gọi bằng đức Nhân đó chỉ lòng tốt của con người mà chính là cái chân lý để làm người vậy.

Hễ người đã bắt nhân (không có lòng nhân), tất là không phải người; người với cảm thú chỉ khác nhau ở có đức Nhân hay không mà thôi. Nhân là lòng thương người, lòng nhân ái, tình thương rộng khắp cả người, vật.

Lòng thương người do đâu mà có? Đức Thượng Đế dạy:

Thầy là Cha cả của sự thương yêu.

Sự thương yêu là cơ thể của Thầy.

Các con là cơ thể của sự thương yêu.

Con người có hai phần: tinh thần và thể xác. Mà hễ có tinh thần tức nhiên có tình cảm. Có tình cảm sẽ có thất tình lục dục. Trong lẽ ấy phải tìm học thể nào để thấy và cân được thấp cao hay sáng suốt, mê muội.

Mỗi con người là một tế bào thương yêu của khối thương yêu vĩ đại Thượng Đế. Con người xuống thế gian mang theo vốn tư hữu Thượng Đế phát ban là tình thương, con người phải dụng cái có sẵn là lòng nhân ái để làm căn bản (vì đó là Trời, là Đạo) thực hiện Đạo làm người.

Đức Lê Đại Tiên dạy thêm: “Bằng nhìn vào bốn phận một tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một đứa con thương yêu quý mến của Thượng Đế Chí Tôn, lại càng phải cần nghĩ đến lòng nhân ái trước nhất.

- Lòng nhân ái có thể làm phương linh được chế ngự tất cả những dục vọng muốn bộc phát nơi thân tâm của con người.

- Lòng nhân ái sẽ phát hiện như một bản đồ cho người nhìn theo phương hướng ấy về đến Bạch Ngọc Kinh.

- Phải chăng nhân ái tức là thương yêu. Hễ thương yêu thì mọi việc đều khoan dung, tha thứ.”⁷

Đức Lê Đại Tiên nhấn mạnh: “Nhưng nếu tìm rõ nghĩa hai chữ Nhân Ái, tất sẽ thấy lời nói của Lão là đúng với sự thật.”⁸

Do đó bài thương yêu là bài học chính khóa kỳ Hạ Ngươn, cũng là đề thi để làm bài thi cuối khóa kỳ Đại Hội Long Hoa tuyển chọn hiền nhân đời Thánh Đức.

Nơi con người, tình thương phát xuất nơi Tâm: Tâm là cái nhà của Nhân, Nhân là chủ trong Tâm, cho nên đem cái tâm này mà dọn dẹp cho sạch sẽ thì liền nghe ngươn khí phục hồi, chơn thân khỏe khoắn.

Mức độ nào?

Tình thương có mức độ tùy theo tâm con người rộng, hẹp, ít nhiều cao thấp khác nhau. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Thương thân mình, thương gia thê tôn tử, dung lượng tình thương đó như dung lượng nước ở dấu chân trâu.

Còn tình thương quốc gia, dân tộc, dung lượng bằng dung lượng vũng nước ao hồ.

Còn tình thương nhân loại như nước chốn đại dương.”⁹

7. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 09-5 Đinh Mùi (16-6-1967).

8. Ibid.

9. Huần Cung Đàn, 15-5 Ất Tỵ (13-6-1965).

Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

“Thánh Tâm như nước trũng dương, mệnh mỏng tiếp nối. Lòng vị kỷ như nước ở trong ly hoặc ao hồ, sớm muộn rồi cũng phải khô đi theo thời gian dương nhiên là vậy.”¹⁰

Đức Lê Đại Tiên diễn tả thêm:

“Một ly nước, một biển rộng. Nước là thể chất của sự thương yêu. Mặt nước trong ly được thăng bằng vì diện tích nó hẹp. Mặt nước biển thường bị xao động vì mặt biển rộng lớn bao la. Nên lòng nhân đối với cá nhân, đối với gia đình rất là dễ. Nhưng với nước non, nhân loại thì phải chịu bao nhiêu sự bão tố của dục vọng phạm tâm thử thách. Chính hai hoàn cảnh này là chỗ thành công của các bậc Tiên nhân.”¹¹

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, tiêu ngữ: Công bình, Bác ái, Từ bi được đề cao. Đó là tôn chỉ, đường lối của người tín đồ Cao Đài noi theo. Tôn chỉ này nói lên từng cấp độ tình thương:

• **CÔNG BÌNH:** Thương người như thương mình.

Đức Mẹ dạy:

“Chính sự chay lạt của các con đã gắn liền với hai chữ công bình, vì không thể ngon miệng với cao lương mỹ vị trên cái đau khổ chết chóc của loài khác. Mình muốn Trời, Phật, Thánh, Thần hộ độ, khoan dung, dịu dặt mình tai qua nạn khỏi, sớm ngộ Đạo, thì mình cũng phải hộ độ, dịu dặt những kẻ khác và khoan dung, công bình với kẻ khác. Dầu kẻ đó là người nghịch, cũng phải tạo cho được lòng thương đối với họ. Chính trong chữ

10. Nam Thành Thánh thất, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968).

11. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 09-5 Đinh Mùi (16-6-1967).

*tự tu, tự cứu, các con phải làm được những điều sơ đẳng đó rồi mới nói những việc khác.*¹²

• **BÁC ÁI:** Thương người hơn thương mình, thương rộng khắp, xót thương tất cả, chẳng những nhưn loài mà thương luôn đến loài thú cầm bò bay máy cựa, cả thảo mộc.

Đức Mẹ dạy: *“Bác ái là xót thương tất cả, chẳng những nhưn loài, mà thương luôn đến loài thú cầm thảo mộc, bò bay máy cựa. Tha thứ những kẻ có lỗi với mình để cảm hóa họ lại gần với mình, hầu hướng dẫn họ lần vào đường tu hành chánh đạo.”*¹³

• **TỪ BI:** Quên mình vì người, ban vui cứu khổ, bất nhẫn thương tâm trước những đau khổ của kẻ khác.

Đức Mẹ dạy: *“Từ bi là mình phải bất nhẫn, thương tâm trước những sự đau khổ nhục nhã của kẻ khác. Cốt làm sao giác ngộ và tạo mọi hoàn cảnh để giúp kẻ khổ sớm thoát ra vòng tội lỗi đen tối.”*¹⁴

Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

Đem thân vào cảnh tu trì,

*Vị tha, bác ái, từ bi điểm đầu.*¹⁵

Hai chữ Công Bình phải được hiểu sâu sắc ý nghĩa, bởi đó là nền tảng, con người có rèn luyện thuần thực thì mới bước lên nấc cao hơn. Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

“Việc gì trước khi muốn nói hoặc làm cho ai, nên đặt mình

12. Huần Cung Đàn, 29-8 Ất Tỵ (24-9-1965).

13. Ibid.

14. Ibid.

15. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Mậu Thân (08-8-1968).

trong hoàn cảnh người ấy để xem mình có chịu được những đối xử như vậy hay không? Nếu được thì làm, không được thì đừng. (...) Đó là Đạo lý thông thường bậc trung cấp. (...) Làm được bậc trung cấp là đã được 2/3 đoạn đường tu hành tạo Tiên tác Phật rồi đó.”¹⁶

Cùng ý nghĩa, Thầy Tăng Sâm (cao đồ của Thánh Khổng) giải thích cho các bạn đồng môn rằng:

“Phu Tử chi Đạo, Trung Thứ nhi dĩ hỷ.”

(Đạo của Thầy ta nói vẫn tất chỉ có Trung Thứ mà thôi.)

Chữ Trung, chữ Thứ xem mặt chữ vẫn không phải là Nhân. Nhưng tinh thần ý nghĩa hai chữ ấy thật là lòng Nhân.

TRUNG (忠): Trên là chữ Trung 中 (ở giữa), dưới là chữ Tâm 心 (dốc lòng, hết bốn phần của mình) nghĩa là nhất thiết, xử việc, tiếp người, đều phải phải phát xuất từ sự ngay thẳng của lòng mình, tức là lòng trung chánh (là thể của Nhân)

THỨ (恕): Trên là chữ Như (bằng, cùng) 如, dưới là chữ Tâm 心 nghĩa là nhất thiết, ứng phó với người, tất thấy xem người như mình.

Suy ở trong lòng mình mà đo lường đến lòng người, thời biết lòng người cũng như lòng mình mà đối đãi bằng lòng bình đẳng với người. Đó là cái dụng của chữ Nhân.

Người đủ cả Trung Thứ thời đức Nhân mới hoàn toàn thực hiện được.

Tử Cống cũng là bậc học trò giỏi ở Khổng môn. Ngài nghĩ rằng học Đạo với Đức Khổng Tử chỉ cốt làm nên trọn vẹn một

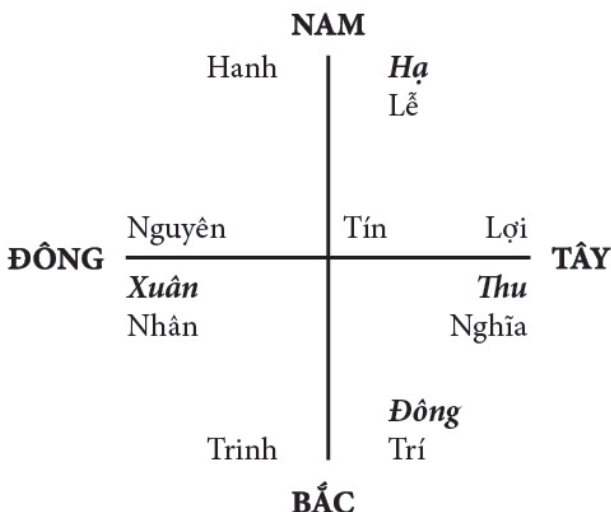
16. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu (03-3-1969).

con người quân tử. Nhưng Đạo lý thì quá rộng lớn bao hàm tất cả muôn loài vạn vật, muốn tóm tắt vào một điều gì mà có thể trọn một đời người làm điều ấy suốt (một chữ thôi). Đức Khổng Tử bảo cho Ngài rằng:

Chỉ có chữ Thứ đó mà thôi. Hễ làm gì, nói một lời gì mà quan hệ cả người với mình tất phải lấy trong lòng mình mà suy đến lòng người, cái gì mà lòng mình đã không muốn thời đừng đem cái ấy đối đãi với người khác (*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*).

Thứ tuy chưa hẳn là Nhân nhưng chính là Nhân rồi. Đức Khổng Tử dạy chữ Thứ có ý khiến Tử Cống nhắc lên một tí thời đến chữ Nhân. Ngài Tử Cống nghe lời ấy tận lực thi hành. Đây là cái Đạo làm người dễ hiểu, dễ nhớ, cố gắng sẽ thi hành đạt đến.

Tìm học chữ Nhân theo thập tự nhai – Hà Đồ (Kinh Dịch)



Đạo Kiến ䷋ có 4 đức lớn là: Nguyên–Hanh–Lợi–Trinh

• **ĐỨC NGUYÊN:** Đứng đầu trong bốn đức, là mùa Xuân, vạn vật sanh sôi nảy nở. Theo đạo Người là Đức Nhân. Nhân là cội rễ của lòng người. Bởi Đạo Trời sinh sinh bất cùng tận. Người theo đó mà hành động đúng với Đạo Trời, ngày ngày siêng chăm nuôi dưỡng cái lòng lạc thiện, cái chí thanh cao giải thoát để đạt đến lẽ mẫu nhiệm của Tạo Hóa. *“Thiện chi trường dã.”*

Nói về nguồn đầu nơi xuất phát muôn vật là Đại Đạo. Đức Chí Tôn dạy: *“Đại Đạo là bến khởi nguyên của các con, cũng như xuân là đức Nguyên của vạn vật. Kia con, còn trùng, thảo mộc đều thâm tàng ẩn nấp từ tiết Đông Thiên chờ đợi đủ tam dương mà sanh sôi vùng dậy.”*

Còn các con, Thầy đã ban cho mỗi đứa một mùa xuân bất tận tự khởi nguyên. (...)

Từ bến khởi nguyên, con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường: Một đem Đại Đạo lập đời, hai trở về với Đại Đạo.”¹⁷

Con người được sinh ra từ Trời, lấy đức Nhân làm gốc (tu sửa bản thân), đem đức Nhân lập đời nơi cõi hữu hình, rồi dụng đức Nhân để trở về (tức là tu thành Thánh Thần Tiên Phật). Chính vì thế trong sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Cao Đài dặn dò: *“Các con thừa hành sứ mạng của Thầy, mang tất cả lời Thầy dạy với tình thương yêu nhân loại, với đức Háo Sanh để đem đi. Các con đi để thực hành, thực hành lý thuyết Cao Đài Đại Đạo...”¹⁸*

17. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–12 quý Sửu (22–01–1974).

18. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29–12 Bính Ngọ (08–02–1967).

• **ĐỨC HANH** (Đức Nhân kết hợp với đức Lễ): Tượng trưng trong bốn mùa là mùa Hạ. Tượng trưng người là đức Lễ.

Thầy Nhan Hối, học trò cao nhất trong Khổng Môn. Ông thường học chữ Nhân với Đức Khổng, được Đức Khổng Tử dạy rằng:

“Trừng trị hết cái bệnh tư dục của mình là khắc kỷ. Hồi phục lại cái chân lý của Trời là phục lễ. Đó là Nhân.” (Khắc kỷ phục lễ vi nhân.)

Ngài nói thêm rằng: Hễ khắc được kỷ, phục được lễ là lòng nhân đã hoàn toàn. Đức Nhân nơi mình thịnh vượng, thời ảnh hưởng đến tha nhân, cảm hóa thiên hạ quy về.

• **ĐỨC LỢI** (Đức Nhân kết hợp với đức Nghĩa): Tượng trưng cho thời là mùa Thu, ứng với người là đức Nghĩa.

Nhân là tình thương rộng rãi người và vật. Nhưng để tránh tình thương bị lệch chỗ bất minh, thiên vị thì còn phải biết “nghĩa” để khắc kỷ dục vọng, phân biệt trái phải. Cho nên Thầy Mạnh Tử nói: *“Không có nghĩa không thực hành nhân được.”* Bởi vì Nhân là nhân tâm (Đức trong lòng người), Nghĩa là nhân lộ (đường phải đi, việc phải làm) đúng với lẽ phải. Hai chữ nhân nghĩa không thể rời nhau, nên người xưa gọi: Đạo là “Nhân Nghĩa” mà thôi.

Phật Tiên vốn căn nguyên người tục

Thánh Thần đều phát xuất trần gian

Có thân, thân phải vẹn toàn

Vẹn bề nhơn nghĩa, vẹn đàng vi nhân.¹⁹

19. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiển Điện, 02-01 Bính Ngũ (22-01-1966).

• **ĐỨC TRINH:** Ứng với thời là mùa Đông, ứng với đạo Người là Đức Trí.

Người Nhân phải có trí thực hành với dũng khí. Thầy Tế Ngã có hỏi Thầy Khổng Tử:

“Hễ mình đã là người Nhân, nghe có người té giếng, mình cũng nhảy theo vớt lên chẳng? Thấy sợ rằng người Nhân tất phải thương người nhưng e có khi hại đến thân thì sao? Vậy làm người Nhân chẳng là nguy hiểm lắm sao?”

Đức Khổng Tử dạy: *“Đâu phải trung thành với Đức Nhân đến độ chết như anh nói hay sao? Người quân tử thấy người hoạn nạn cần nghĩ ra phương pháp mà hành động, để cứu người, không thể tự gieo mình mà chết theo người.*

Phải đứng trên giếng mà tìm cách khôn khéo cứu người. Nếu nhảy theo người thì mình cũng chết luôn làm sao cứu người được. Nhân giả đâu mà ngu như thế?”

Như vậy, theo Đức Khổng Tử, người có đức Nhân là người hiền lành, thương người yêu vật, là người nghĩa khí, thấy việc phải là làm, không ngần ngại khó khăn nguy hiểm, là người có dũng khí, nhưng trước đó là suy xét tìm phương pháp thực hiện cho nhanh gọi là Trí. Đường lối làm quân tử có ba điều lớn:

- Có đức Nhân, chẳng việc gì lo buồn.
- Có đức Trí, chẳng việc gì mê lầm.
- Có đức Dũng, chẳng việc gì kinh sợ.

Cả bốn đức đều kết hợp với Đức Tín là sự chung thủy, bền bỉ, trước sau như một, thành Ngũ đức là bốn phạm cũng là cứu cánh của con người trên đường thực hiện sứ mạng vi nhân. Con người muốn tiến hóa lên hàng siêu xuất thế gian, phải

có và dụng đức Nhân để sống đời, sống đạo, nhỏ như sợi lông không thiếu sót, lớn như núi Thái Sơn cũng không thừa. (Đức Nhân bao trùm tất cả). Khi con người trọn Đạo làm người thì không chỉ có khả năng giúp nước non dân tộc, và cả nhân loại an bình mà còn được bước lên hàng Thần Thánh Tiên Phật như lời Đức Mẹ dạy: *“Là Tiên Phật là Thánh Thần, là giếng trị quốc an dân thái bình.”*²⁰

TẠM KẾT

Tóm lại: Làm người rất khó, tròn đạo làm người còn khó hơn, muốn trở nên người đạo đức chính danh, con người cho thiết con người phải trau dồi đức Nhân. Vì đức Nhân là Đạo, là nguồn đầu (ngũ đức) để phát huy đức hạnh nghĩa là nguồn cội để làm người là chất liệu để thực hiện sứ mạng thế Thiên hành hóa, cũng là kết quả để trở về ngôi vị thiêng liêng hằng sống. Thế nên Đức Chí Tôn có dặn dò: *“Thầy chỉ một lòng mơ ước các con biết thương yêu nhau trong Thánh Đức của Thầy. (...) Mọi sự khó khăn Thầy gánh vác, chỉ cậy các con thương yêu gắng công độ rồi.”*²¹

Những ai đã đặt trọn lòng tin nơi Thượng Đế thì phải thương yêu nhau, bởi vì đó chính là lễ phẩm cao quý để hiến dâng Đức Từ Phụ như lời Thầy dạy: *“Thương nhau tặng vật hiến dâng Thầy.”*²² ■

20. SDD.

21. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 27-10-1927.

22. Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

VẠN GIÁO ĐỒNG NGUYÊN VÀ QUY NGUYÊN

■ ĐIỀU NGUYÊN

Hàng năm, vào ngày 23-8 âm lịch, Nam Thành Thánh thất đều trân trọng tổ chức lễ kỷ niệm ngày Khai Tịch đạo Cao Đài, là ngày mà chư Tiên Khai và Tiên bối đạo Cao Đài đã họp mặt soạn thảo tờ Khai Đạo vào ngày 23-8 Bính Dần 1926 gửi đến nhà cầm quyền Đông Dương lúc bấy giờ để chính thức công khai hóa hoạt động truyền giáo của nền tôn giáo Cao Đài – một nền tôn giáo do chính Đức Thượng Đế sáng lập với danh xưng đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Xưa nay, có không ít người ngộ nhận cho rằng đạo Cao Đài tự tôn khi tự xưng là Đại Đạo, bởi lẽ phần đông đều hiểu hai chữ Đại Đạo theo nghĩa là “mối đạo lớn”. Thật ra, chữ Đạo nơi đây không có nghĩa là “tôn giáo” hay “mối đạo” mà “Đạo” là từ Hán Việt, có nghĩa là “con đường”. Đại Đạo là con đường lớn mà Thượng Đế đã mở ra để đưa nhân loại trở về cùng Thượng Đế. Trên con đường lớn ấy, tất cả các tôn giáo chơn chánh đều là những phương tiện giúp đưa con người từ cõi vô thường trở về cõi hằng thường vô sanh bất diệt.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vì thế có nghĩa là kỳ phổ độ thứ ba của Đại Đạo hay của Đức Thượng Đế. Danh xưng này nói lên sứ quan của đạo Cao Đài, đó là lịch sử cứu độ của Đại Đạo đã trải qua 3 thời kỳ:

Nhứt kỳ Phổ độ (kỳ cứu độ thứ nhất của Đại Đạo): Bắt đầu từ thời thượng cổ đến khoảng nửa đầu thế kỷ thứ 7 trước Công Nguyên với sự ra đời của Bà La Môn giáo, Do Thái giáo...

Nhị kỳ Phổ độ (kỳ cứu độ thứ hai của Đại Đạo): Bắt đầu từ nửa sau thế kỷ thứ 7 trước Công Nguyên cho tới nửa đầu thế kỷ 19 với sự ra đời của Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Islam giáo, v.v.

Tam kỳ Phổ độ (kỳ cứu độ thứ ba của Đại Đạo): Bắt đầu từ hậu bán thế kỷ 19 về sau với sự kiện chính Đức Thượng Đế giáng diễn khai mở đạo Cao Đài tại Việt Nam. Ngài đã cho biết “Vạn giáo đồng nguyên”, nghĩa là tất cả các tôn giáo trên thế gian đều có cùng một nguồn gốc, qua các lời dạy của Ngài như sau:

*Khi xưng Giáo chủ Cao Đài,
Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà.
Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,
Bao lần Khổng Mạnh cũng Già này đây.¹
Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,
Thái Thượng Nguơn Thi thị Ngã,
Kim viết Cao Đài.²*

Vậy, một câu hỏi được đặt ra. Trải qua các thời kỳ cứu độ, Đức Thượng Đế đã khai mở nhiều nền tôn giáo trên khắp thế gian, nay lại khai mở thêm tôn giáo Cao Đài. Phải chăng đây là tôn giáo thứ

1. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965).

2. Đức Cao Đài Tiên Ông, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đàn tại Vĩnh Nguyên Tự, 07-4-1926. Dịch nghĩa: Nhiên Đăng Cổ Phật là Ta, Thích Ca Mâu Ni là Ta, Thái Thượng Nguơn Thi là Ta, Nay gọi là Cao Đài.

một ngàn lẻ một như bao nhiêu tôn giáo khác? Việc làm này có thừa chẳng khi trên thế gian đã có quá nhiều tôn giáo rồi? Trả lời cho câu hỏi này, thuở mới khai đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế dạy:

“Vốn từ trước Thấy lập Ngũ Chi Đại Đạo là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo, tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây chánh giáo, là vì khi trước càn vô đắc khán, khôn vô đắc duyệt,³ thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi. (Thuở xưa, nền văn minh khoa học của nhân loại chưa phát triển, các quốc gia còn sống riêng rẽ, tách biệt. Đức Thượng Đế khai mở các nền tôn giáo tùy theo phong tục tập quán của mỗi dân tộc và người tôn giáo chỉ hoạt động trong địa phương mình mà thôi.)

Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, càn khôn dĩ tận thức,⁴ thì lại bị phần nhiều đạo ấy⁵ mà nhơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thấy mới nhứt định quy nguyên phục nhứt.”⁶

Thật vậy, nhìn lại lịch sử tôn giáo của nhân loại. Đã có biết bao cuộc chiến tranh tôn giáo đẫm máu xảy ra vì tinh thần độc tôn tôn giáo, cho rằng chỉ có tôn giáo mình là chánh đạo còn các tôn giáo khác đều là ngoại đạo. Đức Thượng Đế khai mở các tôn giáo là để cứu độ chúng sinh, mang lại hạnh phúc cho con người, thế nhưng người thực hành tôn giáo đã từng đi ngược lại mục đích ấy và mang lại cho con người nhiều nước mắt, đau thương và chết

3. Càn vô đắc khán, khôn vô đắc duyệt: Con người chưa khám phá, tìm hiểu (khán, duyệt) được vũ trụ, thế giới (càn khôn).

4. Càn khôn dĩ tận thức: Con người đã hiểu biết rõ vũ trụ, thế giới. (Ngày nay, văn minh khoa học phát triển, con người ngồi một chỗ mà biết được hết mọi chuyện trên thế giới.)

5. Bị phần nhiều đạo ấy: Bởi vì tình trạng có nhiều đạo như thế ấy.

6. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, đàn ngày 13-3 Bính Dần (24-4-1926).

chóc. Và mãi cho đến ngày nay, những cuộc tàn sát đẫm máu vẫn còn tiếp diễn vì những bất đồng tín ngưỡng tôn giáo. Đó là lý do khiến Đức Thượng Đế phải lập nên một nền tôn giáo mang tinh thần “Vạn giáo đồng nguyên và quy nguyên” hay cũng gọi là tinh thần “Đại Đạo”, tinh thần “Liên tôn hòa đồng vạn giáo” để kêu gọi các tôn giáo cùng kết hợp với nhau thành một thực thể đạo cứu thế. Đức Thánh Trần Hưng Đạo đã giải thích rõ ý nghĩa của việc lập thành một nền tôn giáo qua lời dạy sau đây:

*“Vì tranh chấp, vì dị đồng, vì lý tưởng xung đột, vì tín ngưỡng chia rẽ, vì quyền lợi đảng phái nên đảng phái cạnh tranh mà nền đạo mới phải ra đời. Ra đời để đem lại sự đồng nhất cho loài người, làm cho chấm dứt những tình trạng thù ghét rẽ riêng, thì sự lập thành một tôn giáo mới là có ý nghĩa.”*⁷

Thế nên, tôn giáo Cao Đài được Đức Thượng Đế khai mở không chỉ đơn thuần nhằm kêu gọi con người làm lành lánh dữ, gây tạo phước đức mà điểm chính yếu của sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là kêu tỏ lý đồng nguyên và quy nguyên của vạn giáo, để các tôn giáo cùng nhìn nhận có chung một nguồn gốc Đại Đạo hầu từ bỏ mọi tranh chấp, đố kỵ, đả kích, thậm chí sát hại lẫn nhau do khác biệt về hình tượng tôn giáo, để rồi các tôn giáo cùng kết hợp thành một thực thể đạo cứu thế, hiệp tâm chung sức cùng nhau phụng sự nhân loại, phụng sự cơ tiến hóa của đất trời.

Ngày nay, con người trên thế giới ngày càng xích lại gần nhau. Nhờ vào những phương tiện giao thông hiện đại và sự phát triển

7. Minh Lý Chơn Giải. Lời nói đầu.

không ngừng của các phương tiện truyền thanh truyền hình và mạng lưới thông tin quốc tế (Internet), con người đã có thể liên lạc tiếp xúc với nhau trong nháy mắt dù ở cách xa cả nửa vòng trái đất. Điều này đã góp phần đưa các nền tư tưởng gần lại, giao thoa với nhau. Con người của thời đại ngày nay không còn như ngày xưa vốn chỉ sống cô lập với một nền văn minh bản địa. Ông P.T. Raju, nguyên Trưởng khoa Triết Viện Đại Học Rajasthan, phát biểu: “Ngày nay chúng ta sống trong một thế giới, chứ không phải chỉ trong một quốc gia hay một nền văn minh, và chúng ta cần hiểu chính ta như là các công dân của thế giới.”

Theo ông Archie J. Bahm, giáo sư môn Triết và Tôn giáo đối chiếu tại Viện Đại Học New Mexico, sống trong thời đại toàn cầu con người cần có tôn giáo khác hơn thời trước, phù hợp với đà văn minh khoa học hiện đại của thế giới. Trong quyển sách “The World’s Living Religions” (“Các Tôn Giáo Hiện Sinh Trên Thế Giới”) xuất bản năm 1964 tại New York, giáo sư Archie J. Bahm còn phát biểu thêm: “(...) các tôn giáo trên thế giới sẽ có xu thế hướng về một nền tôn giáo toàn cầu.” “(...) Tuy nhiên nhân loại đang thiếu một nền tôn giáo toàn cầu theo ý nghĩa rằng thực chất nền tôn giáo đó là nền đạo duy nhất và theo ý nghĩa rằng tôn giáo đó vượt lên hẳn các tôn giáo khác chỉ vì bản thân tôn giáo đó chứa đựng tinh hoa của tất cả các tôn giáo khác.”

Nền tôn giáo toàn cầu mà giáo sư Archie J. Bahm đề cập đến, phải chăng chính là thực thể đạo cứu thế được kết hợp bởi vạn giáo trong tinh thần Đại Đạo, tinh thần Liên tôn hòa đồng tôn giáo? Và để tiến đến việc xây dựng một nền tôn giáo toàn cầu, giáo lý Cao Đài đã kêu gọi con người tôn giáo hãy

“ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng,”⁸, “vượt ra đại dương trời nước bao la, chắp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất.”⁹

Nền đạo Cao Đài do Đức Thượng Đế khai mở trong thời kỳ này vì vậy có một đặc sắc riêng là tinh thần dung hòa và tổng hợp tư tưởng Đông Tây kim cổ. Người tín hữu Cao Đài vào chùa thì lạy Phật, đến nhà thờ thì kính Chúa, vào Thánh đường các tôn giáo bạn thì tôn kính các bậc Giáo Tổ bằng tất cả tấm lòng chân thành ngưỡng mộ và yêu kính. Tất cả những việc ấy, người tín hữu Cao Đài làm một cách hết sức tự nhiên, không một chút ngăn ngại, dường như tinh thần hòa đồng tôn giáo đã được thấm nhuần vào trong từng huyết quản.

Huynh tỷ đệ muội chúng ta rất đổi vui mừng khi gần đây tinh thần liên tôn hòa đồng vạn giáo đã được Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn Tổng Giáo phận TP. HCM đẩy mạnh kể từ khi tinh thần này được Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII khởi xướng từ Công Đồng Vatican II.

Nếu như giáo lý Cao Đài kêu gọi con người tôn giáo hãy “ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng,” “vượt ra đại dương trời nước bao la, chắp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất.” thì Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã kêu gọi người Ki Tô hữu hãy “phá sập các bức tường ngăn cách...”, “mở tung những cánh cửa sổ... và cho chút không khí trong lành lọt vào.”

8. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Nam Thành TT, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

9. Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

Công Đồng Vatican II nhìn nhận: Có nhiều cách đưa tới cứu độ và tất cả các tôn giáo nên được quyền bình đẳng. Các Ki Tô hữu phải cùng với những người khác truy tầm chân lý.¹⁰

Chân lý chỉ có Một nhưng được giáo lý các tôn giáo diễn giải bằng nhiều cách khác nhau, ngôn từ khác nhau. Thế nên giáo lý Cao Đài dạy: Vạn giáo đồng nhứt lý. Xin được nêu ra đây một vài ví dụ điển hình:

Các tôn giáo phương Đông thường dạy tín đồ hãy biết làm âm chất. Âm chất cũng gọi là âm công, âm đức và có nghĩa là: Làm việc lành, việc thiện không phô trương (tuy che giấu người đời nhưng Trời Phật, Thánh Thần đều biết).

Tương tự như vậy, Chúa Giêsu dạy làm âm chất như sau:

– Khi làm việc lành phúc đức, anh em phải coi chừng, chớ có phô trương cho thiên hạ thấy. Bằng không, anh em sẽ chẳng được Cha của anh em, Đấng ngự trên trời, ban thưởng. (MATTHÊU 6:1)

– Còn anh, khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, để việc anh bố thí được kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả công cho anh. (MATTHÊU 6:3-4)

Trong Luận Ngữ (thiên 18, câu 6), Đức Khổng Tử (tức Khổng Khâu) dạy:

“Nếu thiên hạ có đạo lý thì Khâu này cần gì phải sửa đổi nữa.”

Tương tự, Phúc Âm (Matthêu 9:12-13) chép lời Đức Chúa dạy:

“Người khỏe mạnh không cần thấy thuốc, người đau ốm mới

10. There are many ways to salvation and that all religions should have equal rights... Christians must search with others to find the truth.
<http://www.catholicapologetics.info/modernproblems/vatican2/renew2.html>

cần. (...) Ta không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi.”

Tại thánh thất Từ Quang (Quảng Nam), ngày 18-02-1948, Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch dạy:

*Có sông mới đóng ra thuyền,
Có người tội lỗi mới truyền pháp tu.*

Tại Hội Thánh Minh Chơn Đạo, ngày 26-8-1969, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng dạy chân lý như thế:

“Các con ơi! Nếu thế gian này là cõi toàn thiện thì Thầy không đến đây mở Đạo làm gì.

Các con thử nghĩ: Nếu nhơn sanh không bị thiên tai hạn hán, bão lụt chiến tranh tàn phá, hỏa hoạn thiêu đốt, thì họ đâu cần chi tới đoàn người cứu trợ ủy lạo. Nếu nhơn sanh không đau ốm bệnh tật thì họ đâu cần gì đến đoàn bác sĩ lương y.

Nếu nhơn sanh học giỏi, văn hay chữ tốt thì họ đâu cần gì đến đoàn người giáo dục mở lớp khai trường.

Nếu nhơn sanh thuần chơn đạo đức, không đi trong hố sâu tội lỗi, khổ sở tinh thần thì họ đâu cần gì đến đoàn người hướng đạo đem giáo lý đến cho họ.”

Ngày 28-10-2015, giáo hội Thiên Chúa giáo kỷ niệm kim khánh (50 năm) ngày Đức Giáo Hoàng Phaolô VI công bố bản Tuyên ngôn về quan hệ của Giáo hội với các tôn giáo không phải Kitô giáo. Bản Tuyên ngôn có nhan đề tiếng La tinh là *Nostra Aetate*, có nghĩa là “Trong thời đại chúng ta”.

Hiểu qua lăng kính Cao Đài thì “Thời đại của chúng ta” chính là kỷ nguyên hòa hợp giữa các tôn giáo trong tinh thần Đại Đạo, tinh thần Vạn giáo đồng nguyên và quy nguyên, từ bỏ

mọi chấp nê hình tướng tôn giáo bên ngoài để trở về với chơn lý, với điểm Đạo toàn bích bên trong, hằng hữu và bất biến.

Nhân kỷ niệm kim khánh bản Tuyên ngôn của giáo hội, Hội đồng Giám mục Đại kết và các Quan hệ Liên tôn của Úc châu đã viết:

“Năm nay đánh dấu kim khánh kỷ niệm *Nostra Aetate*, là Tuyên ngôn của Công đồng Vatican II về Quan hệ của Giáo hội với các Tôn giáo không phải Kitô giáo. Văn kiện này đã thay đổi thái độ của Giáo hội đối với tín hữu các tôn giáo khác. Lần đầu tiên trong lịch sử, Giáo hội đã nói một cách tích cực về các tôn giáo khác. Tuyên ngôn này được mọi người xem là một “bước ngoặt” trong các quan hệ giữa người Công giáo và tín hữu các tôn giáo khác. [Thánh] Giáo hoàng Gioan Phaolô II và Giáo hoàng Bênêdictô XVI đã gọi văn kiện này là Đại hiến chương (*Magna Carta*) về thái độ và cách tiếp cận của Giáo hội đối với các tôn giáo khác. Văn kiện này tiếp tục gây cảm hứng và hướng dẫn người Công giáo trong việc hình thành các quan hệ tương kính và hợp tác [với các tôn giáo khác].”

Ước mong sao, mô hình “Công đồng Vatican II” của giáo hội Thiên Chúa giáo sẽ được nhân rộng ra trong khắp giáo hội các tôn giáo trên hoàn cầu.

Một nghiên cứu sinh người Mỹ gốc Ba Lan đã từng đặt câu hỏi: Giáo lý các tôn giáo thường nói đến Ngày tận thế. Vậy, theo giáo lý Cao Đài, Ngày tận thế ấy khi nào sẽ xảy ra?

Trước khi nêu lên quan điểm của giáo lý Cao Đài về vấn đề này, xin được trích dẫn ra đây lời phát biểu của Đức Giáo Hoàng Phanxicô: “Tương lai của thế giới phụ thuộc liệu con

người có thể sống chung trong sự tôn trọng tính đa dạng của nhau hay không, chứ không phải tùy thuộc vào những cố gắng làm tắt hết tất cả những tiếng nói khác nhau về tôn giáo.”

Thật vậy, thế giới nhân loại có đi đến hố sâu tận diệt hay không, điều này hoàn toàn tùy thuộc vào con người.

Theo giáo lý Cao Đài, Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp thúc đẩy các tôn giáo kết thành một thực thể “Đạo cứu thế” trong tinh thần “Vạn giáo đồng nguyên và quy nguyên”, tinh thần Liên tôn hòa đồng vạn giáo. Nếu con người tôn giáo trên khắp hoàn cầu đều nhìn nhận rằng các tôn giáo có cùng một nguồn cội (đồng nguyên) và đã đến lúc phải cùng bắt tay nhau để trở về nguồn cội (quy nguyên), cùng bắt tay nhau để phụng sự cho nền hòa bình nhân loại, chấm dứt các cuộc xung đột tàn sát đẫm máu vì tranh chấp hình tượng bất đồng tôn giáo thì chắc chắn rằng thế giới này sẽ trở thành một thiên đàng thuần chánh, ngày tận thế sẽ không bao giờ đến với nhân loại.

Cuối cùng, xin được mượn bốn câu Thánh thi của Đức Chí Tôn Thượng Đế để làm định hướng cho công cuộc quy nguyên của vạn giáo vì một thế giới hòa bình và hạnh phúc:

*Gặp gỡ nhau trên dòng giáo lý,
Nhìn với nhau tôn chỉ Cao Đài,
Không còn chia biệt Đông Tây,
Không còn phái nọ, chi này, Phật, Tiên...*¹¹■

11. Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965).

MỤC VỤ LIÊN TÔN *và* Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI

■ LÝ TÂM THIÊN

1. KI-TÔ GIÁO, CHIA VÀ HIỆP

A. TÁN VẠN THÙ

Theo niên giám thống kê của Giáo Hội Công Giáo 1997, số người tin vào Chúa Ki-tô trên toàn thế giới là 1.994.754.000 người. Trong thành phần Ki-tô hữu này, có 1.005.254.000 Công Giáo, 989.500.000 tín hữu thuộc các giáo hội anh em như Chính Thống (khoảng 15 giáo hội đông phương), Tin Lành (Luthéranisme, Calvinisme, Méthodisme... cùng hàng trăm giáo hội khác) và Anh giáo.

Trở lại khởi nguyên Ki-tô giáo, với Chúa Giê-su và mười hai môn đồ đầu tiên tại Palestine năm xưa, dòng sông truyền giáo chảy qua hai mươi thế kỷ, đã gieo rải Tin Mừng cho gần 1/3 nhân loại. Nhưng, “Nhất bốn tán vạn thù” dường như cũng là quy luật tạo hóa, là cơ vận chuyển của Tạo Hóa. Đây là cách để Tình Thiên Chúa vượt qua những cách trở của sông núi, biên cương, vượt qua chiều dài khúc khuỷu thời gian, để đem Tin Mừng đến với đa dạng phong tục, văn hóa, và lòng người. Ta thử nhìn lại chuyến viễn du “tán vạn thù” này:

– Thế kỷ XI, sau một cuộc xung đột kéo dài giữa Constantinople (với đặc tính huyền nhiệm, chiêm niệm) và

Roma (đậm sắc thái pháp lý, chính trị). Từ đó, người ta phân biệt Giáo Hội Tây phương, với Đức Giáo hoàng, Giám mục Roma và bốn tòa giáo chủ Đông phương: Constantinople, Alexandrie, Antioche và Jérusalem.

– Thế kỷ XVI, là cuộc đại ly giáo với anh em Tin Lành.

– Cuộc chia tay với Anh giáo diễn ra năm 1534 mà tác nhân lịch sử là vua Henri VIII.

Linh mục Tâm Giao nhận định về sự phân chia này: “Gần 2 tỷ người cùng công nhận Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế, nhưng họ lại thường tranh luận với nhau về chính Người; Loan báo cùng một Tin Mừng, nhưng đôi khi lại chống báng lẫn nhau. Cùng tuyên xưng một kinh Tin Kính các Tông đồ, nhưng trong những đền thờ khác nhau. Cùng được thánh tẩy bởi một phép Rửa, nhưng lại đối kháng với những Giáo Hội khác mình...”¹

Sự phân hóa của Ki-tô giáo, cũng như sự phân chia chi phái trong Cao Đài, cũng là cuộc biến sanh, để một pháp chia biến thiên hình vạn trạng, rồi nhập cảnh tùy duyên mà luân chuyển. Nhưng phân hóa là cơ Trời, thì quy hợp cũng là Lý Đạo.

B. QUY NHẤT BỐN

Đầu thế kỷ XX. Như là Thiên ý, khi ở Việt Nam, Thượng Đế khai Cao Đài, thì không hẹn mà nên, ở phương tây, các tông đồ của Chúa Ki-tô giương cao ngọn cờ Đại Kết:

– 1921-1925, Linh mục Portal, Lord Halifax cùng Hồng y Mercier ngồi xuống bàn đàm nghị với Giáo Hội Anh giáo tại Melines (Bi).

1. Lược Sử Về Phong Trào Đại Kết, Linh mục Tâm Giao – Bảo Lộc.

– Năm 1925, Dom Lambert Beauduin thành lập tu viện Hiệp Nhất (Prieuré de l'Unité) ở Chevetogne, Bỉ.

– 1932, cha Couturier ở Pháp tổ chức tuần “Cầu Nguyện Cho Sự Hiệp Nhất”.

– 1937, tác phẩm *Chrétien désuni* của cha Congar (sau trở thành đức Hồng Y) ra đời, được xem là hiến chương của phong trào đại kết trong Giáo Hội Công giáo.

– 1948, thành lập Hội đồng Đại kết các Giáo Hội (C.O.E).

– 1959, Đức Thánh Cha Gioan XXIII triệu tập Công Đồng Vatican II: “Chúng ta sẽ không làm ra một vụ án lịch sử. Chúng ta sẽ không tìm hiểu xem ai sai ai đúng... Chúng ta sẽ chỉ nói: Hãy hòa giải với nhau.”

– 1960, công bố Sắc lệnh về Đại kết (Unitatis Redintegratio).

– 31-10-1999 tại Ausbourg (Đức), tuyên ngôn chung giữa Công giáo và Tin Lành Luther...

Như vậy, ý nguyện của Thiên Chúa: “Xin cho tất cả nên Một”² đang được các tín đồ Ki-tô trên khắp thế giới hướng lòng về. Đây cũng là bệ phóng cho một sứ mạng “Quy nhất bốn” kế tiếp, một sứ mạng lịch sử, bước qua biên giới của nội bộ Ki-tô giáo: Đối Thoại Liên Tôn.

2. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN

A. NHU CẦU CẤP BÁCH CỦA HÒA BÌNH NHÂN LOẠI

Sự phân hóa và bất hòa hợp giữa các tôn giáo, ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, đã chứng kiến bao thảm trạng kinh hoàng.

2. (Ga, 17;21).

– Tại Pháp, từ 1562–1598, có đến 8 cuộc “chiến tranh tôn giáo” giữa Công giáo và Tin Lành, với cuộc thảm sát tại Saint-Barthélemy gây tử vong cho 30.000 người.

– Suốt trong hai thế kỷ từ XI đến XIII (1096–1291), những cuộc Thập Tự Chinh gieo rắc bao mất mát đau thương, khởi nguồn từ những tranh chấp và bất đồng tôn giáo.

– Thế kỷ XX, chúng kiến những bi kịch tang thương do xung đột tôn giáo: Cuộc chiến giữa cộng đồng Hồi giáo theo dòng Sunni và Shiite hay các dòng khác nhau ở trong một quốc gia như Syria, Iraq; giữa một số quốc gia Ả-rập, Hồi giáo với nhau và với Israel (Do Thái giáo); giữa Hồi giáo và Công giáo ở Philippines, Indonesia; giữa Hồi giáo và Phật giáo ở miền Nam Thái Lan, Myanmar... Nhưng đẫm máu nhất là những cuộc thảm sát bài Do Thái liên quan tới Do Thái giáo của Đức Quốc Xã, làm thiệt mạng khoảng 11 triệu người.

– Ngày 11 tháng 9 năm 2001, một nhóm không tặc đồng loạt cướp bốn máy bay hành khách hiệu Boeing đang trên đường bay nội địa Hoa Kỳ, gây ra một quy mô khủng bố chấn động toàn thế giới. Tổng số đã có cả thảy 2.996 người thiệt mạng (tính cả 19 kẻ khủng bố) trong vụ tấn công, và 24 người mất tích không còn chút dấu vết. Tổng tổn thất 3000 tỷ USD. Theo phúc trình của Ủy ban Quốc gia về vụ Khủng bố tại Hoa Kỳ, tất cả 19 không tặc tiến hành cuộc tấn công đều là những tay khủng bố liên quan đến tổ chức Hồi giáo Al-Qaeda.

– Từ tháng 6–2014, lực lượng IS chính thức tự xưng danh là Vương quốc Hồi giáo, gây ra những cuộc tấn công đẫm máu gieo kinh hoàng khắp nơi.

B. NHỮNG ỨNG PHÓ CỦA NHÂN LOẠI

Vai trò của tôn giáo hết sức quan trọng để góp tay với các nhà lãnh đạo trên thế giới, hầu xây dựng hòa bình. Nhân loại đã không khó nhận ra điều này từ nhiều năm qua:

– Hội Thông Thiên Học được thành lập tại New York ngày 17-11-1875. Hội là tổ chức phi chính trị, không thuộc tôn giáo nào và không có tín điều.

Ba mục đích của Hội là: 1/ Tạo một tình huynh đệ đại đồng. 2/ Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu liên tôn giáo. 3/ Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những quyền năng ẩn tàng trong con người.

– Tôn giáo Baha'i theo cổ ngữ A-rập nghĩa là “Người noi theo ánh sáng của Thượng đế”, ra đời năm 1863 tại Ba Tư (nay là Iran).

Baha'i tin vào đoàn kết của tất cả tôn giáo và tin rằng sứ giả của Thiên Chúa như Moses, Chúa Giê-su và đấng Muhammad... đã được gửi đến thế gian các thời điểm khác nhau trong lịch sử với giáo lý khác nhau cho phù hợp với nhu cầu của từng xã hội.

– Năm 1959, Viện Văn hóa Pháp và Đại học Paris mở khoa “Tôn giáo đối chiếu”.

– Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thiết lập “Tuần lễ hòa hợp tôn giáo toàn cầu” vào các tuần lễ đầu tháng 2 hàng năm, qua Nghị quyết GA 11013 ngày 20-10-2010.

C. NỖ LỰC KẾT NỐI LIÊN TÔN CỦA KI-TÔ GIÁO

– Tác giả Đặng Thanh An, trên một chuyên mục của Ban Tôn Giáo Chính Phủ Việt Nam, có nhận định:

“Tòa thánh Vatican vừa là Trung tâm của Công giáo hoàn vũ vừa là một nhà nước đã có chủ trương đi đầu trong đối thoại với tất cả các tôn giáo trên thế giới. Đây có thể coi là bước ngoặt trong việc giải quyết mối quan hệ giữa các tôn giáo.”

– Ngày 28-10-1965, tại Đền Thánh Phêrô. Tuyên Ngôn về liên lạc của Giáo Hội với các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo: “Giáo Hội bác bỏ mọi sự kỳ thị hoặc đàn áp chủng tộc hay màu da, giai cấp hay tôn giáo, vì thái độ ấy đối nghịch với tinh thần Chúa Ki-tô”.

– Tháng 10 năm 1986 tại thành Assise (Ý). Với khởi xướng của Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, hầu như có tất cả các vị đại diện các tôn giáo khắp thế giới cùng tựu về cầu nguyện cho hòa bình.

– 28-11-2013. Đức Thánh Cha Phanxicô ban huấn từ về Đối Thoại Liên Tôn: “Đối thoại liên tôn và loan báo Tin Mừng không loại trừ nhau, nhưng sẽ bổ túc cho nhau. (...) Làm sao để có thể xây dựng các mối quan hệ thực sự, kiến tạo một xã hội là ngôi nhà chung đích thực...”.

3. CHỮ HÒA, MỤC TIÊU CỦA ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN; CŨNG LÀ CỨU CÁNH CỦA TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Nhiều năm gần đây, có một gương mặt khả ái, một thần thái thông tuệ khiêm tốn, thường xuyên góp nụ cười để làm tươi thắm thêm cho những cuộc gặp gỡ tôn giáo khắp nơi, như một nút thắt nhỏ bé nhưng thật ấm áp và chân tình, siết chặt bàn tay huynh đệ trên khắp nẻo Tin, linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc, đặc trách Đối Thoại Liên Tôn Tổng Giáo phận TP.HCM.

Sau một thời gian học tại Học viện Công giáo Toulouse,

Pháp, linh mục Bảo Lộc về nước vào năm 2006, ông bắt đầu giảng dạy môn Thần Học Tôn Giáo tại Đại Chủng viện Thánh Giuse TP.HCM từ năm 2007. Sau đó, Đức Hồng Y GB Phạm Minh Mẫn, Tổng Giám mục TGP TP.HCM lúc bấy giờ, muốn thành lập một bộ phận giúp ngài liên hệ với chức sắc các tôn giáo khác. Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn (ĐTLT) ra đời vào ngày 05-12-2009, do linh mục Bảo Lộc làm Trưởng ban.

Đối thoại, cũng là bắc những nhịp cầu, nối bờ ngăn cách, tuy vô hình nhưng đã tồn tại suốt hành trình tôn giáo. Từ tháng 8-2010, linh mục Bảo Lộc và ban ĐTLT cùng đạo hữu các tôn giáo chung tay thực hiện tập san Nhịp cầu tâm giao, ấn bản hàng quý, đồng thời ra mắt website nhipcautamgiao.net. Tại hai kênh thông tin này, Công giáo thành phố và các tôn giáo bạn đã chung một chuyến đò – nhỏ bé nhưng mang tính lịch sử tín ngưỡng tại Việt Nam – cùng chở giáo lý từ nhiều niềm tin, tôn giáo; chở tình thương tưới vun cho cây hòa ái nở hoa đại đồng.

ĐTLT không dừng ở bàn tròn thân hữu, hay cái bắt tay hòa hợp liên tôn. Đó là sự kết hợp phi kết hợp, để các tôn giáo cùng nhận ra đường dài phân hóa cũng là phi phân hóa, như chiều sâu xa trong lời Đức Lý dạy:

“Chư hiền hãy gom chiếc mai vàng vào cành mai tươi tốt để khoe sắc với Chúa Xuân. Nếu kết hợp chỉ là kết hợp, phân hóa chỉ là phân hóa, đó cũng là cơ tận diệt của cuộc đời”. Thượng Đế

3. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo gọi là “cơ tận diệt”, vì phân hóa của phân hóa sẽ là những cuộc thánh chiến đẫm máu, những mâu thuẫn diệt chủng, mà lịch sử nhân loại đã trải bao chứng kiến, từ những chiến tranh tôn giáo cho đến cả bao cuộc thế chiến kinh hoàng.

vẫn hiếu sinh, phân hóa phi phân hóa, kết hợp phi kết hợp. Đó là ý nghĩa của cuộc hiếu sinh xoay chuyển.”⁴

Trái đất tuy không quá lớn, nhưng khác biệt hàng ngàn năm văn hóa, mà mỗi lãnh thổ vùng miền từ lâu hình thành những sắc thái văn hóa riêng, và những màu sắc tôn giáo đa dạng.

Đức Chí Tôn giảng cơ qua cơ bút Cao Đài, có lời dạy: “Ôi! Đạo toàn cầu không ở đâu xa, chỉ cần phá chấp thì tìm thấy Nó trong chiều sâu các tôn giáo, trong nhân bản mỗi con người.”⁵



Hình trên: Linh mục Bảo Lộc phát biểu nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

4. Ibid.

5. Đức Chí Tôn, Huấn từ Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 1977.

Nếu Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy dạy: “Đạo là vô vi, vô hình, còn tôn giáo là cái cửa.”⁶ thì Phúc Âm, cũng có lời Chúa: “Ta là cái cửa: nếu ai bởi ta mà vào, thì sẽ được cứu rỗi.”⁷

Không hề có một giới hạn nào, về cả không gian và thời gian, cho gần gũi của những Cánh-Cửa này. Như lời Thánh ngôn:

“Máy Tạo bởi chữ Hòa mà có. Thế giới cần khôn cũng phải Hòa mới trường tồn, chẳng khác nào xác thịt phải hòa với linh hồn thì mới mong đạt Đạo...”

Lời Đức Chí Tôn: “Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ, chỉ vụ một chữ HÒA.”⁸

Một chữ Hòa, nhưng biết bao ý nghĩa: Hòa ái thương yêu khắp cõi người, cả vạn vật cỏ cây; Hòa bình thịnh vượng khắp các quốc gia đông tây; Hòa hợp giữa các tôn giáo tín ngưỡng; Và hòa hiệp linh hồn với Thượng Đế:

Đạo Trời khắp cả nhân gian

Lấy câu hòa hiệp làm thang vượt trần.”⁹

Mục tiêu cuối cùng của ĐTLT, cũng như cứu cánh của hòa hiệp quy nguyên của Cao Đài là gì? Lời giải đáp nằm trong câu Thánh giáo này:

“Tạo thế nhân hòa là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: Nhân bản, an lạc và tiến bộ.”¹⁰

6. Đại Thừa Chơn Giáo, 28-8 Bính Tý (13-10-1936).

7. Giảng 10:9.

8. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 2, đàn ngày 13-02-1927.

9. Đại Thừa Chơn Giáo, 1936.

10. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

Thế nhơn hòa, là cứu cánh, mà cũng là ý thức hệ Cao Đài.

5. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI

Ý thức hệ hay hệ tư tưởng là hệ thống các quan niệm điều hướng cho ý thức, hành động, lập trường của một tổ chức hay cá nhân. Ý thức hệ có thể hiểu như một tầm nhìn bao quát, như cách thức để xem xét sự vật, một góc nhìn với một lăng kính nhất quán.

Một trong những mấu chốt trong ý thức hệ Cao Đài, là lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo: *“Cao Đài không phải là Cao Đài, đó chính thị là Cao Đài.”*¹¹

Đây cũng là một căn bản của đạo học: Vạn pháp phải tùy duyên mà hóa độ. Vua Trần Nhân Tông có thơ: “Cư trần lạc đạo thả tùy duyên/ Cơ tắc xan hề khốn tắc miên” (Cư trần lạc đạo).

Chữ pháp (法) bên trái bộ thủy (氵) là nước, bên phải chữ khứ (去) là đi. Pháp như dòng nước cứ triển miên, không cần đếm thời gian, cũng chẳng so đo chờ đợi không gian.

Chữ khứ còn có âm khác là khứ, nghĩa là phải bỏ đi. Khi đó, chữ pháp mang thêm ý nghĩa dùng tịnh thủy để khứ trước lưu thanh.

Là con người, chúng ta có thói quen phán xét, phê bình. Sự cảm thông và thấu hiểu, chia sẻ lại thường đến chậm hơn. Sự phán xét, chính là nguồn gốc cho mọi bất hòa, từ phạm vi cá nhân, đến hội đoàn, dân tộc, tôn giáo. Chúng tôi còn nhớ lời

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

khuyến của Mẹ Theresa: “Đừng phán xét, vì bạn sẽ không còn thời gian để yêu thương.”

Bình an, thương yêu, phải luôn bắt đầu bằng nụ cười cảm thông, bằng sự quên đi cái TA, cái CỦA TA, và thậm chí, TÔN GIÁO CỦA TA.

Ý thức là một phạm trù trừu tượng, nằm trong suy nghĩ, thể hiện bằng hành động, lời nói. Khi quên đi Cao Đài là Cao Đài, thì sứ giả Cao Đài mới bước ra thế giới với chính danh Cao Đài.

Ý thức hệ Không phải Cao Đài, không là phủ nhận cho tôn chỉ Cao Đài: Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhất, mà đây là cách mà tín đồ Cao Đài ý thức rõ ràng một cách thức để quy và hợp.

QUY nhất bốn, khác với HIỆP nhất thể, và DUNG HỢP, khác với hợp nhất. Chính Đức Gia Tô Giáo Chủ, một lần mượn cơ bút Cao Đài để vạch rõ con đường dung hợp:

“Muốn hiệp nhứt, mà hiệp bằng một cách đơn độc, bắt buộc ai cũng làm, cũng nói cũng đi một đường, một kiểu như nhau, thì vạn đời chưa chắc kết quả. Muôn loài vạn vật đều khác nhau.

Cá thì ở nước sông. Chim thì ở non ở núi. Bắt cá thả lên rừng, bảo chim vào ở biển, thì làm sao không loạn?(...)

“Quân tử chi đạo” là đạo người quân tử ở chỗ đồng tâm, để mưu toan việc đạo, việc đời, mà lo cho nhơn loại. “Hoặc xuất, hoặc xử, hoặc mặc, hoặc ngữ” nghĩa là: kẻ ra gánh vác việc đời, làm công việc nọ việc kia; kẻ thì ở yên một chỗ, ẩn dật tu hành, kẻ lại im lặng mà làm thịnh, còn kẻ thì khoa chuông

giục trống cảnh tỉnh người đời. Tuy xuất (ra làm quan) với xử (hoặc ẩn dật) khác xa, ngữ (nói), mặc (nín) trái hẳn, song cũng đều lo cùng một mục đích như nhau. Tuy hoàn cảnh địa vị khác nhau, nên mới có kẻ ẩn người hiện, kẻ nói người làm thinh, vì thời và vị không giống nhau. Song đem đổi hoàn cảnh của người này cho người kia, thì họ cũng làm như nhau không khác.

Đây nói cái đồng tâm, mà cái tích (việc thấy hiện bên ngoài) bất đồng. Tâm là tinh thần. Tích là hình thức. Tích mà đồng, tâm không đồng, thì người quân tử không hề làm; tích không đồng, tâm đồng, là đạo lợi cho thiên hạ.

“Nhị nhơn đồng tâm kỳ lợi đoạn kim”, nghĩa là: người này cùng người kia mà đồng tâm nhau rồi, thì núi cũng xô ngã được, biển cũng lấp bằng được. Người người đều cảm mà hóa theo, thì khác nào một đoạn sắt chặt một cái là đứt làm đôi. Sức mạnh của đồng tâm ghê gớm làm gì lại không được? Dầu cho Trời đất cũng vui nghe mà giúp đỡ. “Đồng Tâm chi ngôn, kỳ xú như lan”, nghĩa là: lời nói của người đồng tâm, tuy không ngọt ngào, mà ai cũng thích, tuy không nồng nàn mà ai cũng say, cảm đến người đến vật. Lời nói thống thiết chân thành, mùi vị ngọt ngào, dầu sự thơm của hoa lan cũng chỉ đến chừng đó là cùng.”¹²

6. KẾT LUẬN

Con đường hòa hiệp của nhơn loại, hòa bình an lạc cho toàn

12. Huồn Cung Đàn, 15–11 Bính Ngọ (25–12–1966).

thế giới, từ lâu đã là ước mong của các đấng Cửu Thế: Lão Tử, Khổng Tử, Thích Ca, Jesus Christ...

Việc làm hết sức trân quý của Ban Mục Vụ Liên Tôn, cũng chính là sứ mạng của Cao Đài Đại Đạo, để vạn giáo trở nên Một.

Thánh giáo Cao Đài, có lời: *“Bất cứ sự phân hóa nào cũng không thể vượt qua khỏi vòng trời đất hay huyền linh của Thượng Đế Chí Tôn...”*¹³

Tôn chỉ của Tam Kỳ Phổ Độ: “Tam giáo quy nguyên, ngũ chi hiệp nhất”, đó là sự hòa ái, dung hiệp về tinh thần – từ tâm, và hết sức tôn trọng sự khác biệt về hình thức – cái tích. Cao Đài không là Cao Đài, là Cao Đài vượt ra hình thức, như hào thượng cửu trong quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân:

*“Đến hào Thượng Cửu, thì “Đồng Nhơn vu giao”. Vu là đi. Giao nghĩa là giao du, giao du ở gần nhà mình, nước mình, thì cũng hẹp chặt. Chỉ có lời Soán Từ là “Đồng Nhơn vu dã”. Đồng Nhơn mà vu dã (ra đồng trống) thiệt rộng lớn mênh mông, không bờ bến. Đâu phải ra khỏi cửa hay ở trong tông phái mình mà thôi, còn kết thân tình huynh đệ đại đồng khắp chỗ, đồng hoang hẻo lánh, đâu còn lựa chọn so cân.”*¹⁴

Đường, Sự Thật và Sự Sống, cũng là Chân Lý cho vạn giáo. Nắm tay nhau trong tình thân ái của anh em một nhà, đó là một món cung hiến trân quý nhất mà chúng ta có thể có, để

13. Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

14. Đức Gia Tô Giáo Chủ, Huần Cung Đàn, 15-11 Bính Ngọ (25-12-1966).

cùng kính dâng lên Đức Chí Tôn, Thiên Chúa, chư Phật với trọn tấm lòng thành.

Như lời hiệu triệu của Đức Di Lạc Thiên Tôn: *“Tất cả những môn đồ, tín hữu hoặc con chiên của Trời, của Phật, của Chúa,... hãy vì lòng đạo mà thương yêu đoàn kết, quây quần với nhau thành một khối vĩ đại để kết tụ một khối tinh thần đạo đức vĩ đại, thường xuyên liên giao thân hữu, thăm viếng để trao đổi học hỏi đạo lý thuần chơn.”*¹⁵

Như mệnh lệnh Thiên Chúa: *“Đây là lệnh truyền của Thầy: ‘Các con hãy yêu mến nhau như Thầy đã yêu mến các con.’”*¹⁶

Như huấn dụ Đức Chí Tôn: *“Thương nhau, tặng vật hiến dâng Thầy...”*¹⁷

Xin thành kính đọc lại lời kinh nguyện:

Nguyện chung sức mở đường đại chúng

Đem Đạo mẫu công dụng mọi nơi

Cho người thông cảm cùng người

*Đẹp tan sắc phách phục hồi tình thương.*¹⁸

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Mưa, Người Nối Nhịp Cầu Liên Tôn, báo Công Giáo và Dân Tộc, 10-7-2015.
2. Lược sử Phong trào Đại kết giữa các Giáo hội Kitô, linh mục Tâm Giao, trang web của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.

15. Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Kỷ Dậu (30-8-1969).

16. (Ga: 15,12).

17. Hội Thánh Minh Chơn Đạo, 16-7 Kỷ Dậu (28-8-1969).

18. Trích Bài Kinh Cầu Nguyện của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

3. Vài mốc về đối thoại liên tôn trong Giáo Hội Công Giáo, Lê Phú Hải omi. Nhịp Cầu Tâm Giao.
4. Nguyệt san Giác Ngộ số 50 – 05/2000.
5. Thánh Giáo Sư Tập, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 1964–1974, NXB Tôn Giáo, 2010.
6. Mục Đích Đường Lối Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Đơn Tâm, NXB Tôn Giáo, 2013. ■



THÁNH GIÁO

Chư hiền đệ, hiền muội! Trên đường sứ mạng, không giờ phút nào không có Thần minh giúp đỡ, ủng hộ chư hiền đệ muội từ lớn đến nhỏ, nên mỗi tư tưởng, lời nói, việc làm, những lúc ưu tư thiết tha vì tiền đồ Đại Đạo, những hồi trầm lắng tịnh tu, những khi bỏ bê lười biếng, miễn cưỡng cho có chừng, những đức chí thành hay lòng tiểu xảo, đều được ghi nhận phân minh không mảy may sơ sót. Nên Bản Đạo thường khuyên chư đệ muội phải cẩn trọng trong việc tu hành để khỏi lỗi lầm, sai lạc. Bản Đạo cũng nói để chư đệ muội thấy sự gần gũi Thiêng Liêng, không phải đợi thiết đàn giáng bút mới cùng Thiêng Liêng gặp gỡ. Biết như vậy, chư đệ muội phải giữ lòng thanh tịnh đừng để phân chia vì phiền não để tiếp nhận tiếng nói vô thính trong tâm thành của chư đệ muội. Tu hành thì phải chí thành. Chí thành sẽ được Ôn Trên ngự trị nơi tâm nội. Đừng vọng cầu những việc từ ngoại cảnh đưa đến.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CQPTGL, 15-01 KỶ MÙI.

■ XUÂN MAI

CHỮ TÂM

trong đời thường



Minh họa: Cọ Trắng

1. KHÁI NIỆM CHỮ TÂM TRONG TAM GIÁO

Mục đích cứu cánh của Nho giáo là: “Tồn tâm dưỡng tánh”, nghĩa là gìn giữ cái tâm, nuôi nấng cái tánh. Giữ cái tâm đừng để phóng túng, dẹp bỏ ô nhiễm, dưỡng cái tánh vốn lành để đem nó trở lại trong sạch, sáng suốt như ban sơ.

Trình Tử nói: “Tánh hay là tâm cũng là một lý. Lúc bẩm nơi Trời thì gọi là “tánh”. Khi tồn tại trong con người gọi là “tâm”.

Lúc ban sơ, tánh người là một điểm Linh quang, do Trời phú ban, trong sạch sáng suốt. Khi vào trần, tánh này dần bị nhiễm bợn nhơ.

Mục đích cứu cánh của Đạo giáo là: “Tu tâm luyện tánh”, nghĩa là trau sửa cái tâm, trui rèn cái tánh. Tâm là ngôi phát sinh ra các tư tưởng, là chủ thể của thân thể, là cái hồn của con người.

Mục đích cứu cánh của Phật giáo là: “Minh tâm kiến tánh”, nghĩa là làm cho sáng cái tâm, thì sẽ thấy rõ cái tánh. Phật giáo gọi Tâm, Tánh là Chơn như, Chơn tâm, Phật tánh, Bốn lai diện mục...

Theo giáo lý căn bản của Cao Đài giáo, con người cũng như vạn hữu chúng sanh, đều do Thượng Đế tạo dựng và ban cho một điểm Linh quang luôn hướng thượng, gọi là Thượng Đế tính, đều có trong mỗi chúng sanh, còn gọi là Thiên tánh, Chơn tâm. Vì phải phát huy cái Thiên tánh này để tiến hoá, mà chúng sanh mới có mặt nơi cõi trần.

2. Ý NGHĨA CHỮ TÂM THEO QUAN NIỆM TRONG ĐỜI SỐNG THƯỜNG

– Một cách đơn giản, Tâm là gì?

Tâm là một khái niệm trừu tượng, không sờ chạm được, nhưng lại luôn hiện hữu trong con người. Con người trong sạch do tâm, mà xấu xa cũng do tâm. Tâm nâng đỡ con người lên, cũng chính tâm hạ thấp con người xuống. Vậy tâm phải lành, phải tốt, phải trong sáng mới sản sinh ra được những lời nói hay, những việc làm tốt.

– Trong đời thường chữ Tâm được hiểu nôm na là “tấm lòng”.

Để “nhận diện” được tâm, phải thấy rằng: cùng một sự thật, tâm có thể biểu lộ qua hai bộ mặt, hai trạng thái khác nhau. Một, theo hướng tích cực, tâm là tâm sáng, tâm thiện, tâm bình, hướng đến “chân tâm”, đó là “tâm giác ngộ”, là trạng

thái tinh tấn, giải thoát của tâm; ở đó, tâm không bị trói buộc và nhận thức đúng đắn. Hai, theo hướng tiêu cực, tâm là tâm mê, tâm ác, tâm loạn, đó chính là “tâm vô minh”, là trạng thái vẩn đục, ô trược của tâm; ở đó, tâm bị trói buộc, nô lệ vật chất, nhận thức sai lầm. Nói cách khác, trong con người luôn hiện hữu đồng thời một “ông Bụt” bên cạnh một con “quỷ dữ”. “Làm chủ” được tâm mình có nghĩa là ông Bụt khống chế được con quỷ dữ. Từ đó, con người suy nghĩ và hành động theo hướng tích cực. Nên trong một ý nghĩa rộng hơn, con người là một Tiểu vũ trụ trong đại thể Đại vũ trụ, nên hễ “tâm bình thì thế giới bình” bằng ngược lại, “tâm loạn ắt thế giới sẽ loạn”.

Khi ta quay về với ý nghĩa của chữ “tâm bình thường” và gần gũi nhất sau đây, cũng có thể tạm hiểu “cái tâm” là gì, mà vận dụng ý nghĩa của nó vào cuộc sống đời thường.

Trong đời thường chữ tâm được hiểu nôm na là tấm lòng. Cổ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn lúc sinh thời khi nói đến tấm lòng, luôn nhấn mạnh ý nghĩa tích cực của nó: “Sống trong đời sống cần có một tấm lòng.” Tất cả từ ngàn xưa cho đến ngàn sau, con người sống với nhau cần có một tấm lòng, nghĩa là đối xử tốt với nhau, sống tử tế với nhau...

Xã hội cũng đang cần lắm những “tấm lòng son” để xử sự với nhau tử tế hơn, nhân bản hơn, công bằng hơn trong ước mong: “hãy sống chân thành với nhau” như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

“Tất cả mọi hoạt động của mình phải nhắm vào mục đích tối thượng của đạo lý từ tư tưởng, ý nghĩ, lời nói, cử chỉ đến việc làm phải được sự chân thành, tỏ nỗi cảm tình và thổ lộ tình thương

với tất cả mọi người mọi trường hợp. Việc gì trước khi muốn nói hoặc làm cho ai, nên đặt mình trong hoàn cảnh người ấy để xem mình có chịu được những đối xử như vậy hay không...”¹

Thực tế trong đời sống xã hội hiện nay luôn có sự đan xen tồn tại giữa cái tốt và cái xấu, cái tích cực và tiêu cực...thì lòng người cũng thế, tâm con người cũng vậy. Điều đáng nói là người có tấm lòng, sống trung thực, sẵn sàng hy sinh quên mình cứu giúp người hoạn nạn thường lại là những con người bình thường, những cháu nhỏ học sinh, thanh thiếu niên. Truyền thông báo chí từng nhiều lần nêu gương những tổ chức, cá nhân làm việc thiện nguyện; nêu gương các em học sinh nhặt được của rơi đã đem đến cơ quan chức năng giao nộp để trả lại người đánh rơi. Ở nơi này nơi nọ suốt dọc dài đất nước ta từng có những thanh thiếu niên tuổi đời còn rất trẻ đã dũng cảm cứu bạn bị chìm đồ giữa sông, quên mình cứu người bị lũ cuốn khi có mưa bão, lũ lụt... Nhiều em cứu được bạn, cứu được người rồi thì vì quá mệt đã bị dòng nước, dòng lũ cuốn trôi.

– Đối với người giác ngộ: Tu hành đơn giản trước nhất là biết cách điều chỉnh cái tâm, tu tâm càng ngày càng tốt đẹp hơn, trong sáng hơn.

Ý nghĩa của chữ “tu” ngay bước đầu cơ bản là: Tu là sửa những gì đã trật, trong đó cũng chính là từng bước điều chỉnh tâm mình, điều chỉnh tâm hướng về chân thiện mỹ, rồi dần dần tiến lên đạt đến tâm thanh tịnh, tâm vô ngại... Bởi đường

1. Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu (03-3-1969).

về Nguyên cũng chỉ quyết định bởi cái tâm. Đức Đông Phương
Chuông Quân dạy:

*Đường phản bốn không ngoài Đại Đạo,
Nẻo về Nguyên do lão chủ ông,
Chủ ông là cái tấm lòng,
Lòng người giác ngộ cộng thông Đất Trời.²*

3. BIỂU HIỆN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN NAY

3.1. Tâm vô cảm: Đó là căn bệnh của cách hành xử, căn bệnh của lối sống

Lời dạy của cha ông ta “Thương người như thể thương thân” từ lâu đã trở thành đạo lý của người Việt Nam. Tình yêu thương ấy trước hết dành cho những con người trong cùng một bọc trứng do mẹ Âu Cơ sinh ra. Tính nhân văn, lòng nhân ái phải là ngọn lửa sưởi ấm, là ánh sáng trong cuộc đời mỗi con người, mỗi gia đình cũng như toàn xã hội và còn hoà chung vào dòng chảy bất tận của nhân văn nhân loại. Thế nhưng ngày nay, bên cạnh nhiều nét đẹp vẫn luôn hiện hữu trong cuộc sống của chúng ta với những con người luôn biết cố gắng, đồng cảm, chia sẻ, cứu mang, giúp đỡ người khác, thì cũng có không ít kẻ sống ích kỷ, vô trách nhiệm, vô cảm, vô đạo đức.

Vô cảm chính là sự trơ lì cảm xúc, dửng dưng, thờ ơ với những hiện tượng đời sống xung quanh, chỉ quan tâm đến quyền lợi của bản thân. Thấy cái tốt không ủng hộ, thấy cái xấu, cái ác không dám lên án, không dám chống lại...

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 04-6 Tân Dậu.

Tại sao người ta không can thiệp? Bởi người ta vô cảm trước nỗi đau của đồng loại? Bởi người ta sợ liên lụy? Hay bởi sợ mang vạ vào thân?...

Thái độ ứng xử trước nỗi đau, tai họa của người khác là phản ứng tự nhiên mang tính người, là thước đo đạo đức, là sự sát hạch đạo đức xã hội một cách nghiêm khắc nhất. Những hành vi vô cảm không chỉ đơn thuần làm hủy hoại nhân cách con người mà còn làm xói mòn nền tảng đạo đức, làm rối loạn trật tự xã hội và xa hơn nữa là kìm hãm sự phát triển của đất nước.

Thuốc chữa bệnh vô cảm nằm ở sự truyền phổ sâu sắc những giá trị truyền thống của dân tộc, thấm thấu vào trong đời sống xã hội. Xã hội càng hiện đại thì những giá trị đó lại càng cần nhân rộng. Trong đó, vấn đề kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được đặt ra bức thiết hơn bao giờ hết đối với mọi quốc gia, dân tộc. Bởi lẽ, văn hóa truyền thống là nền tảng, không có văn hóa truyền thống sẽ không có sự phát triển. Giá trị văn hóa truyền thống là những giá trị thuộc về tư tưởng, lối sống, chuẩn mực đạo đức được cộng đồng thừa nhận và bảo tồn, gìn giữ từ đời này sang đời khác... bao gồm: lòng yêu nước, lòng thương yêu quý trọng con người, ý thức cộng đồng; lòng dũng cảm, đức tính cần, kiệm, khiêm tốn, giản dị, trung thực, thủy chung...

Trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Việt không những vẫn bảo tồn được bản sắc của mình là tình thương và lòng hiếu hòa, bảo tồn chân thiện mỹ vốn đã thấm nhuần dân tộc tính mà còn vượt trội hơn về đức tin, lòng đạo đức, sự ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Nền văn hoá truyền

thống Việt Nam thấm đẫm tinh thần nhân văn trước hết vì nó luôn đặt con người ở vị trí trung tâm, luôn coi con người là sự kết tinh đầy đủ những tinh túy nhất của tạo hoá, bởi về mặt cấu tạo, con người là một tiểu vũ trụ thu nhỏ trong đại vũ trụ. Còn về quyền năng Con Người là “*Một tạo hóa trong Tạo hóa*”³ mà từ ngàn xưa rất nhiều câu tục ngữ của ông cha ta đã thể hiện tư tưởng này như: “Người ta là hoa của đất”, “Một mặt người bằng mười mặt của” và nhiều triều đại phong kiến Việt Nam trong lịch sử đã kế thừa truyền thống “Lấy dân làm gốc” trong việc ban hành các chủ trương, chính sách kinh tế, xã hội, văn hoá, pháp luật an ninh, quốc phòng, ngoại giao. Ngày nay, thời Hạ nguơn mặt kiếp, mặc dù người Việt không thoát khỏi căn bệnh vong bản chung của toàn nhân loại, nhưng đã được Đức Thượng Đế ban trao sứ mạng Kỳ Ba nhờ vào vốn đạo đức mà dân tộc này đã tích lũy từ bao đời, cũng như để bù đắp những thiệt thòi dân tộc này phải chịu trong lịch sử của mình. Vậy mỗi con người Việt Nam phải ý thức là một sứ mạng trên con đường phục hồi nhân bản, phục hồi chơn lý đạo trong đời sống con người.

3.2. Con người cần sống với nhau bằng tâm từ

Cuộc sống vẫn đang tiếp diễn. Với dòng xoáy của cuộc sống hiện đại, con người ta trở thành những người máy, tính khí trở nên cộc cằn, đầy căng thẳng và phiền muộn, thậm chí lạnh lùng và tàn bạo. Nguyên nhân chính của những nỗi khổ này

3. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Ất Mão.

không phải là do chúng ta có mặt trong cuộc sống hiện đại, cũng không phải là do chúng ta chưa đạt tới kỷ nguyên hạnh phúc, mà do trái tim con người ngày càng trở nên khô cằn sỏi đá, bầu năng lượng yêu thương ngày bị vơi kiệt đi; thay vào đó là thành trì bản ngã được củng cố, xây dựng một cách tinh vi và chắc chắn. Điều đó gây nên sự chia rẽ, manh mún và cuộc sống không thể nào được trọn vẹn.

Những vấn đề trên thật nghiêm trọng và thật lớn lao. Nhưng thiết nghĩ, chỉ cần lắng nghe tiếng nói từ tận sâu của trái tim, một khi tâm người rộng mở thì toàn bộ cuộc sống trở nên tốt đẹp và hài hòa một cách tự nhiên. Chỉ cần một tình yêu thương chân thật thôi thì cũng đủ cho mỗi cá thể tìm lại được dòng năng lượng tươi mát có khả năng trị bệnh cho mình đồng thời cũng giúp cho mọi người trên thế giới dễ dàng nắm tay và vui sống với nhau.

Khi lòng từ được đề cập đến là khi chúng ta đã có cái nhìn lại con đường tâm linh và đã có cái nhìn tích cực đến cuộc đời. Cho nên nói đến tâm từ, nói đến hạnh phúc chân thực thì trước hết mỗi cá thể phải tự mở rộng lòng yêu thương của mình chẳng những đối với đồng loại mà còn cả động, thực vật...

Mạnh Tử [17,116] nói: “Ai cũng có lòng thương người, nếu ai không có lòng trắc ẩn, lòng thẹn, lòng từ thì không phải con người.” Cho nên sống với tình cảm biết chia sẻ là yếu tố quan trọng cần được phát huy trong cuộc sống. Khi phát triển lòng từ thì chúng ta bắt đầu phụng sự nhân loại bằng cả trái tim của mình, chính là phụng sự cho bản thể đại đồng nhân loại. Và đơn thuần chúng ta làm vì để giảm bớt lòng chấp ngã, vì ý

nghĩa kiếp sống con người là phụng sự. Khi bớt chấp ngã, một cảm giác thật nhẹ nhàng, an lạc và trọn vẹn hiện ra. Cảm giác này mở rộng cho đời chúng ta thêm ý nghĩa.

Cũng trên ý nghĩa này, phát triển lòng từ để giảm bớt lòng chấp ngã, chúng ta cần tu tập để có tấm lòng từ thiện. Làm việc thiện là hành động cao cả. Đây là việc làm thực tế nhất để thể hiện lòng từ. Thực hiện sống với tâm Từ, con người còn phải có Trí (tầm nhìn và hiểu biết đến chúng sanh) Cũng cần có “Dũng” bên cạnh “Trí” (tức: tầm nhìn và hiểu biết đến chúng sanh, trước sự việc cần làm, và dũng cảm thực hiện) thì lòng từ đó mới đạt hiệu quả tốt nhất cho mọi người.

4. Ý THỨC CỦA CHÚNG TA

Con người không thể tách rời khỏi cuộc sống thế nhân, phải mưu sinh và còn biết bao bốn phận với người thân yêu. Nhưng, sống lại còn có ý nghĩa cống hiến một cách tận tụy sức lực và trí tuệ cho sự sinh tồn và tiến bộ của cộng đồng nhân loại. Chúng ta đều hiểu, tình trạng thế giới nhân loại tốt đẹp hơn hay xấu dần đi là do chính con người chúng ta tạo ra. Do vậy, chúng ta phải sống với ý thức mỗi tư tưởng và mỗi hành động sẽ góp phần phát triển và tiến hóa cho toàn thể. Hãy:

– Bảo vệ, phát huy các giá trị truyền thống trong đời sống văn hóa gia đình; Làm tấm gương sáng đạo đức; Sống với tấm lòng trong sáng, với tâm hồn bình dị trong lành, nếp sống an hòa tươi mát để giáo dục con em mình trong gia đình rằng: đừng quên mang theo bên mình chữ “Tâm”. Hãy luôn giữ nó như là hành trang trong suốt cuộc đời.

– Sống đời yêu thương với đồng loại:

Hằng ngày tiếp xúc với cuộc sống, chúng ta có bao nhiêu cơ hội để thể nghiệm tình thương.

- Nhặt một cục đá hay một nhánh gai giữa đường, an ủi hay cảm thông với một người đang tuyệt vọng khổ đau.

- Chia sẻ hay giúp đỡ vài đồng tiền đối với người đang gặp khó khăn, tươi tắn và vui vẻ với mọi người, nhẫn nhục khi bị người khác mắng nhiếc, dùng lời ôn hòa để trao đổi và nói chuyện... là những hành động mà hằng ngày phải dùng đến rất nhiều. Nếu chúng ta sống bằng tấm lòng chân thật và khơi được người xung quanh cùng sống như thế thì xã hội này sẽ bớt khổ đau, sẽ tươi đẹp hơn.

Sống đời yêu thương với đồng loại chính là sống Đạo: Sống Đạo là sống văn hóa trong ý nghĩa đẹp nhất của nó, bởi văn hóa như hơi thở của sự sống. Con người biết yêu thương nhau, thông cảm và chấp nhận sự bất toàn của nhau và cùng nhau sống biểu lộ cái đẹp thuần khiết, chân thực nhất.

– Sống Đạo ngay trong tập thể Đạo của mình:

Sẵn sàng cảm thông nhau và chấp nhận những bất toàn của nhau; chia sẻ những khó khăn của bạn Đạo, và an ủi động viên; sẵn sàng giúp sức và trợ duyên để bạn Đạo cùng tu tiến; sống bằng tâm chân thật khi cộng tác các đạo sự với đồng đạo, sẵn lòng bỏ qua, tha thứ khi gặp trở ngại, va chạm với bạn đạo. Sự việc bất ổn đến cho bạn đạo, ta sẽ dùng tâm chân thật, dùng tấm lòng yêu thương để cư xử. Được như thế, chắc chắn kết quả đạt được sẽ khác hẳn. Bởi, một lời khuyên đầy ý nghĩa, một câu góp ý xuất phát từ “tấm lòng” và thực

hiện với tất cả “tấm lòng” đều có cơ may mang lại kết quả tốt đẹp, không chỉ cho riêng mình, mà còn cho cả cộng đồng chúng ta đang sinh hoạt.

GIAO CẢM

Theo văn hóa Á Đông nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, chữ Tâm đã rất đổi thân thương và bình dị, nhưng chứa đựng nhiều ý nghĩa quan trọng và sâu sắc.

Các bậc thi nhân nói:

Trăm năm tóc cũng đổi màu

Chữ Tâm sáng mãi giữa dòng thời gian

Còn cụ Nguyễn Du trong phần kết truyện Kiều, mới viết:

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài

Là tín hữu đạo Cao Đài, chúng ta có trách nhiệm với sự an bình của xã hội. Như thế, chúng ta phải sống với bằng cả tấm lòng yêu thương rộng mở với tất cả chúng sanh, sống với tâm chia sẻ, mà bước đầu thiết thực nhất là với người trong gia đình, đồng đạo, rồi dần đến với người xung quanh, đến với tất cả mọi người không phân biệt.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*“Tấm lòng của nhân loại mới chính là nơi chân lý cứu rỗi phát sinh tạo thế an bình cho nhân loại.”*⁴ Chính điều này đã khẳng định sứ mạng của mỗi con người trong Tam Kỳ Phổ Độ là sứ mạng “làm người” đúng nghĩa, hay “làm người thiện mỹ”.■

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

VÀ QUYỀN CẦU RỒI QUYỀN SIÊU RỒI

■ CAO TRIỀU THIÊN TÂM HUỆ Ý

Đức Chí Tôn dạy về chức trách, nhiệm vụ của Đức Giáo Tông trong Pháp Chánh Truyền như sau: *“Giáo Tông là anh cả các con. Có quyền thay mặt cho Thầy mà dìu dắt các con trong đường đạo và đường đời. Nó có quyền về phần xác chứ không có quyền về phần hồn. Nó được phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Lục Thập Thất Địa Cầu và Thập Điện Diêm Cung, đặt cầu rồi cho các con.”*

Đức Giáo Tông có quyền về phần xác nên về phần hồn Ngài chỉ có thể cầu rồi cho các tín đồ qua cầu nguyện, thông công. Sau đó theo tiến trình:

1. Cứu xét của Hội Đồng các Đấng Tiên Khai Đại Đạo.
2. Thẩm xét của các Đấng TAM GIÁO TÒA.
3. Đức Chí Tôn sẽ quyết định sau cùng với quyền siêu rồi để ân phong đạo quả (Thần, Thánh...) trong Thánh sắc chứng Đạo. (Tiến trình này căn cứ theo Thánh sắc chứng Đạo của Đức Thiện Minh Chơn Thánh (Nguyễn Văn Minh, Chơn Thiện Minh).

Từ ngàn xưa, quyền siêu rỗi này cũng đã được Đức Ki-Tô dạy và được ghi lại trong Kinh Thánh:

Bà mẹ của hai người con ông Zê-bê-đê (Mc 10: 35-40)

Bấy giờ bà mẹ của các con ông Zê-bê-đê đến gặp Đức Giê-su, có các con bà đi theo; bà bái lạy và kêu xin Người một điều. Người hỏi bà: “Bà muốn gì?” Bà thưa: “Xin Thầy truyền cho hai con tôi đây, một người ngồi bên hữu, một người bên tả Thầy trong Nước Thầy.” Đức Giê-su bảo: “Các người không biết các người xin gì! Các người có uống nổi chén Thầy sắp uống không?” Họ đáp: “Thưa uống nổi.” Đức Giê-su bảo: “Chén của Thầy, các người sẽ uống; còn việc ngồi bên hữu hay bên tả Thầy, thì Thầy không có quyền cho, nhưng Cha Thầy đã chuẩn bị cho ai, thì kẻ ấy mới được.”

Qua Tân Ước Mathiô [20,23], Đức Ki-Tô dạy vị trí trên Thiên đình (các phẩm vị: Thánh, Thiên Thần...) thuộc quyền của Đức Chúa Cha (Đức Chí Tôn) mà thôi.

Ơn Trên dạy chúng ta *“Thế tôn rỗi mới được Thiên tôn.”* Do đó, mỗi người tu sẽ:

1. Tự mình chấm điểm mình (công + hạnh).
2. Nhân sanh chấm điểm (thế tôn).
3. Các Đấng Tiên Khai chấm điểm.
4. Các Đấng Tam Giáo Tòa chấm điểm.
5. Đức Chí Tôn là quyền tối hậu.

Chúng ta hãy cố gắng học đạo, sống đạo, hành đạo sao cho mọi người yêu mến, cảm phục, vâng lời (nếu có nhận trách vụ) để đi suốt đạo trình cho đến ngày về cõi thiêng liêng hằng sống.■

THÁNH THẤT TÂY THIÊN NGỌC ĐÀN

■ TRIỀU LIÊN

Thánh thất Tây Thiên Ngọc Đàn tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, trước kia thuộc huyện Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu, nơi mùa mưa nước tràn ngập cánh đồng, mùa khô là cánh đồng trơ gốc rạ. Lúc chưa có đường bộ, để đến được Thánh thất, chỉ có con đường thủy duy nhất là con rạch Cái Giếng.

Năm 1936, ông Hội đồng Danh từ Long An đi xuống miền Tây phổ truyền đạo Cao Đài, ông phối hợp với quý ông Phan Văn Phòng, Phan Văn Chính và Trương Văn Trọng đến vùng Phong Lưu, Cái Giếng để phổ độ nhơn sanh. Các ông mượn lăm lúa của bà Quản, mẹ ông Phủ Dấu, làm nơi thuyết giảng về đạo Cao Đài. Nhân dân quanh vùng đến nghe rất đông, và nhiều người muốn vào Đạo. Thấy đã đến lúc phải có một Thánh thất để phổ truyền mỗi đạo, bà Quản hiến luôn lăm lúa và toàn bộ khu đất 10 héc ta cho Đạo để xây dựng Thánh thất. Ông Chính và ông Phòng đến Thánh thất Ngọc Hương hầu đàn, xin danh hiệu cho Thánh thất sẽ xây dựng, được Ông Trên ban cho tên “Tây Thiên Ngọc Đàn”. Sau đó, được Thánh thất Ngọc Hương và Thánh thất Long Quang giúp sức và phương tiện lập đàn cầu cơ xin Ông Trên vẽ sơ đồ Thánh thất để xây dựng. Năm 1936, quý tiền bối vừa khởi công xây dựng Thánh thất, vừa làm

công tác phổ độ. Lúc này, số người xin vào Đạo đã khá đông, nên việc xây dựng được thuận lợi và nhanh chóng.

Đầu năm 1938, Thánh thất Tây Thiên Ngọc Đàn hoàn thành, có đủ Tam Đài. Giữa một cánh đồng bao la màu lúa xanh rì, nổi bật một công trình mái ngói đỏ tươi hùng vĩ. Lúc này, số tín đồ lên tới 600 người. Ông Đặng Văn Tâm là Chánh Trị Sự đầu tiên của Thánh thất. Mọi người hân hoan đón mừng ngày lễ khánh thành Thánh thất Tây Thiên Ngọc Đàn.

Năm 1940, Pháp nghi ngờ Cao Đài Minh Chơn Đạo có tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ nên ra lệnh cho hội tế niêm phong của các Thánh thất Cao Đài Minh Chơn Đạo, trong đó có Tây Thiên Ngọc Đàn. Tín đồ bị cấm tới các Thánh thất cúng kính, bà con đạo hữu phải rút về nhà âm thầm tu hành.

Từ năm 1945, Cách Mạng Tháng 8 thành công, quân Pháp thất thế. Các Thánh thất được mở cửa trở lại, trong đó có Tây Thiên Ngọc Đàn. Tín hữu Cao Đài vui mừng chào đón làn gió mới, sửa sang lại Thánh thất, được tự do cúng lễ.

Sau một thời gian ngắn, giặc Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. May mắn là Tây Thiên Ngọc Đàn nằm trong vùng giải phóng, bà con đạo hữu vẫn tự do cúng kính bình thường. Đặc biệt là vừa tu hành vừa tham gia kháng chiến cứu quốc: Tham gia Hội Cao Đài Cứu Quốc ở địa phương, đóng góp sức người tòng quân giết giặc, dân quân tự vệ bảo vệ quê hương, đóng góp của cải cho kháng chiến, tăng gia sản xuất đóng thuế nông nghiệp nuôi quân, v.v.

Từ năm 1949, giặc Pháp tấn công vào Đồng Tháp Mười, nơi các cơ quan đầu não kháng chiến của Nam Bộ đóng quân. Chúng

dùng không quân bắn phá, rồi tổ chức ồ ạt nhảy dù bao vây các cơ quan kháng chiến của Nam Bộ. Một số cán bộ bị bắt và hy sinh. Trong tình hình đó, Xứ Ủy chủ trương chuyển các cơ quan đầu não của Nam Bộ về miền Tây, vùng giải phóng rộng lớn, lại tựa vào rừng U Minh rậm rạp để kháng chiến lâu dài và an toàn hơn. Cơ quan Trung ương Hội Cao Đài Cứu Quốc và Hội Thánh Duy Nhất cũng chấp hành chủ trương chung là đại bộ phận chuyển về miền Tây, chỉ để lại một bộ phận nhỏ ở lại các tỉnh miền Đông.

Đầu năm 1950, cơ quan Cao Đài Cứu Quốc và Hội Thánh Duy Nhất đã chuyển về tới miền Tây, đặt chân lên vùng Vĩnh Thuận (tỉnh Rạch Giá), rồi về vùng Cái Tàu (tỉnh Cà Mau). Khoảng năm 1951, chuyển về Phong Lưu, Cái Giếng (Cà Mau). Cơ quan Trung ương Cao Đài Cứu Quốc và Hội Thánh Duy Nhất không cất trụ sở riêng mà sinh hoạt hội họp tại Thánh thất. Cán bộ cơ quan ở nhờ trong nhà của đạo hữu. Từ đây, Thánh thất Tây Thiên Ngọc Đàn coi như trụ sở chính của Hội Cao Đài Cứu Quốc và Hội Thánh Duy Nhất, trong thời gian từ 1951 đến cuối năm 1954. Thời gian này tại Thánh thất có nhiều đàn cơ Thầy dạy Đạo nhưng do sau này chiến tranh ác liệt, Thánh thất bị bom hủy hoại nên Thánh giáo hầu như không còn. May thay, có một đạo hữu còn giữ được một đàn cơ.

■

TÂY THIÊN NGỌC ĐÀN

TÝ THỜI, 29-9 NHÂM THÌN (1952)

BẠCH HẠC ĐỒNG TỬ. Tiểu Thánh chào tất cả đàn trung, Tiểu Thánh báo tin có Phụ Hoàng giá ngự, tất cả đàn trung để tâm trí lặng không mà nghe lời Thầy giảng dụ. Tiểu thánh xin xuất nghinh.

TIẾP ĐIỂN

THI

GIÁO truyền đạo đức để con thờ
CHỦ dạy linh căn để phụng thờ
CAO Thượng Chí Tôn vi chủ định
ĐÀI Trung nắm pháp để con nhờ.
Thầy các con. Thầy mừng các con.

Thầy miễn lễ cho các con được phép tọa thiền nghe dạy. Các con, Thầy nhắc lại, niên Giáp Tý (1924) Thầy cho Ngô Minh Chiêu xuống phàm truyền giáo. Mỗi Đạo Thầy vừa khai lập lại, nhơn sanh vì lòng dục vọng sanh nầy nhiều phái, nhiều chi.

Thầy giảng cơ linh cùng khắp mà dạy dỗ con lành, nhưng cũng phải dành để cho các con mỗi nơi tự chủ mặc tình chi phái. Đến năm Mậu Tý (1948), Thầy mới giao cho con Triều Phát và Hồng Tiên để lo cơ quy nguyên thống nhứt, nhưng Thầy trên Bạch Ngọc thánh đợi ngày chờ với vắng, bấm đốt mấy niên dư, nên nay Thầy chuyển cơ linh để cùng các con lo cơ quy nguyên thống nhứt.

Các con ôi! Mặc dù khó khăn cách trở, các con phải chung tâm hết trí để lo cho cơ đạo đắc thành mới phải là con yêu của Thầy đáng tin cậy đó. Thầy nhìn rõ mỗi con, chưa có hào hiệp, còn có thành kiến lẫn nhau, chẳng chung tâm nâng đỡ mỗi Đạo Thầy, khiến nổi cơ đạo chuyển, lòng cha thâm lăm đấy con.

Thầy nay đủ tam quyền chuyển khắp. Nơi Bát Quái Thầy chuông quản, phần Cửu Trùng Đài do con Triều Phát chuông quản, nơi Hiệp Thiên Đài là con Hồng Tiên hữu hình, còn Ngọc Tồn phụ trách, Anh con là Triều Phát. Vậy ba con là rường cột của cơ quy nguyên thống nhứt. Nay trẻ rắng lo hành tròn bốn

phận, đừng ty hiềm chi nữa, Thấy đau xót lắm con à. Ráng lo tròn trách vụ nghe con, nơi Bạch Ngọc rành biên danh con chói rõ.

THI

*Bản Ngọc Thấy trao con khá gìn
Để rành hai chữ thống nhơn sinh
Kể tay giao lại Cao Triều Phát
Chia sốt Hồng Tiên vẹn mỗi tình
Gánh nặng hai vai đồng nhịp bước
Thề rằng sẽ đến mức quang vinh
Tình Cha con ráng lo tròn nhé
Nghĩa Mẹ ơn sâu nghĩa của mình.*

BÀI

*Trẻ đã lãnh phần anh bảo vệ
Ráng hành xong trọng hệ Thấy giao
Thiên đình chiếu luật Công Tào
Như theo ý nguyện tùy vào nhơn sanh.
Là trọng trách đoàn anh dẫn lối
Xong phận là thúc hối đoàn em
Thơ để nhắn gửi trẻ em
Vẫy đoàn hiệp lũ anh em thuận tình.
Phận anh phải giữ gìn đạo đức
Sự cần chuyên thống nhất nhơn sanh
Thấy để cho trẻ đắc thành
Mới là hân chí làm anh dẫn đường.
Mình muốn đoạt biết phương hướng vật
Phải dọn mình trước nhất cho thông
Định con phải hiểu lấy công*

*Rõ ràng lòng trẻ chẳng chung hiệp hòa.
Quan hệ thẳng đường xa cũng rắng
Sắp bày trường những khoảng con theo
Rõ lời Thầy dạy với nào
Đáng trang anh kiệt Đạo Cao phụng thờ.
Ra lẽ phải Thầy chờ con lãnh
Tình đời nguy khổ hạnh theo thời
Chớ nên bỏ dở buông khơi
Lãng quên bốn phận, Cha Trời buồn than.
Lắng tai nghe rõ lời vàng
Thầy khuyên con trẻ mọi đảng nên ghi.
Luôn đây Thầy dạy thêm: Ngày lễ Hạ Ngươn tới đây, các
con sở tại tựu về đủ mặt châu thầy đông đúc, các con rắng núng
nính chen chúc thương yêu nhau. Ngày lễ, các con trong Ban Cai
quản sở tại tổ chức giản tiện vậy thôi, còn trong Ban Trị sự viết
thơ mời các con lân cận về ngay tam nhật: Thập tam, thập tứ,
thập ngũ. Ngọ thời thập tam khai mạc, Tý thời thập ngũ có đàn,
Mẹo thời bế mạc.*

Thầy ban ơn mỗi trẻ. Thấy phản giá. Thăng.

■

Từ năm 1951 đến cuối 1954, các chức sắc chức việc của Thánh thất như: Bảo Đạo Đoàn Hữu Giang, Giáo Sư Đài, Giáo Hữu Hương, Giáo Hữu Theo, Giáo Hữu Thiện, Giáo Hữu Huê, Giáo Sư Miên... đã đóng góp rất nhiều công sức cho hoạt động của Hội Thánh và cơ quan Cao Đài Cửu Quốc trong suốt thời gian cơ quan ở đây.

Đến năm 1954, chiến thắng Điện Biên Phủ đã xoay chuyển

tình thế. Chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Nước ta tạm chia hai miền theo Hiệp định Genève, sau hai năm sẽ hiệp thương thống nhất đất nước. Sứ mạng của Hội Cao Đài Cứu Quốc đã kết thúc. Một số cán bộ của Cao Đài Cứu Quốc và Hội Thánh Duy Nhất tập kết ra Bắc, còn phần lớn trở về lập Hội Thánh cũ hoặc chuyển vùng hoạt động, tránh sự khủng bố của nhà cầm quyền. Chính bốn đạo của Thánh thất Tây Thiên Ngọc Đàn đã chứng kiến cảnh chia ly này. Cảnh người ra đi bịn rịn, người ở lại buồn ngùi. Kẻ ở người đi khó có ngày gặp lại.

Từ năm 1955 đến 1975, người ở lại Thánh thất cùng cố tổ chức Đạo để tu tập, đồng thời nhiệt tình tham gia kháng chiến chống Mỹ. Đến khi đất nước độc lập thống nhất, Tây Thiên Ngọc Đàn có nhiều tín đồ hy sinh được công nhận Liệt Sĩ, Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, một Anh Hùng Lực Lượng Vũ Trang (Phạm Thị Bay).

Năm 1969, sau nhiều lần ngăn nghé Thánh thất Tây Thiên Ngọc Đàn, một công trình đồ sộ giữa cánh đồng mênh mông, máy bay Mỹ ném bom oanh tạc, Thánh thất tan hoang, đạo hữu rất đau lòng.

Năm 1970, đạo hữu góp công sức xây dựng một thánh thất tạm bằng cây lá để có nơi thờ cúng Ông Trên và có chỗ cho đạo hữu về cúng kính. Lúc này Giáo Sư Miên làm Đầu Họ Đạo.

Từ năm 1975, Giáo Hữu Nguyễn Văn Thiện làm Chánh Trị Sự và Giáo Hữu Trần Văn Miên là Trưởng Ban Cai quản.

Năm 1982-1983, Thánh thất được xây dựng bằng ngôi nhà cấp bốn. Năm 2002, Giáo Sư Đoàn Hữu Đức, Đầu Họ Đạo vận động đạo hữu góp công sức xây dựng kiên cố được Cửu

Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài; đến năm 2015, ông Đoàn Hữu Tài mới xây tiếp được Bát Quái Đài. Như vậy, đến cuối năm 2015, Thánh thất Tây Thiên Ngọc Đàn mới có đầy đủ Tam Đài thể hiện Thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế, tín hữu Cao Đài nơi đây mới có được niềm vui trọn vẹn. Hiện số đạo hữu chỉ còn lại 160 người, cuộc sống ổn định, hành đạo độ đời, xây dựng cuộc sống an vui hạnh phúc.■

CÀ MAU, MÙA THU PHÂN



THÁNH GIÁO

(...)

Chư đệ muội gánh gồng cơ nghiệp,
Hãy dốc lòng tạo dịp duy trì,
Nếp xưa giáo lý phát huy,
Tài năng sáng kiến tinh vi dồi dào.
Lòng tín đạo cốt sao hiểu đạo,
Có hiểu rành mới bạo hy sinh,
So sánh, phân tích, biện minh,
Thấu cơ đạt lý, thấu tình phụng Thiên.
Đạo hằng tại không riêng một chỗ,
Đạo hằng thường không bỏ mặt nào,
Cao Đài bao quát rộng sâu,
Đạo xưa ý mới, cốt sao vững vàng.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CQPTGLĐĐ, 15-10 BÍNH DẦN.

VỌNG CỔ

90 NĂM KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

■ CHÍ THẬT

THƠ

*Dưỡng dục quần sanh đức hiếu sanh,
Khai Minh Đại Đạo, Đạo tài thành,
Tam Kỳ tận độ an thiên hạ,
Thánh đức âu ca chuông phước lành.¹*

LÝ BÔNG DỪA

Bính Dẫn bùng sáng danh Cao Đài,
Kỳ Ba ân xá Khai Minh độ lẫn chúng sinh,
Niềm tin sức sống dâng tràn, thanh thoát nhẹ nhàng trên bước
đường tu.
Thành tâm thấp nén hương thanh, cầu Trên ơn lành ban bố
miền trần gian. (2 lần)

VỌNG CỔ

1. Đại Từ Phụ lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nơi vùng Đông Nam
Á, chọn mảnh đất Việt Nam đắp xây nền tảng... Cao... Đài.
Trải qua bao tháng rộng với năm dài.
Ổn cứu độ gởi trao đoàn người sứ mạng, dụng tình thương
cảm hóa muôn triệu sanh linh.
Đang lặn hụp trong sông mê bể khổ, câu thúc trong cảnh lục
đạo luân hồi.

1. Đức Chí Tôn, CQPTGLĐĐ, 15-10 Quý Sửu (09-11-1973).

Ánh sáng Đạo vàng trong thời mạt hạ, chiếu rọi huy hoàng nơi
miền trần thế.

THƠ

*Con thiết lễ Khai Minh Đại Đạo,
Thầy giảng lâm chỉ giáo chơn cơ,
Bấy lâu luống những đợi chờ,
Chờ con cất gánh Đồ Thơ quy về.²*

2. Đại Đạo hoàng khai chín mươi năm chẵn, chúng sanh tường
tận phương thức tu hành.

Cải ác từng lương bỏ dữ về lành.

Gieo mỗi chơn truyền trong buổi phù thai, từng bước hướng
dẫn đến chỗ cao siêu.

Ngoại giáo công truyền hay Nội giáo tâm truyền, đều tuân
theo mạng lệnh của Đại Từ Phụ.

Cho cả chúng sanh biết Thầy hiểu Đạo, cải tạo thanh bình nơi
cõi thế gian.

THƠ

*HIỆP sức mà lo phổ Đạo Trời,
THIÊN lương có sẵn mỗi con người,
ĐẠI công đại đức tà Trời Đất,
ĐỂ vị muôn đời mãi sáng soi.³*

VỌNG CỔ

5. Kỳ Ba đã lộ bóng cờ Đại Đạo phất phới tung bay trước nhân
loài giữa thời mạt kiếp, một cứu cánh hy hữu của Đức Thượng
Đế... Cao... Đài.

2. Đức Chí Tôn, CQPTGLĐĐ 15-10 Quý Sửu (09-11-1973).

3. Đức Quan Thánh Đế Quân, Ngọc Minh Đài, 14-6 Ất Tỵ (12-7-1965).

Chiêu hiền đãi sĩ quý trọng nhân tài.

Gióng tiếng chuông linh khơi nguồn mạch sống, sứ mạng Kỳ
Ba của dân tộc non sông.

Dẫn đường cho nhơn sanh về nơi Thánh địa, giải thoát mê đồ
khai sáng tâm linh.

Góp sức kiến tạo thái bình an lạc, cho trang sử xanh ghi tạc
muôn đời.

LÝ ĐÊM TRĂNG

Mùng ngày Khai Minh, Bính Dần năm hai mươi sáu, tiếng
chuông linh, tìm phương cứu đời, ngập tràn ân điển quang
tháng mười.

Buổi sơ khai, ân hồng lớp người tiền phong,
Thánh ân Thầy chan rưới khắp, khúc yêu thương thăm tình
quê hương, là ngày muôn dân chung sống trong hòa bình
hạnh phúc.

Khắp non sông bùng lên ánh hồng,
Ngày Khai Minh dưới trên chung lòng,
Đời an vui hát câu thanh bình.

(Trở về vọng cổ)

6. Khai Minh Đại Đạo càn khôn an định, thấp sáng tâm linh,
vũ trụ an bài.

Chung sức nhau chèo thuyền Đại Đạo,

Dù cam go tấn tảo đừng than,

Lý chơn dậm thẳng một đàng,

Ngày thành Đại Đạo Thiên Hoàng điểm công.⁴■

4. Đức Phật Thích Ca, Huân Cung Đàn, 08-4 Tân Sửu (21-5-1961).

VIẾT NGẮN 16

TẢN VĂN

Hè & Mưa, Xa & Gần



■ TỪ LA LAN

--HÈ

Mùa hè của đời người đang rời bỏ Hiên. Lâu lâu, anh vẫn nghe chút gió xuân xa xôi vọng về. Nhưng những chiếc lá vàng mùa thu, nét đẹp rất riêng tư với những mạch gân đỏ ứa, mới là kẻ đang thì thầm lời nhắc nhở. Nỗi niềm chiếc lá, cũng là nỗi niềm mùa thu đời người. Khát vọng vẫn bỗng bẽnh, dòng yêu (nhiều lắm: Con người, sông núi, hoa cỏ, thêm vắng, trăng mây... giọt sương níu nhánh cây khô, cánh chuồn lưu luyến màu tím hoa lục bình, dáng rêu phong triển đá núi, lời tuổi đếm ngò thời gian...) vẫn như sông cố giữ chân ga trôi chậm, sợ chảy nhanh

sẽ mau đến lúc ngừng, lại mơ màng mong mau thấm vào lòng những bến lạ phía chân mây... Mai Linh từng ngâm ngùi:

Người đà xấp xỉ bốn mươi

Ngẩn ngơ rơi lá, ngẩn người rơi xuân

Hồng xác pháo dưới gót chân

Quay về nhan sắc có gần không em

Tuổi vào hạ, là bên triền bóng xế. Chút tĩnh lặng ít ỏi giữa bao xôn xao cuộc làm người, chợt nghe tiếng chuông thánh đường vừa quen vừa lạ:

Rừng thiền nhật thúc tiếng chuông trưa

Phước gặp về Ta buổi đã vừa...¹

--XA

Hồi nhỏ, từ sáu tuổi, Hiên đã được ba dạy đọc kinh cúng tứ thời hàng ngày, hai tháng sau là thuộc nằm lòng, áo dài khăn đóng quen thân như bạn học. Giờ, nhà anh vẫn bàn thờ nghiêm trang xưa, nhưng lời kinh tiếng mõ đã được thay thế bằng sự tĩnh lặng những thời thiền. Con gái Hiên, bé Bơ, mười bốn tuổi, vẽ đẹp, ngoan và học giỏi. Thiếu âm thanh hình tượng, nên bé Bơ giờ vẫn xa lạ với Cao Đài.

Theo quy định của Giáo Hội Ki Tô, tất cả trẻ em thuộc các gia đình có đạo dòng đều phải được làm lễ rửa tội không quá một tháng sau khi sinh. Các em được hít thở không khí thánh đường từ rất sớm, nên dễ dàng theo đạo gia đình. Cao Đài chưa

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 02-02 Đinh Mão (05-7-1927).

có truyền thống này, nên khi nhìn lại thời gian, Hiên lo không kịp đem món gia bảo hạnh-ngộ-Cao-Đài từ ông nội gửi lại cho con.

Sáng chủ nhật, là ngày Bơ được ngủ nướng (nướng nguyên bơ). Đánh răng, nhe hàm răng khoe với tấm kiếng, Bơ hỏi:

– Ba, răng con có hô không?

Hiên trả lời không một giây nghĩ ngợi.

– Sao không. Hô triển miên, hô long lanh khi nắng đến, hô bẽn lẽn lúc chiều dĩa...

Bơ ngậm miệng, bĩu môi.

– Con hô đầy đau khổ mà ba rao như hột gà nướng với bắp xào vậy!

Ngừng đong đưa trên chiếc võng, Hiên cũng tạm dừng đọc báo, ngoái nhìn về phía nỗi đau, an ủi:

– Mà con hô đâu có phải hô tầm thường, hô trị giá bốn chục triệu.

– Chỉ dữ vậy ba?

– Đi niềng. Hiên cố để lộ liễu tiếng thở dài lê thê, như đếm toàn tiền lẻ.

– Vậy có ai hô ra trán hông ba?

Biết lại sắp dính đòn, Hiên méo miệng, ngó Bơ lom lom phòng thủ.

– Vậy hả! ai hô ghê vậy con?

Bé Bơ lau mặt, vờ bí ẩn, rồi phán:

– Ba. Cái hô móc họng của ba.

Ôi, núi cao và sông sâu, xin xót thương cho cái trán thông minh quấy rầy của Hiên, mà lại chứa đằng sau đó một cái hô trều tượng là vậy. Ngồi gãi mớ da đầu, chợt văng ra chút ánh sáng.

– Vậy đổ con, con gì hô nhất?
– Ý ba muốn nói con Bơ chứ gì.
– Trật.
– Vậy con cá sấu. Bé Bơ vừa nói vừa diễn xuất chiều dài của nửa mét mỡ.

– Trật lắt, con hổ.
Lâu lâu, Hiền mới được ngắm chút ngạc nhiên của Bơ:
– Sao con hổ mà hô vậy ba?
– Vì nó hô mà còn hỏi! Khà khà – Hiền cười đắc thắng –
Nhưng có những cái hô còn vĩ đại hơn nữa.

Không thèm liếc về phía hàm răng trên đang che khuất cả giếng trời, Hiền ngước lên trần, mượn đỡ ánh mắt của Socrates để như chiêm nghiệm một khoảng xanh đang đậu trên trần thạch cao màu trắng. Mặc cho triết học khoa khuỷ, anh mượn một cung phim trầm thấp nhất có thể, rồi cất giọng dè dặt để nhập vai chính phim kinh dị.

– Một người kiêu ngạo, là một cái ta bị hô về phạm trù tinh thần. Họ lầm tưởng rằng mình thật cao quý, nhưng trong bộ não đang trộn ít tàu hũ!

Bơ quay đầu nhìn tôi lom lom, rồi bàn:

– Đó là thứ ba ăn chay đó nha...

Từ nhỏ, mỗi khi xin trái cây trên bàn thờ, bé Bơ đều được dạy phải chấp tay xá cho kính cẩn. Trưa nay, sau khi xá và thỉnh nguyện chum nho, Bơ hỏi:

– Ba, ba có gặp Thầy chưa?

– Chưa con.

– Vậy sao ba tin có Trời?

Hiên thăm dò:

– Giống như con tin có điện, dù con không thấy nó đâu.

Không chờ lâu, bé Bơ ra đòn:

– Con nhìn thấy điện xẹt khi mẹ cắm bàn ủi. Khi nhà mất điện là không mở được ti-vi, quạt máy. Điện có mặt rõ ràng, nó làm quay đồng hồ điện. Còn Ông Trời, con chưa thấy bao giờ, mà chắc ba cũng vậy.

Đằng hẵng giữ giọng, rồi Hiên chọn cái tông du dương nhất có thể.

– Thấy là tình thương, dù con không rờ được, nhưng tình thương ấy có mặt khắp nơi. Thứ gì mình không nhìn thấy được, thì nên cảm thấy cho được.

Bé Bơ bậm môi, miệng xếch về một bên gò má.

– Khi quỳ trước bàn thờ, con chỉ cảm nhận một điều rõ ràng: Đau hai đầu gối quá xá...

Hai bằng đại học, mê đọc sách và nghiên văn chương, Hiên vẫn thường thua khi đối đầu với suy nghĩ của bé Bơ. Đành tự mình an ủi:

Nhút đại tạng kinh đô khán tận

Bất tri thù thị cá trung nhơn

--MƯA

Một ngày mưa. Hiên ngồi ngắm nhìn từng giọt mưa ngoài sân. Trịnh Công Sơn đang lảng đãng đâu đây: “Tôi thu tôi bé lại, làm mưa tan giữa trời”. Đời của cơn mưa thật ngắn ngủi. Đời của hạt mưa càng mong manh. Vậy mà mưa và hạt vô cùng thân nhiên trước sự tạnh lặng, tan vỡ giữa miền vô thường.

Con người, ai cũng có riêng mỗi cuộc đời giữa hồng hoang
mênh mông, y như chút riêng trong từng giọt mưa.

Mở lòng đếm giọt mưa rơi

Đời mưa đời hạt thành thời vô thường

Khói sông mát mặt phong sương

Cây soi bóng nguyệt hỏi đường thiên thu

Dưới cơn mưa. Có người tắm mưa, có người tắm lòng,
có người nhớ nhung, có kẻ trách hờn, một ai đó lại không
dưng buồn man mác... Vô cùng nổi niềm. Trên con đường,
mấy người biết đi; Đi rồi mấy ai biết đến... như trên một thửa
ruộng, có người cày suốt đời mà không bao giờ biết gặt. Nên
khi dõi theo nhân gian, Đức Thích Ca cất lời than thở:

Lộ vô nhơn hành, điễn vô nhơn canh

Đạo vô nhơn thức, ta hồ tận chúng sanh!

--GÂN

Hai năm nay, Hiền tập ngồi thiền theo pháp môn Cao Đài.
Anh được học mười hai phép thể dục dưỡng sanh của tiên gia
có tên Thập Nhị Cẩm Đoạn. Từ ngày đó, bệnh ít ghé, và mỗi
mệt lướt qua rất nhanh. Bé Bơ thường đi qua đi lại quan sát.

– Ba tìm gì mà ngồi lâu vậy ba?

– Ba tìm thuốc con ạ. Hiền trả lời sau một chút suy nghĩ.

Bơ hỏi tiếp như đã để dành sẵn mấy câu hỏi.

– Ba là bác sĩ, thuốc đầy nhà, ba ngồi kiểm thuốc chi nữa?

Hiền nhớ truyện Tây Du Ký anh từng say mê. Nhỏ, đọc
khoái cái khoái của tuổi thơ. Lớn, mê mẩn cái ý đạo thâm trầm
của tuổi... mê thơ (thiệt ra là tuổi già). Lúc nào Tế Thiên cũng

đi trước dẫn đường. Tôn Ngộ Không là cái “ý” dẫn bước chân hành giả. Bạch Mã chở Tam Tạng trên lưng, như cái “tâm” chở “thuốc”. Phải chí tâm mới trưởng dưỡng được tiền đơn. Những điều này quá cao siêu để giải thích cho con hiểu. Hôm nọ, đạo huynh chánh hội trưởng có hỏi Hiên “Sao không đưa con đến thánh thất học đạo?” Hiên gãi tai rồi thưa: “Em nhìn thấy sinh hoạt thiếu niên chưa ngon, nên chờ thêm”.

Anh trả lời ôn tồn:

– Ba kiếm thuốc trường sinh. Thuốc này hiện giờ chưa có ai bán con ạ...

Con đường tìm thuốc Tiên không dễ dàng như con đường học Y. Phải có cơ duyên từ nhiều tiền kiếp. Cái duyên ấy, có khi không song hành với tri thức. Dù thoáng qua, cũng không nhiều người có được cái cảm nhận của Hồ Dzếnh: “Cho tôi thoáng cảm mùi nhang/ Hình dung xa vắng cung đàn rồi thôi.” Thiếu duyên, một Tiến Sĩ khoa học thông minh vẫn không sao thấu được “chiều không gian thứ ba” – Tâm linh – của con người, bên cạnh thể xác và tinh thần. Đó là cái cỗi riêng nhất trong những cái riêng:

Chích cánh vui riêng con hạc lãnh

Ngửa thuyền còn đợi nhánh tùng rơi.²

Lời xưa có câu: “Nhứt nhứt chi kế tại ư Dẫn/ Nhứt niên chi kế tại ư Xuân.” Dẫn và Xuân, đang xa dẫn Hiên. Bé Bơ chính là Dẫn và Xuân của Hiên, mà cũng là của Đạo nữa. Mai mốt lớn lên, Hiên lo những bốn ba đường học vấn, những truân chuyên tình cảm sẽ càng dễ làm Bơ xa hơn đường đạo.

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, TNHT, 09-9 Tân Mùi (26-4-1931).

Hiên tự nhủ. Đời mình còn mùa thu và mùa đông, tuổi đời trăm năm còn chờ gọi nầu sống. Dạy con, không phải từ lời nói, mà chính từ cách sống, cách cư xử trong từng ngày sẽ tới.

*Nầu sống tánh gọi dành trăm tuổi
Chung đỉnh đường qua trót một thì
Gương sáng phước Trời soi hậu tấn
Chờ Xuân khai chiết đắc mai chi.³■*

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 10–11 Bính Dần (14–12–1926).



THÁNH GIÁO

Tu thân là chúc bảo thân,
Tập rèn đạo đức là phần vinh quang.
Với đời chung bước chung đường,
Đỡ nâng dìu dắt khó khăn chớ từ.
Gìn lòng giữ một tâm hư,
Đừng lo danh lợi riêng tư dễ dành.
Tu là giữ một chí thành,
Nội tâm ngoại thể học hành cho thông.
Giữ gìn sẵn có chủ ông,
Trên đường tu học ân hồng rưới chan.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, 15-01 KỶ MÙI.

nhân đọc

“NHẬP MÔN NGHIÊN CỨU DỊCH THUẬT”

■ BS NGÔ VĂN LONG*

Thân tặng dịch giả Trịnh Lữ

N*hập môn Nghiên cứu Dịch thuật* là một tài liệu giáo khoa của một bộ môn mới là Nghiên cứu Dịch thuật, chủ yếu dùng cho sinh viên đại học, nên được trình bày rất cẩn kẽ thậm chí là quá chi tiết cho những người chỉ quan tâm đến dịch thuật với tư cách người thích đọc văn học dịch. Sách này nghiên cứu về mọi dạng dịch thuật “văn học” và “ngoài văn học”.

(Ở đây tôi muốn dùng cách phân loại “ngoài văn học” và “văn học” thay vì kiểu phân loại “non-fiction” và “fiction” (thường được dịch là phi hư cấu và hư cấu) như người Mỹ hay dùng. Hai cách phân loại này hơi khác nhau: Một bút ký là “phi hư cấu” (non-fiction) nhưng vẫn là “văn học”. Mà trong dịch thuật thì dịch văn học đúng riêng một cõi so với các loại dịch “ngoài văn học”).

Sách bàn chung về mọi loại dịch thuật nên ngoài những vấn đề về văn học còn đem lại cho độc giả nhiều kiến thức bổ ích

* Đại học Y Khoa Sài Gòn, nguyên phó giám đốc bệnh viện Đa Khoa Tây Ninh – BBS.

thứ vị về một số loại dịch ngoài văn học khác như dịch các văn kiện pháp luật, văn bản hướng dẫn, v.v. Qua đó mới thấy rằng dịch thuật rất phong phú và tùy nhu cầu, tùy tình huống mà người ta có những cách dịch nhiều khi rất khác nhau.

Tác giả *Nhập môn Nghiên cứu Dịch thuật* cung cấp một tổng quan về những công việc mà các học giả đã thực hiện được trong lãnh vực nghiên cứu dịch thuật từ xưa tới nay. Sách cho ta một liệt kê khá phong phú về các lý thuyết dịch thuật.

Có điều, vì là sách nhập môn nên khá nhiều vấn đề dịch thuật chỉ được lướt sơ, chạm phớt, khiến người đọc không khỏi tiếc rẻ khi không được đi sâu tìm hiểu. Chưa kể nhiều vấn đề hình như cũng chưa được giải quyết thoả đáng.

Tác giả đã trình bày ngọn ngành cách mà các học giả đã phân loại, phân tích các vấn đề. Rất nhiều những vấn đề về dịch thuật mà trước nay đôi khi ta chỉ nghĩ thoáng qua hoặc chỉ bàn sơ trong khi nói chuyện hoặc tranh luận thì qua đây mới thấy rằng chúng đã được các học giả phát hiện ra từ khá lâu và bàn cãi, nghiên cứu khá kỹ càng. Như các vấn đề về Tín Thần Chân (không thấy bàn về Tín Đạt Nhã), Dịch chữ hay Dịch Nghĩa, Dịch Ngũ Nghĩa và Dịch Truyền Đạt, Tương Xứng và Tương Đương, v.v.

Dịch ngoài văn học thường có những yêu cầu rất cụ thể và thường là đơn giản đối với bản dịch, nên chiến lược dịch không có nhiều tranh cãi: Yêu cầu của bản dịch sẽ quyết định ta phải dịch như thế nào. Chất lượng bản dịch đạt hay không cũng dễ dàng đánh giá, vì bản dịch nào đáp ứng nhiều nhất yêu cầu đưa ra trước khi dịch thì đó là bản tối ưu. Mà các

bản dịch ngoài văn học gần như chỉ có một yêu cầu chung là cung cấp thông tin một cách chính xác và trực tiếp nhất cho người đọc.

Nên theo tôi, khó khăn nhất, phức tạp nhất vẫn nằm trong nhóm dịch văn học, có vô số những vấn đề nan giải. Nhưng sách *Nhập môn Nghiên cứu Dịch thuật* không đặt trọng tâm vào dịch văn học, có lẽ nhu cầu đào tạo các nhà dịch thuật ngoài văn học là nhiều hơn nên tỷ trọng bàn về dịch văn học trong sách này là khá khiêm tốn. Tuy nhiên, những trình bày của sách về các nghiên cứu của các học giả trong lãnh vực liên quan cũng đã giúp người đọc thấy rõ hơn một số vấn đề, phần nào rọi sáng những tranh cãi còn dang dở.

Khép sách lại, người đọc, nhất là đọc văn học, hình như còn rất... ảm ức, tấm tức vì tác giả bày ra một bữa tiệc nhưng chỉ cho chúng ta nhìn và ngửi thôi chứ chưa cho... ăn! Nên mới có bài viết này. Và dưới đây sẽ là suy nghĩ của một người bàn về những món ăn anh ta được ngắm nhìn, hít ngửi nhưng chưa được... nếm thử!!! Nên dĩ nhiên sẽ có nhiều bất cập...

HƯỚNG TÁC GIẢ HAY HƯỚNG NGƯỜI ĐỌC

Theo chủ quan của người viết, các cách phân loại, các cuộc tranh luận rốt cuộc cũng xoay quanh hai vấn đề chính của dịch thuật, hai vấn đề đã được đặt ra từ rất lâu, và tới nay hình như vẫn chưa được giải quyết rốt ráo, hai vấn đề đã được tác giả dùng mấy từ rất đắt để chỉ: Bản dịch nên hướng tác giả (hướng văn bản nguồn) hay hướng người đọc (hướng văn bản đích)?

Vì rằng nguyên tác (văn bản nguồn) thuộc về một ngôn ngữ,

một quốc gia, một nền văn hóa riêng, mà bản dịch (văn bản đích) lại thuộc về một ngôn ngữ, một quốc gia, một nền văn hóa khác, nhiều khi khác rất xa văn hóa của văn bản nguồn!

Nên... Nếu cố hết sức để bản dịch gần với văn hóa đích thì đó gọi là hướng độc giả, hướng văn hóa đích, hướng văn bản đích. Có thể gọi đó là bản địa hóa bản dịch.

Ngược lại, nếu cố hết sức để bản dịch gần với văn hóa nguồn thì đó gọi là hướng tác giả, hướng văn hóa nguồn, hướng văn bản nguồn. Tạm gọi là ngoại lai hóa bản dịch.

• **Bản địa hóa** là làm sao cho bản dịch trở nên trôi chảy, dễ đọc, gần gũi với người đọc.

Để đạt được điều này người ta có thể:

- Thay các thành ngữ nước ngoài bằng thành ngữ bản xứ.
- Sửa câu văn sao cho trở nên trôi chảy đối với người đọc bản xứ.
- Bỏ bớt những đoạn gây phản cảm cho người đọc bản xứ vốn ở một nền văn hóa khác có những cảm nhận khác văn hóa nguồn (văn hóa của nguyên tác).
- v.v.

• **Ngoại lai hóa** bản dịch là cố giữ nguyên bản sắc của nguyên tác dù điều đó có thể làm người đọc thấy khó chịu vì:

- Bám quá sát cách hành văn trong nguyên tác, vốn không đồng văn với người bản xứ, khiến cho văn chương trúc trắc xa lạ.
- Giữ nguyên các thành ngữ trong nguyên tác dù gây khó hiểu hơn nếu so với việc thay nó bằng một thành ngữ tương đương trong văn hóa đích.
- Cố gắng dịch đầy đủ những đoạn rất riêng, rất đặc trưng

của nguyên tác liên quan tới văn hóa nguồn dù có thể gây khó chịu, khó hiểu hay chán, buồn nản cho người đọc bản xứ.

– v.v.

Hai khuynh hướng này nhiều khi rất mâu thuẫn. Muốn phổ cập trong số đông người đọc người ta thường làm theo khuynh hướng bản địa hóa. Áp lực này cũng tới từ các nhà xuất bản muốn tăng số độc giả, từ chính dịch giả muốn bản dịch mình được phổ biến càng rộng càng tốt, hoặc do dư luận báo chí thường không thích những cách hành văn xa lạ, khó đọc mà thích một lối văn trôi chảy, trong sáng, dễ hiểu.

Nhưng nhiều dịch giả lại muốn tìm cách “xô” người đọc vào một nền văn hóa xa lạ mới mẻ!! Sự xa lạ không chỉ ở không khí khung cảnh câu truyện trong tác phẩm mà cả ở câu văn câu chữ, cấu trúc tác phẩm. Không chỉ lạ mà còn cả mới (mới cả với người đọc được nguyên tác). Nên họ muốn giới thiệu cho người đọc một bản văn thật gần, thật trung thành với nguyên tác. Những dịch giả này như vậy sẽ muốn đưa ra một bản dịch hướng văn hóa nguồn.

Nên vấn đề ở đây chung quy sẽ là:

- Nên bản địa hóa, hay
- Nên ngoại lai hóa bản dịch.

NHÌN LẠI LỊCH SỬ

Nếu đọc bản *Kim Vân Kiều truyện* của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân thì ta sẽ thấy Truyện Kiều là một bản “viết lại siêu đẳng” của quyển đó. Và Nguyễn Du đã bám khá sát nguyên bản. Chúng ta chẳng nên tự ái về chuyện này vì ở các thế kỷ

trước, chuyện tác giả này mượn cốt truyện của tác giả khác là rất thường, rất nhiều tác phẩm của Shakespeare chẳng hạn, cũng lấy cốt truyện từ truyện các nước Bắc Âu, ta biết tên đầy đủ của vở *Hamlet* là *Hamlet, Hoàng tử Đan Mạch!!!*

Các tác phẩm dịch lòng lầy của văn học Việt Nam như *Chinh Phụ Ngâm* và *Tỳ Bà Hành* đều có thể coi như những bản dịch theo kiểu “viết lại” đó.

Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn viết theo thể nhạc phủ, được Đoàn Thị Điểm (hay Phan Huy Ích?) viết lại theo thể song thất lục bát. *Tỳ Bà Hành* của Bạch Cư Dị gồm 88 câu thất ngôn bảy chữ, được Phan Huy Vịnh (hay Huy Thực?) viết lại cũng theo thể song thất lục bát.

Những năm đầu thế kỷ 20, có Hồ Biểu Chánh, một trong những nhà văn đầu tiên của Việt Nam, nhiều tác phẩm của ông được viết phỏng theo các danh tác của nước ngoài như *Ngọn Cỏ Gió Đùa* viết dựa theo *Les Misérables* của Victor Hugo, *Cay Đắng Mùi Đời* dựa theo *Sans Famille* của Hector Malot. Trong *Cay Đắng Mùi Đời* của Hồ Biểu Chánh thì *Sans Famille* (*Không gia đình*) được Việt hóa hoàn toàn với các nhân danh địa danh đều là Việt Nam.

Tới bản dịch *Vô Gia Đình* của Hà Mai Anh sau này thì tên nhân vật Rémi được chuyển thành Lê Minh, nhân vật Mattia thành Mã Tư, chú khỉ Jolie-Cœur thành Hào Tâm... nhưng khung cảnh thì vẫn là nước Pháp.

Đến bản dịch *Không Gia Đình* của Huỳnh Lý sau đó nữa thì là một bản dịch rất sát, nhân danh địa danh chỉ phiên âm chứ không Việt hóa.

Một tác phẩm khác của một tác giả người Ý Edmond de Amicis được dịch ra tiếng Pháp với nhan đề *Les Grands Cœurs*, viết về đề tài học đường, tác phẩm rất được quan tâm ở Việt Nam. Thoạt tiên cuốn này được nhà giáo Cao Văn Thái dịch ra tiếng Việt với tựa đề *Dưới Mái Học Đường*. Đây là bản phỏng dịch, hay gọi là “viết lại” cũng đúng, truyện được Việt hóa hoàn toàn, dịch giả đưa cả một buổi chào cờ với quốc ca Việt Nam vào một chương trong sách. Sau đó, một nhà giáo khác là Hà Mai Anh dịch với tựa *Tâm Hồn Cao Thượng*. *Tâm Hồn Cao Thượng* được dịch sát hơn, nhưng tên các nhân vật được nửa phiên âm nửa Việt hóa, như nhân vật chính chẳng hạn, có tên là An Di. Sau đó nữa, tác phẩm này được dịch giả Huỳnh Lý dịch với tựa là *Những Tâm Hồn Cao Cả*. Tới đây thì tác phẩm đã được dịch sát hơn nữa, nhân danh địa danh chỉ phiên âm mà không Việt hóa.

Chỉ nhìn cách xử lý nhân danh địa danh của các dịch giả ta có thể thấy khuynh hướng dịch thuật biến chuyển ra sao qua các thời kỳ: từ cách đặt lại hoàn toàn bằng tên Việt như Hồ Biểu Chánh làm, qua cách nửa phiên âm nửa dịch của Hà Mai Anh (Rémi thành Lê Minh, Mattia thành Mã Tư...), rồi tới cách phiên âm đơn thuần của bản dịch Huỳnh Lý...Ngày nay, người đọc và dịch giả thậm chí gần như ngấm đồng thuận để nguyên tên bằng ngoại ngữ chứ không phiên âm nữa, chứng tỏ rằng khuynh hướng ngoại lai hóa ngày càng chiếm ưu thế. Rõ ràng xu hướng của các dịch giả là chuyển dần từ bản địa hóa triệt để qua ngoại lai hóa từng phần.

Văn học Trung Quốc thời kỳ bắt đầu dịch truyện Tây phương cũng có những tác giả phỏng dịch rất giỏi, có những người không

rành ngoại ngữ lắm cũng phóng tác các truyện nước ngoài thành truyện có khung cảnh Trung Quốc và cũng rất ăn khách.

Có thể nói giai đoạn đầu khi các nền văn hóa mới bắt đầu tiếp xúc với nhau đòi hỏi các bản dịch phải bản địa hóa rất mạnh khi muốn đưa đến người đọc những tác phẩm có nguồn gốc xa lạ từ các nền văn hóa khác. Giai đoạn này thậm chí các “dịch giả” nhiều khi không buồn ghi chú là mình phóng tác một tác phẩm nước ngoài!! Một (trong nhiều) nguyên nhân là họ sợ làm vậy sẽ khiến người đọc mất cảm tình với tác phẩm: Đọc giả vẫn còn có những thành kiến bảo thủ không chấp nhận những gì quá khác biệt với chính họ, đó là thời người ta còn gọi người phương Tây là bọn mũi lõ mắt xanh hay bọn quỷ Hồng Mao!!!

Chỉ khi trải qua thời gian rất dài với rất nhiều biến cố, rất nhiều biến dẫu, con người ta bắt đầu quen dần, hiểu dần những nền văn hóa xa lạ ở nơi xa xôi cách biệt, và việc tìm hiểu thế giới rộng lớn xung quanh trở thành một nhu cầu mạnh mẽ thì khi đó văn học bỗng trở thành một nhịp cầu, một ống viễn vọng để nhìn ra thế giới, tới những chân trời xa lạ, những tâm hồn, những con người xa lạ. Khi ấy người ta mới bắt đầu đòi hỏi một bản dịch phải đem tới thật đúng cái hương xa của những xứ sở lạ lùng (dù vẫn thật gần gũi về tâm hồn). Lúc này dần dần các bản dịch bắt đầu hướng về nguyên tác, bắt đầu cho thấy bản sắc của nguyên tác về nhiều mặt, từ nhân danh, địa danh, tới các phong tục tập quán của những xứ sở xa xôi, v.v. và cuối cùng là trình bày trước đôi mắt tròn xoe của người đọc những lối văn chương phá cách, nhiều khi kỳ lạ, thậm chí... kỳ cục của những tác giả phương xa.

CÁC THÀNH NGỮ

Nguyễn Hiến Lê khi dịch *Chiến Tranh và Hoà Bình* của Liev Tolstoi có trong tay tới mấy bản dịch trung gian: bản tiếng Pháp, bản tiếng Anh và bản tiếng Việt (đều dịch thẳng từ nguyên tác tiếng Nga). Chỉ một câu thành ngữ Nga mà ông có tới 3 “dị bản” để chọn lựa, vì không phải ai cũng dịch sát mà có bản chỉ phỏng dịch:

“Erma Erma không lo trồng rau, chúng đánh đau đừng trách”

“Erma Erma sao không ở nhà mà quay xa”

“Trêu cò cò mổ mắt”

Nguyễn Hiến Lê không đọc được bản tiếng Nga nên rất bối rối, chỉ có thể suy luận để đoán xem câu thành ngữ Nga kia thực ra nguyên gốc là thế nào!

Vì ngôn ngữ dân gian xứ nào cũng vậy, đầy rẫy các thành ngữ, cho nên khi tiến hành dịch ta thấy rất đông các dịch giả cố tìm bằng được một thành ngữ tương đương trong ngôn ngữ đích (ngôn ngữ của bản dịch) để thay cho một thành ngữ trong ngôn ngữ nguồn (ngôn ngữ của nguyên tác). Và họ rất thích thú, rất đặc ý nếu tìm được một thành ngữ tương tự để chuyển qua.

Xưa kia khi các dịch giả làm công việc bản địa hóa bản dịch thì việc này là cần, là thích hợp. Nhưng ngày nay, là thời đại các nền văn hóa xâm nhập, tìm hiểu lẫn nhau, thì độc giả khi đọc tới câu thành ngữ nọ sẽ dừng lại và thắc mắc: “Không hiểu bên đó họ có một thành ngữ giống y xứ mình như vậy không nhỉ?”

Thành ra khi một dịch giả thích thú vì tìm được một thành ngữ cũ kỹ quen thuộc tương đương về nghĩa trong ngôn ngữ bản địa, thì, về phía độc giả, sự thích thú lại nằm ở chỗ trái ngược: Họ muốn được biết thêm một câu thành ngữ mới! Còn

nếu cả hai nền văn hóa đều có cùng một thành ngữ giống hệt nhau về ý nghĩa cũng như hình ảnh ví von thì dịch giả nên chú thích để xác nhận sự trùng hợp thú vị đó.

Nói chung, một trong các nhu cầu của người đọc hiện nay khi đọc các tác phẩm nước ngoài là được giới thiệu những tư tưởng, hình ảnh mới lạ mà họ chưa hề biết!!

VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔN NGỮ NƯỚC NGOÀI VÀO NGÔN NGỮ BẢN ĐỊA

Các bản dịch văn học lắm khi có những tác động tích cực vào ngôn ngữ bản địa.

Rất nhiều cách viết, cách nói nước ngoài được du nhập vào qua con đường văn chương nghệ thuật. Một số được chấp nhận ngay, một số ban đầu có thể bị phản đối, chê bai, chịu sự sàng lọc gay gắt, sau mới vượt qua thử thách và hóa thành bản địa.

Chẳng hạn hai học giả lớn là Nguyễn Hiến Lê và Trương văn Chình những năm 1960–70 khi viết cuốn *Ngữ Pháp Việt Nam* đã rất đả kích cách dùng chữ “bởi” trong dạng câu

“Tác phẩm XYZ được viết bởi ông N.V.X.”,

Hay “Các vị khách được tiếp đón bởi các cầu thủ nước chủ nhà.”

Theo hai ông, từ “bởi” trong tiếng Việt thường chỉ dùng để chỉ nguyên nhân, còn để diễn tả những ý trên người Việt chỉ có cách nói hoặc viết:

“Ông N.V.X. đã viết tác phẩm XYZ”,

“Các cầu thủ nước chủ nhà tiếp đón các vị khách”.

Cách dùng với liên từ “bởi” chính là cách dùng theo sát cách sử dụng thụ động cách (passive form) với từ “par” (của người Pháp) hay “by” (người Anh).

Dù bị sự phản đối của hai học giả có uy tín, nhưng ngày nay chúng ta có thể thấy trong sách báo Việt ngữ cách dùng thể thụ động với liên từ “bởi” này đã trở nên rất phổ biến.

Gần đây trên phim truyền hình ta thấy rất nhiều đối thoại được dịch kiểu như sau:

Hỏi: “Anh có mang tiền không?”

Trả lời: “Không, tôi không.”

Người Việt thực ra thường không trả lời kiểu như vậy mà thường nói “Không” gọn lỏn, hoặc dài hơn thì nói “Không, tôi không có mang” nghĩa là có thêm vị ngữ đi kèm theo sau, chứ chẳng ai nói “Không, tôi không” như vậy. Nhưng ai dám chắc rằng mười năm sau này người Việt lại chẳng nói như thế: “Có, tôi có” hay “Không, tôi không”...như người Mỹ nói “Yes, I do” hay “No, I don’t”!

Người chê thì bảo “Chạy theo nước ngoài”, “Ăn nói Tây quá, mất gốc”. Nhưng người khen cũng có thể bảo “Tiếp thu có chọn lọc”, “Làm phong phú cách nói người Việt”!!!

Nói về văn học miền Nam trước 75, một nhà phê bình có nói đại để “Nếu không có văn học Tây phương thì sẽ không có các nhà văn Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu...”. Thanh Tâm Tuyền viết “Bếp Lửa”, văn rất hay. Dương Nghiễm Mậu viết “Tuổi Nước Độc”, hay không kém.

Nhưng văn của hai tác giả này rất khác lạ, không hề giống các nhà văn thế hệ trước của văn chương Việt Nam mà gần với các tác giả Tây phương của văn học hiện sinh như Sartre, Camus... không chỉ gần về tư duy mà cả lối viết.

Văn hóa, văn học, thẩm thấu vào con người ta cách nào đó

không thể cắt nghĩa được. Rồi tới lúc nó trào ra ở đầu ngọn bút, tự nhiên nó có hương xa vị lạ, thành một thứ văn phong riêng biệt, khác người. Hay, hay dở, phải có thời gian để người đọc nhiều thế hệ thẩm định rồi chấp nhận hoặc chối bỏ, một phần hay nhiều phần... Điều đó đâu dễ đoán trước.

VĂN PHONG

Có những dịch giả cho rằng dịch thật sát nguyên tác chứng tỏ mình hiểu rõ ý nghĩa của nguyên tác. Họ bám sát từng câu từng chữ nguyên tác, và nếu có thể từ một câu nguyên tác viết thành một câu của ngôn ngữ bản địa mà độc giả khi đọc trong tiếng bản địa vẫn thấy có nghĩa (hiểu được) mà không hiểu sai ý của nguyên tác thì họ cho là thành công, dù rằng câu đó có vẻ ngoại lai, có trúc trắc khi đọc, không xuôi tai, không trôi chảy.

Ngược lại có những dịch giả muốn có một bản dịch thuận tai, dễ nghe, trôi chảy. Họ không muốn viết ra một bản dịch quá ngoại lai (quá Tây) quá xa lạ trong cách viết so với cách nói cách viết của văn hóa bản địa. Kết quả là qua những bản dịch này chúng ta được thấy một văn phong rất quen thuộc của... dịch giả, dù rằng họ dịch những tác phẩm của nhiều tác giả khác nhau có văn phong rất khác nhau! Đọc các dịch phẩm, chẳng hạn, của Vũ Đình Lưu trước đây và Trịnh Lữ bây giờ có thể nhận ra giọng văn rất trau chuốt của người dịch. Và người đọc có thể tự nghĩ: không biết lời văn trong nguyên tác có trau chuốt, trôi chảy như vậy không?

Văn Hồ Biểu Chánh chắc chắn khác văn Nguyễn Tuân. Nhưng phải đọc trong tiếng Việt mới nhận ra được điều khác

ấy. Nếu dịch ra tiếng nước ngoài ai dám chắc chuyển được cái khác nhau ấy của hai ông?

Ai cũng sợ dịch thơ vì thơ có văn phong rất đặc thù.

Văn xuôi thì tuy ít khó khăn hơn một chút so với thơ, nhưng văn của nhiều tác giả cũng rất riêng, nên muốn dịch mà chuyển được cả cái cách viết, cái giọng văn rất riêng đó qua bản dịch nhiều khi cũng là bất khả.

Dịch nghĩa thì có thể. Dịch ý cũng có thể (dù có thể không chuyển được hết tất cả mọi ẩn ý của nguyên tác). Nhưng phong thái của tác phẩm thì hình như không thể dịch được. Vì điều đó nằm trong cú pháp của từng câu từng chữ mà mỗi ngôn ngữ có đặc thù riêng, mỗi tác giả lại có cách thể hiện, cách dùng chữ riêng.

Văn phong của tác giả là cái tôi sợ rằng chỉ có thể chuyển phần nào thôi. Như đọc văn dịch Hemingway, nếu dịch giả không quá “gọt dũa” cho trôi chảy, thì chúng ta có thể vẫn hình dung được cái văn phong rất đặc biệt của ông

Với những tác giả chỉ coi văn như một công cụ bình thường và đơn giản, chỉ sử dụng văn để chuyển tải câu chuyện, cảm xúc... thì việc dịch cũng tương đối giản đơn, chỉ phải cố gắng chuyển hết ý nghĩa của câu chữ là tạm ổn. Còn tới trường hợp những tác giả chủ trương rằng “con chữ có đời sống riêng của nó”, và ý nghĩa của câu văn có thể nằm ở giọng điệu, ở cấu trúc từng chữ trong câu, v.v. (như một số những tác giả hiện đại, hậu hiện đại) thì sự dịch lắm khi là bất khả, vì rằng ngay như người bản ngữ đọc nguyên tác có thể mỗi người lại cảm nhận mỗi khác!!

Ở thơ, sự viết lại được xem như... đương nhiên, vì ai cũng thấy việc dịch sát từng chữ từng câu là bất khả cho thứ ngôn ngữ rất đặc thù này. Nên Kiều, Chinh Phụ, Tỳ Bà vẫn chiếm một địa vị ngày càng vững chắc trong lòng người đọc. Trong khi các sách văn xuôi viết lại của Cao Văn Thái, Hồ Biểu Chánh không được như vậy.

Tuy nhiên, văn xuôi không phải là không đòi hỏi (hay chấp nhận) sự viết lại. Sự thành công đặc biệt của Ngọc Thứ Lang đối với quyển *The Godfather* của Mario Puzo qua bản dịch Bồ Già chứng tỏ ở một số địa hạt nào đó (ở đây là địa hạt giang hồ-xã hội đen, vốn là một xã hội riêng với ngôn ngữ riêng hết sức đặc thù) sự viết lại vẫn có chỗ đứng.

Tôi cũng không ngạc nhiên khi Bùi Giáng thành công chiếm được cảm tình của khá đông người đọc với dịch phẩm Hoàng Tử Bé bằng lối dịch như thơ, giàu giọng điệu. Lý do có lẽ do *Le Petit Prince* của Saint-Exupéry là một chuyện gần như cổ tích, đầy thơ mộng, đầy những phúng dụ, u-mặc (humour), hóm hỉnh. Dù rằng cũng chính vì vậy mà nhiều độc giả trẻ sau này không thích bản Bùi Giáng mà thích các bản mới dịch sát hơn.

Và khi đọc bản dịch tác phẩm danh tiếng *Hành Trình Đến Tận Cùng Đêm Tối* (*Voyage au bout de la nuit*) của Louis Ferdinand Céline, mà dịch giả Hoàng Phong giới thiệu là được viết bằng “một bút pháp mới mẻ, bất chấp văn phạm chính thống” “... phong phú trong ngữ điệu dân gian và sự sống sượng của tiếng lóng dân dã ngoại ô”... tôi tự hỏi nếu dịch giả không dịch thẳng mà dịch nghiêng (chữ dùng trong *Nhập môn Nghiên cứu Dịch thuật*), nghĩa là dịch kiểu như Ngọc Thứ

Lang dịch *Bố Già*, thì có thể độc giả Việt Nam sẽ có một dịch phẩm hấp dẫn hơn để xem???

Sự thành công nhiều khi vượt bậc của những tác phẩm dịch đã trở thành kinh điển như *Kiều*, *Chinh Phụ Ngâm*, *Tỳ Bà Hành* đã trở thành một áp lực cho các dịch giả. Các dịch giả bị áp lực phải có một bản dịch sao cho nếu nguyên tác đã hay như thế nào đối với người dân của bản gốc thì bản dịch cũng phải hay tương đương như thế đối với người dân của bản dịch!!!

Mới đây Elfriede Jelinek, Nobel văn chương 2004, cũng muốn các dịch giả sáng tác lại tác phẩm của bà khi họ dịch chúng sang các ngôn ngữ khác: “Thật khổ cho các nhà dịch thuật! Họ phải viết lại hoàn toàn công việc của tôi bằng ngôn ngữ nước họ để cho tác phẩm có thể chứa đựng giá trị nguyên gốc”. Và: “Những trò chơi ngôn ngữ chỉ được yêu thích ở những nơi được phép. Và chỉ những nhà văn mới yêu thích trò chơi này...”. Câu sau không hiểu Jelinek muốn nói gì, bà có coi các dịch giả là nhà văn và muốn họ sáng tác lại tác phẩm của bà chăng? Hay chỉ các nhà văn mới có thể “chơi văn giỡn chữ” còn các dịch giả đừng có mà tham gia làm gì?!!!!

(Trong khi nhiều tác giả khác lại rất “sợ” điều này. Họ, khi đàm phán chuyển nhượng bản quyền dịch thuật, đã đặt vấn đề chọn dịch giả, hoặc đòi duyệt bản dịch trước khi in).

Do vậy, các dịch giả có lẽ phải rất đắn đo khi quyết định dịch một tác phẩm có văn phong rất đặc biệt. Khi đó sự dịch sát nhiều khi phản lại tác phẩm, mà việc viết lại tác phẩm lại có tác dụng tích cực hơn: Ít nhất nó khiến người đọc thấy được phần nào cái hay của tác phẩm! Các tác phẩm đặc biệt này quả

là một cái bẫy, nhưng nếu dịch giả tìm ra được một cách xử lý cũng... đặc biệt thì... họ có thể cũng nổi danh không kém tác giả, mà tác giả cũng phải cảm ơn họ!!!

GIAN NAN DỊCH GIẢ

Các dịch giả văn học phải đáp ứng bao nhiêu là những yêu cầu mà đều là những yêu cầu không dễ đáp ứng.

Họ phải đủ trình độ ngoại ngữ và văn hoá để hiểu văn bản gốc một cách thấu đáo, thậm chí còn hơn người bản ngữ: Trình độ của một học giả!! Họ phải giỏi ngôn ngữ của bản dịch, rành văn hóa bản địa, dĩ nhiên phải ở trình độ nhà văn bản xứ!! Giờ họ lại phải đáp ứng cả hai yêu cầu khó còn hơn là lên trời: vừa bản địa hóa để không bị chê là mất gốc, mất bản sắc dân tộc của nền văn hóa này, vừa ngoại lai hóa để bảo đảm một bản dịch giới thiệu được những gì xa lạ của cả cuộc sống, cả ngôn ngữ, tư tưởng, v.v. của nền văn hóa kia.

Ông Hồ Biểu Chánh khi dẫn nàng dâu Tây có tên *Les Misérables* về trình diện bà con Việt, phải khoác cho nàng chiếc áo dài Việt mang tên *Ngọn Cỏ Gió Đùa*. Các dịch giả trẻ ngày nay có thể thoải mái cho nàng dâu Tây xuất hiện với chiếc váy mini phương Tây cũn cỡn ghi rõ hàng hiệu Yves Saint Laurent!!

Nhưng hãy coi chừng!! Trong *Nhập môn Nghiên cứu Dịch thuật* tác giả có đưa ra hình ảnh dịch giả như người nghệ sĩ xiếc đi dây.

Lúc đầu tôi không hiểu, nay tôi mới hiểu ra nỗi nguy hiểm khi nhà dịch giả của chúng ta cheo leo trên dây, giữa hai nền văn hóa mà họ thân thiết và phải thấu hiểu tới mức như ruột rà.

Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn???

Dịch giả đi giữa hai nền văn hóa như nhà nghệ sĩ xiếc cố giữ thăng bằng trên sợi dây mong manh, Hai nền văn hóa, dĩ nhiên đều vĩ đại, bên nào cũng muốn “kéo” nghệ sĩ về phía mình. Không hiểu hay không chịu hiểu rằng “kéo” như vậy là “giết” nhà nghệ sĩ của mình: Nghệ sĩ đi dây sẽ ngã lộn cổ!!!■

TÌNH THẦN ĐẠI ĐẠO

(TIẾP THEO TRANG 77)

đã khai sơn phá thạch, trọn lòng quả cảm hy sinh, tạo dựng nền tảng căn bản trên tinh thần Đại Đạo, để thế hệ người đi sau noi theo dấu chân người đi trước, tiếp tục tiến bước vững chắc cho đến ngày Đại Đạo vinh quang, nhân loại an lạc thái hòa.

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Hãy quay về đoạn đường quá khứ của các bậc Tiên Khai để định đoạt cho bước chân tiếp nối. Có như thế thì ngày kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo mới có ý nghĩa.”*²⁴

Đức Phật dạy:

Chung sức nhau chèo thuyền Đại Đạo,

Dù cam go tần tảo đừng than,

Lý chơn dậm thẳng một đàng,

*Ngày thành Đại Đạo, Thiên Hoàng điểm công.”*²⁵■

24. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15–10 Mậu Ngọ (15–11–1978).

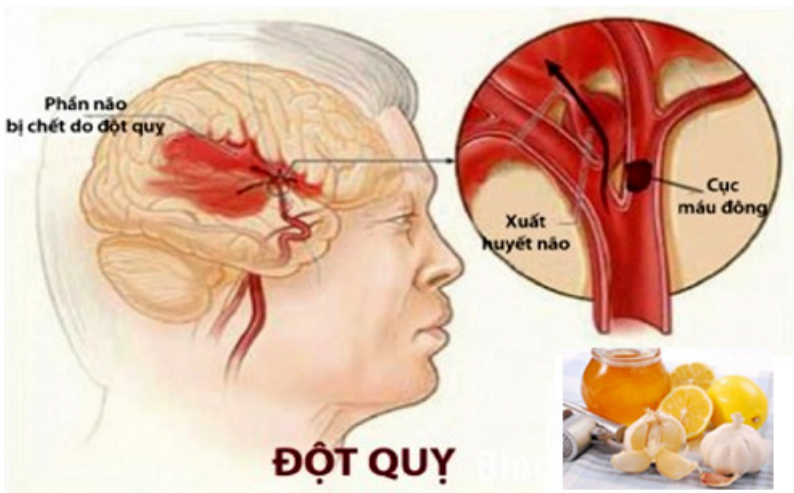
25. Huân Cung Đàn, 08–4 Tân Sửu (21–5–1961).

SỨC KHỎE

THỨC UỐNG NGỪA ĐỘT QUỴ *mà nhà nào cũng nên biết*

■ DIỆU THUẬN S.T.

Công dụng thực sự của loại thần dược này là giúp động mạch trơn tru, không còn hiện tượng cục máu đông. Động mạch trơn tru sẽ ngăn ngừa đột quỵ, đau tim – hai căn bệnh chết người đang trẻ hóa dần ở Việt Nam.



Chỉ với chanh và tỏi, bạn sẽ tránh được hiện tượng cục máu đông – nguyên nhân gây đột quỵ.

NGUYÊN LIỆU

- 6 quả chanh gọt vỏ, cắt thành miếng nhỏ.
- 30 tép tỏi bóc vỏ, cắt miếng nhỏ.
- 1 lít nước.

THỰC HIỆN

Cho tất cả vào máy xay sinh tố, xay nhuyễn. Đổ hỗn hợp ra nồi, đun sôi, tắt bếp, để nguội. Cho hỗn hợp vào lọ thủy tinh, bảo quản trong ngăn mát.

Mỗi ngày, bạn uống 50ml hỗn hợp suốt 3 tuần. Sau đó nghỉ 1 tuần và tiếp tục uống 50ml mỗi ngày trong vòng 3 tuần kế.

Lặp lại quy trình điều trị này mỗi 6 tháng.

THỨC UỐNG ĐẶC BIỆT NÀY MANG LẠI NHIỀU LỢI ÍCH SỨC KHỎE

- Làm mới và trẻ hóa tế bào nhờ đặc tính chống ô-xy hóa.
- Giảm cholesterol xấu.
- Tăng cường hệ miễn dịch.
- Làm sạch và tăng cường chức năng gan.
- Hỗ trợ thận giải độc tố mạnh mẽ.
- Loại bỏ chất béo tích tụ.
- Giảm huyết áp.
- Làm giảm lipid trong máu.
- Ngăn chặn sự hình thành các khối u.
- Cải thiện lưu thông máu.■

THEO EAT HEALTHY PLANS

Nguồn: <http://www.webtretho.com/forum/f113/khong-lo-dau-tim-dot-quy-nho-thuc-uong-sieu-manh-me-da-thong-dong-mach-2279016/>

GIA CHÁNH

BÁNH BAO CHỈ

■ DIỆU THUẬN S.T.



Bánh bao chỉ là món ăn của người Trung Quốc đã được xuất hiện ở Việt Nam từ khá lâu và rất được ưa chuộng bởi vị lạ, dễ ăn của nó. Loại

bánh này được làm bằng bột nếp với bốn loại nhân dừa, đậu xanh, đậu phộng, mè đen và phủ bên ngoài lớp bột khô. Dưới đây là cách làm bánh bao chỉ nhân dừa theo cách làm truyền thống nhưng biến đổi khác một chút với lớp dừa nạo bao bên ngoài cho đẹp mắt.

NGUYÊN LIỆU BÁNH BAO CHỈ GỒM CÓ

- Bột nếp: 300 gam
- Dừa nạo: 100 gam
- Dừa bào: 50 gam
- Đường: 60 gam
- Bột nếp rang (bột khảo) có 2 loại: Một loại dùng làm vỏ bánh, một loại dùng để trộn nhân

CÁC BƯỚC LÀM BÁNH BAO CHỈ NHÂN DỪA

1. Làm nhân bánh: Dừa nạo đem trộn đều với 4 muỗng canh đường để khoảng 15 phút (lượng đường này có thể thay đổi tùy theo khẩu vị ăn của mỗi người). Sau đó, cho dừa vào chảo đun nhỏ lửa, đảo đều cho ráo rồi cho bột khảo loại trộn nhân vào, đảo đến khi có thể vo tròn nhân là được

2. Làm vỏ bánh: Cho bột khảo loại làm vỏ vào thau, đổ từ từ nước vào trộn cho bột dẻo mịn rồi rắc một lớp bột áo vào phần bột vừa nhồi

3. Nặn bánh: Chia bột thành nhiều phần nhỏ. Dàn mỏng từng phần bột ra, cho nhân dừa vào giữa và vo tròn. Tiếp tục, cho viên bột vào bát dừa bào, dùng tay xoa đều cho dừa áo bám đều bánh, bày ra đĩa và thưởng thức.

Bánh bao chỉ nhân dừa ăn mềm, dẻo, thơm của lớp vỏ bột nếp bên ngoài cùng với vị ngọt ngậy của nhân dừa bên trong rất ngon và hấp dẫn. Khi thưởng thức bạn mới thấy rõ được tại sao món bánh này lại được yêu thích đến vậy! Chúc bạn thực hiện món ăn này thành công.■



THEO DÒNG ĐẠO SỰ

■ THANH HIỂN

30-6 BT (02-8-2016) Thánh tịnh Bửu Quang Đàn tổ chức lễ kỷ niệm 42 năm Lạc thành.

07-7 BT (09-8-2016) Thánh tịnh Như Ý Linh Thần Đài (Bình Dương) tổ chức lễ Vía Đức Hồng Quân Lão Tổ (hình 1).

23-8 BT (23-9-2016) Nam Thành Thánh thất tổ chức lễ Khai Tịch Đạo. Nhân dịp này, Vụ phó Nội Chánh Vụ CQPTGLĐĐ, Diệu Nguyên được mời thuyết trình đề tài “Vạn giáo đồng nguyên và quy nguyên” (hình 2).

27-8 BT (27-9-2016) Thánh tịnh Minh Kiến Đài tổ chức lễ Vía Đức Khổng Thánh Tiên Sư. Đạo huynh Giáo sĩ Huệ Ý, Tổng Thư Ký CQPTGLĐĐ được mời phát biểu cảm tưởng trong buổi lễ (hình 3, 4).

01-9 BT (01-10-2016) Thánh tịnh Bát Quái Đồ Thiên tổ chức lễ kỷ niệm 80 năm tạo tác và lễ giỗ lần thứ 10 chư vị Tiên bối Tam Giang (hình 5, 6).

08-9 BT (08-10-2016) Kỷ niệm 67 năm thành lập Thánh tịnh Tam Thanh Bửu Điện Long An.

09-9 BT (09-10-2016) Lễ khánh thành Ngôi Thánh Cảnh Hiệp Thiên Đài Giáo Hội Cao Đài Việt Nam Bình Đức.

09-9 BT (09-10-2016) Lễ Trùng Cửu báo ân Cửu Huyền Thất Tổ miễn Trung Giang tại Thánh tịnh Ngọc Long Thành.

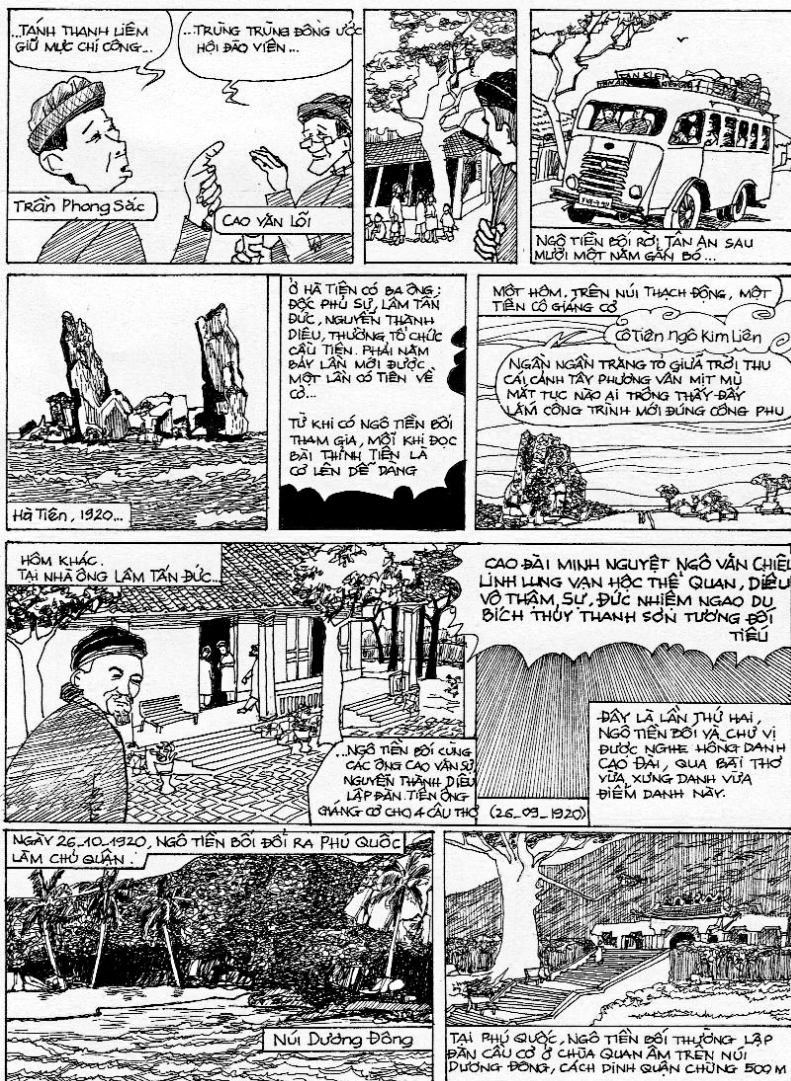
09-9 BT (09-10-2016) Lễ Trùng Cửu cầu siêu Cửu Huyền Thất Tổ tại Thánh tịnh An Thiên (Vĩnh Long).

14-9 BT (14-10-2016) Thánh tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc tổ chức lễ kỷ niệm 81 năm thành lập. Nhân dịp này, Vụ phó Nội Chánh Vụ CQPTGLĐĐ, Diệu Nguyên được mời thuyết trình đề tài “Tinh thần Hòa Đồng Nữ Đạo”.

19-9 BT (19-10-2016) Kỷ niệm 48 năm thành lập Thánh thất Minh Tân Cao Tiên Đàn, Q.6.■

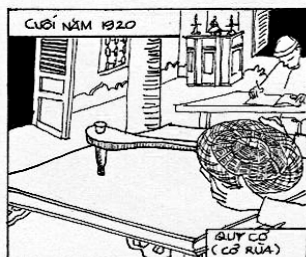


NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU: MÔN ĐỆ



ĐẦU TIÊN CỦA CAO ĐÀI (KỲ 4)

■ LỜI: BÙU LONG • VẼ: CỌ TRẮNG



(CÒN TIẾP)

PHƯƠNG DANH QUÝ HUYNH, TỶ, ĐỆ, MUỘI CÔNG QUẢ ẨM TỔNG KINH SÁCH (TIẾP THEO)

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chân thành cảm tạ quý đạo hữu tiếp tục hỗ trợ đạo sự Ẩn tổng (kể từ 04-07-2016 đến 05-10-2016)

1. Cổ ĐTỷ Nguyễn Thị Phục	100.000đ
2. Cổ Đt Mai Thị Hạnh	1.000.000đ
3. ĐH Hậu	200.000đ
4. ĐTỷ Hồ Vũ Hoàng Oanh	500.000đ
5. ĐTỷ Nguyễn Thị Hồng	500.000đ
6. Bé Huỳnh Mai, Minh Phát	100.000đ
7. ĐTỷ Hồ Thị Việt Thúy	200.000đ
8. Đạo tâm Ẩn danh	100.000đ
9. ĐTỷ Nguyễn Thị Định	1.000.000đ
10. Gia đình ĐH Thiện Đức	1.000.000đ
11. ĐTỷ Trần Thị Muội	500.000đ
12. Gia đình Cổ ĐT Huệ Chiêu Quang	3.000.000đ
13. Gia đình Cổ ĐH Phạm Văn Thiều	5.000.000đ
14. ĐH Nguyễn Hoàng Bảo Anh	1.000.000đ
15. Đạo tâm Ẩn danh	20.000.000đ
16. Cổ ĐTỷ Huỳnh Kim Kỳ	1.000.000đ
17. Gia đình ĐTỷ Cao Bạch Liên	7.000.000đ
18. Gia đình ĐH Cao Trung Nhứt	4.000.000đ
19. ĐTỷ Trần Thị Ánh Vân	1.000.000đ
20. ĐTỷ Nguyễn Thu Minh	2.000.000đ
21. ĐTỷ Chân Phương	500.000đ
22. ĐH Đạt Chánh, ĐTỷ Thúy Liễu	500.000đ
23. ĐH Lâm Đăng Ngọt	1.000.000đ
24. Gia đình ĐTỷ Trúc An	350.000đ
25. Họ Đạo Trung Nghĩa	365.000đ
26. Gia đình GL Hoàng Huy Nam	100.000đ
27. ĐTỷ Liên Anh	50.000đ
28. ĐTỷ Thiên Ngọc, Thanh Nga	300.000đ
29. ĐH Phạm Trung Quốc	300.000đ
30. ĐTỷ Kim Oanh	200.000đ
TỔNG CỘNG:	52.865.000đ



Sách ấn tống. Không bán.